

THÔNG LUẬN

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHI LUẬN

Publiée par Association Vietnam Fraternité, 7 allée Bouleau Carreau, 77600 Bussy-Saint Georges, France
Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359
Adresse Web : <http://www.thongluan.org> - Directeur de publication: Nguyễn Văn Huy



ISSN 1145-9557 - Số 199 - Năm thứ 19, tháng 01.2006

2006, GIÀNH THÊM THẮNG LỢI CHO DÂN CHỦ và GIỮ GÌN TIẾNG VIỆT

Mỗi số báo đầu năm đều có một ý nghĩa đặc biệt đối với Thông Luận. Đó cũng là dịp kỷ niệm ngày sinh. Số Thông Luận đầu tiên ra đời tháng 1-1988. Với số này Thông Luận vừa tròn 18 tuổi.

Trong 18 năm qua, tờ báo này đã đến đều đặn với độc giả và đã góp phần đáng kể vào một nếp suy tư mới cần thiết để khai thông những bế tắc của đất nước. Nhìn lại những phản ứng, đôi khi rất gay gắt, khi những khái niệm dân chủ đa nguyên, đồng thuận dân tộc, hòa giải và hòa hợp dân tộc, và dĩ nhiên chủ trương đấu tranh bất bạo động được đưa ra lúc ban đầu trên tờ báo này, và những hưởng ứng hiện nay ở cả trong lẫn ngoài nước, chúng ta có thể thấy một tiến bộ lớn và đầy hứa hẹn về tư tưởng chính trị của người Việt.

Mọi thay đổi chính trị bao giờ cũng cần một thay đổi tư duy đi trước. Thông Luận đã có vai trò của nó trong cuộc hành trình của đất nước về một tương lai dân chủ, ít hay nhiều nó đã hiện diện trong lịch sử của đất nước ở một giai đoạn chuyển hóa trọng đại.

Đó cũng là nhờ sự hưởng ứng của độc giả và thân hữu. Dĩ nhiên không phải độc giả nào cũng tán thành lập trường của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên và cũng không độc giả nào, kể cả thành viên ban biên tập, đồng ý với tất cả những ý kiến đã được đưa ra trên tờ báo này, nhưng Thông Luận đã là nơi gặp gỡ của rất nhiều người quan tâm tới đất nước, trong đó một phần đáng kể là các chí hữu và thân hữu của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên.

Bước vào năm thứ 19, Thông Luận cũng như mọi tờ báo Việt ngữ khác tại hải ngoại đang đứng chung trước một vấn đề : sự suy giảm của số độc giả tại hải ngoại. Chúng tôi lo ngại và báo động sự kiện này. Số độc giả thâm niên ngày càng lớn tuổi, nhiều vị không còn nữa, trong khi phần lớn thế hệ mới trưởng thành tại hải ngoại không còn thông thạo tiếng Việt. Đó là một nguy cơ lớn.

Ngôn ngữ là một dụng cụ để trao đổi ý kiến nhưng nó cũng là một dụng cụ để suy nghĩ, một yếu tố thống hợp. Khi chúng ta không còn sử dụng được tiếng Việt Nam nữa thì sự gắn bó với đất nước cũng không còn. Mặt khác, một kiến thức chỉ có thể sử dụng cho một dân tộc khi nó có thể phát biểu bằng văn hóa, nghĩa là bằng ngôn ngữ của dân tộc đó. Không hướng dẫn con em học tiếng Việt là một sai lầm nghiêm trọng cho đất nước cũng như cho gia đình, nếu chúng ta vẫn còn muốn là người Việt. Không thể để cho sự thành công về khoa bảng và trong cuộc sống làm quên mất điều cốt lõi. Chúng ta sẽ hối tiếc. Hơn nữa muốn giữ gìn tiếng Việt thì phải có những sách và báo tiếng Việt có giá trị.

Vậy chúng ta cùng nhau gìn giữ tờ báo này, tờ báo của quý vị, bằng cách tiếp tục mua báo và vận động để thêm độc giả cho Thông Luận. Đó là lời kêu gọi đầu năm 2006 cho tờ báo và cũng cho tương lai của chính cộng đồng người Việt hải ngoại.

Xin chúc độc giả và thân hữu một năm 2006 sức khỏe, hạnh phúc và thành công trong mọi dự án.

Nguyễn Văn Huy, chủ nhiệm,
và toàn ban biên tập

NHẤT ĐỊNH KHÔNG CHẤP NHẬN SỐ PHẬN NÀY

Nếu có một lời cầu chúc cho đất nước trên thêm năm 2006 thì đó là một ý chí mới và một sức bật mới để khước từ số phận thua kém. Đất nước đang lâm nguy, chúng ta đang thua cuộc cạnh tranh trí tuệ quyết định chỗ đứng và sự vinh nhục của mỗi dân tộc.

Các mặt hàng xuất khẩu của ta – dầu thô, gạo, cao su, cà phê, tiêu, tôm đông lạnh, giấy dếp gia công – đều không có giá trị kỹ thuật. Ngành tin học trước đây không lâu còn là hy vọng lớn của Việt Nam không còn được nhắc tới nữa. Việt Nam triệt thoái về những kỹ thuật thấp nhưng cũng vẫn ngạt thở vì hàng Trung Quốc tràn ngập. Đảng cộng sản không còn đưa ra một mục tiêu quốc gia nào như người ta có thể thấy khi đọc dự thảo cương lĩnh chính trị của đại hội 10 sắp tới. Quốc sách hiện nay là xuất khẩu lao công, các dự án đầu tư quan trọng nhất là khách sạn và các trung tâm giải trí. Tương lai được chuẩn bị cho Việt Nam là tương lai của những người bóc vỏ tôm, lái taxi, bồi bàn, vũ nữ, hoặc những người bán sức lao động ở nước ngoài. Không nên để cho con số tăng trưởng nhất thời 7,5% che khuất nguy cơ lâu dài của một nước Việt Nam tụt hậu, xuống cấp và nghèo khổ.

Cuộc cách mạng tri thức đang sôi nổi trên thế giới đáng lẽ phải là một cơ may ngàn năm một thuở cho các dân tộc lỡ bước chậm chân như chúng ta. Khác với cuộc cách mạng kỹ nghệ trước đây, nó không đòi hỏi những đầu tư tốn kém và những thiết bị đồ sộ ngoài tầm tay. Nó chỉ đòi hỏi một yếu tố mà chúng ta có nhiều và có thể khai thác trong một thời gian ngắn : trí óc. Đầu tư quan trọng nhất, cũng là cuộc thi đấu gay go nhất hiện nay giữa các dân tộc, là xây dựng một nền giáo dục khai phóng có khả năng đào tạo ra những con người thông thái và sáng tạo. Đầu tư này chỉ đòi hỏi sự sáng suốt và tầm nhìn. Những máy PC không đắt và có khả năng trong phút chốc cồng hiến cả kho tàng hiểu biết của nhân loại cho những ai muốn học hỏi. Một máy PC nối kết vào mạng Internet xóa bỏ khoảng cách và cho phép hiện diện, làm việc và sáng tạo ở khắp nơi trên thế giới mà không cần di chuyển, đồng thời hứa hẹn những lợi tức rất lớn cho những quốc gia có kỹ năng. Một thí dụ : nếu ngành tin học của Việt Nam dự đoán và chuẩn bị được cuộc chuyển hóa của ngành tin học, từ tin học lập trình (programming) sang tin học thích ứng, sử dụng những hệ thống ERP đã làm sẵn chỉ cần thích nghi với xí nghiệp thì ít nhất chúng ta đã chiếm được một phần của thị trường bảo trì và hỗ trợ tức khắc (hotline) 50 tỷ USD hiện nay và sẽ tăng gấp đôi trong một vài năm tới.

Tri thức là cơ bản, sau đó tất cả trở thành dễ dàng. Các xí nghiệp chế tạo cổ điển, dù sao cũng vẫn cần thiết, sẽ dần dần tự động tái phối trí để tìm tới những nước có nguồn nhân công rẻ và tinh nhuệ, có luật pháp dân chủ ổn vững và không tham nhũng. Chúng ta càng không thể bỏ lỡ cuộc cách mạng tri thức này bởi vì chúng ta có tất cả mọi triển

vọng để thắng, và thắng lớn, bắt kịp các nước tiên tiến trong một thế hệ. Khả năng học hỏi của thanh niên Việt Nam cao hơn hẳn mức trung bình thế giới. Chúng ta cũng không sợ thiếu tài nguyên để đầu tư cho giáo dục và đào tạo. Đầu tư vào giáo dục không tốn kém lắm, vả lại Việt Nam hiện nay không thiếu tiền, nhưng tiền tập trung trong tay một số nhỏ và được chuyển ra nước ngoài hay được dùng để đầu cơ nhà đất. Mặt khác, câu lạc bộ các nước viện trợ vẫn dành cho Việt Nam một khoản viện trợ khoản 3 tỷ USD mỗi năm (khoản dự trù cho năm 2006 là 3,7 tỷ USD). Cho đến nay chỉ một phần rất nhỏ của khoản viện trợ này được tháo khoán vì chính quyền cộng sản chỉ đưa ra những dự án "định hướng xã hội chủ nghĩa" không chấp nhận được với những nước văn minh. Nếu có những dự án giáo dục và đào tạo đứng đắn, cho học sinh, sinh viên cũng như cho công nhân, thì sẽ sử dụng được khoản tài trợ quý báu này.

Cuộc cách mạng tri thức hiện nay tuy không đồ máu nhưng rất gay go và toàn diện : sự giàu mạnh không chỉ đi đôi mà còn đồng nghĩa với sự tài giỏi ; chấm dứt thời đại của những kẻ khôn vặt và lấu cá, bước vào kỷ nguyên của trí tuệ. Thắng lớn hoặc thua to.

Phải ý thức hai đặc tính của cuộc cách mạng này.

Một là sự hiểu biết phải được vận dụng một cách sáng tạo và óc sáng tạo chỉ có thể có ở những con người tự do. Cuộc cách mạng tri thức vì vậy cũng là cuộc thi đua thực hiện tự do ở mức độ cao nhất.

Hai là người ta đang chứng kiến khuynh hướng tập trung chất xám vào một số trung tâm lớn như New York, Boston, San Francisco, Tokyo, Bangalore, v.v., tất cả đều ở các nước dân chủ. Hiện tượng tập trung này có nghĩa là một quốc gia hoặc sẽ lôi kéo được chất xám hoặc sẽ mất chất xám, và muốn lôi kéo chất xám thì phải có tự do, chứ không còn tình trạng vô thưởng vô phạt. Hoặc dân chủ hoặc thua kém !

Để có thể nhảy vào cuộc đấu đầy hứa hẹn này, trước hết chúng ta phải giành lấy quyền được vào đấu trường, nghĩa là giải quyết bài toán dân chủ hóa. Chúng ta đang chịu đựng một đảng cầm quyền không hề có tham vọng nào cho đất nước mà chỉ có tham lam quyền lực cho chính mình, làm ngược lại những gì cần làm. Chúng ta nhất định phải khước từ số phận này. Nhưng nếu chúng ta *thực sự* muốn thay đổi hướng đi của lịch sử thì chúng ta phải nhận ra những kẻ thù của dân chủ rất mạnh, rất ngoan cố và đầy dã tâm. Những người dân chủ cũng phải có tổ chức, và tổ chức thực sự có lãnh đạo và kỷ luật, chứ không phải những cuộc gặp mặt ngẫu nhiên, những kết hợp lỏng lẻo và hình thức. Chỉ có một tổ chức dân chủ mạnh mới đủ sức để áp đặt cuộc chuyển hóa về dân chủ và sau đó dẫn đất nước vào đấu trường của cuộc cách mạng tri thức.

Thông Luận

TIẾP TỤC CHIẾN LƯỢC LISBONNE ?

Nguyễn Văn Hưu

Từ sau khi chiến tranh lạnh chấm dứt, ưu tư chính của những quốc gia giàu có phương Tây là củng cố vai trò lãnh đạo của họ trên thế giới, cả về quân sự lẫn kinh tế. Nhưng ai lãnh đạo ai, đó là cả vấn đề. Cuộc tranh cãi, đôi khi dẫn đến tranh chấp, giữa các cường quốc phương Tây từ cuối thế kỷ 20 đến nay vẫn chưa ngã ngũ.

Về quân sự, các quốc gia Tây Âu không còn dành cho khối Minh Ước Bắc Đại Tây Dương (NATO) một vai trò quan trọng nữa, những hợp tác quân sự nếu có chỉ để thử nghiệm những loại vũ khí mới hay những mô hình tác chiến trong những xung đột võ trang cục bộ tương lai, đặc biệt là chống khủng bố. Trong cuộc chạy đua võ trang, Châu Âu nhường cho Hoa Kỳ vai trò lãnh đạo thế giới và dồn mọi cố gắng vào các lãnh vực kinh tế và kỹ thuật tinh xảo khác để củng cố ngôi vị dẫn đầu của mình.

Không phải ngẫu nhiên từ sau năm 2000 Liên Hiệp Châu Âu không còn nhìn Hoa Kỳ như một đồng minh quân sự nữa mà là một đối thủ kinh tế lợi hại cần phải triệt hạ.

Trước những biến chuyển dồn dập vào cuối thế kỷ 20, nhất là sự lớn mạnh của trào lưu toàn cầu hóa, tất cả các quốc gia giàu nghèo trên thế giới đều xét lại chiến lược phát triển của mình trong thế kỷ mới. Đối với các quốc gia giàu có, đặc biệt là Liên Hiệp Châu Âu, sự xét lại này càng quan trọng hơn nữa vì đó là sự sống còn của họ.

Các quốc gia Tây Âu đã tốn rất nhiều thời gian và công sức để biến Liên Hiệp Châu Âu thành một thế lực kinh tế đủ khả năng lãnh đạo thế giới về mọi mặt. Trước một tham vọng quá lớn và một khả năng giới hạn, những nhà lãnh đạo Liên Hiệp Châu Âu nhận thấy rằng họ đang bị Hoa Kỳ và một vài quốc gia Đông Á phát triển khác qua mặt trên nhiều lãnh vực. Nếu không tìm cho ra được một chiến lược phát triển ổn định lâu dài, Liên Hiệp Châu Âu sẽ rất khó bắt kịp Hoa Kỳ và các quốc gia Đông Á khác ngay trong những năm đầu của thế kỷ 21 này. Một thí dụ : tỷ lệ tăng trưởng kinh tế của Liên Hiệp Châu Âu cuối năm 1999 bằng 1%, trong khi Hoa Kỳ và Đông Á khoảng 3%.

Trì trệ kinh tế kéo dài tại châu Âu đã làm chậm lại mọi dự án phát triển và làm xuống cấp đời sống con người, nhất là những người già và thanh niên tới tuổi làm việc. Thêm vào đó, tham vọng mở rộng không gian trong Liên Hiệp cho các quốc gia Đông Âu cũ càng làm gia tăng nỗi lo bị thua kém, từ đó nảy sinh tâm lý co cụm, từ chối mọi hội nhập khiến những cố gắng cải tổ càng khó khăn.

Ý thức được tình trạng này, cuối tháng 3 năm 2000 các nhà lãnh đạo Liên Hiệp Châu Âu 15 (quốc gia) đã gặp nhau tại Lisbonne (thủ đô Portugal) để thảo luận về tương lai của Liên Hiệp. Sau cuộc họp, tất cả đều đồng ý về một loạt cải tổ lớn cho 10 năm tới, từ năm 2000 đến năm 2010 trên bình diện quốc gia và châu Âu, để kích thích tăng

trưởng kinh tế và giải quyết nạn thất nghiệp. Bản thỏa thuận này được công bố ngày 24-3-2000, dưới tên gọi "Chiến lược tăng trưởng và nhân dụng Lisbonne" (*La stratégie de Lisbonne pour la croissance et de l'emploi*) (*The Lisbon strategy of growth and employment*), gọi tắt là "chiến lược Lisbonne".

Nội dung chiến lược này như thế nào ? Trừ những người quan tâm đến sinh hoạt chính trị của châu Âu, ít ai biết rõ, kể cả giới truyền thông. Có lẽ vì nội dung chiến lược này quá phức tạp và khó hiểu nên sự vận động trong quần chúng đã không tích cực ? Sự thiếu sót này trước hết thuộc về chính quyền của mỗi quốc gia. Một biểu hiện cụ thể là từ năm 2000 đến nay gần như bất cứ cải tổ nào do các quốc gia địa phương đưa ra đều bị quần chúng chống đối, nhất là tại Pháp và Đức.

Trong thực tế nội dung chiến lược Lisbonne này rất phức tạp và khó hiểu, do đó rất khó giải thích và cũng khó thông tin. Nó gồm 28 mục tiêu chính, 120 mục tiêu phụ và 117 chỉ điểm khác nhau. Đó là chưa kể mỗi năm các quốc gia thành viên phải nộp khoảng 300 báo cáo về tiến trình thực hiện. Nội dung chiến lược này có thể được tóm tắt như sau : thúc đẩy các lãnh vực nghiên cứu để kích thích sáng tạo và năng động hóa sinh hoạt kinh tế châu Âu, đủ khả năng cạnh tranh với bất cứ cường quốc kinh tế nào, từ đó tạo ra tăng trưởng lâu dài và toàn dụng nhân lực, bảo đảm liên đới xã hội và tôn trọng môi trường.

Muốn thực hiện thành công những mục tiêu trên, mỗi quốc gia thành viên trong Liên Hiệp phải làm những cố gắng cần thiết ít nhất trong năm lãnh vực : 1-đầu tư vào các lãnh vực nghiên cứu về kỹ thuật thông tin và truyền thông cao cấp để tiếp tục giữ ngôi vị dẫn đầu ; 2-thành lập một thị trường dịch vụ duy nhất để hàng hóa và tư bản được tự do lưu thông ; 3-giảm những chi phí hành chánh và gánh nặng thuế khóa để tạo môi trường sinh hoạt phù hợp với ước vọng của các xí nghiệp ; 4-năng động hóa thị trường nhân dụng bằng những chính sách đào tạo liên tục để người lao động luôn luôn thích ứng với những đòi hỏi mới của thị trường ; 5-nâng cao chất lượng các mặt hàng nông công nghiệp và tôn trọng và bảo vệ môi trường.

Nói chung, các quốc gia Liên Hiệp Châu Âu cần phải làm thêm nhiều cố gắng hơn nữa để phục hồi lại phát triển kinh tế, rồi nhờ phát triển kinh tế giải quyết nạn thất nghiệp. Thật là lý tưởng, nhưng...

Sau 5 năm thực hiện chiến lược Lisbonne, kết quả thu được đã rất khiêm nhường : tăng trưởng kinh tế gần như không có : từ số không (âm) đến trên dưới 1%, thất nghiệp vẫn ở mức độ cao (9%), ngân sách quốc gia thâm hụt liên tục và không cải tổ quan trọng nào được thực hiện tới nơi tới chốn.

Gần như tất cả mọi chỉ tiêu đề ra đầu năm 2000 đều phải hạ xuống : chỉ tiêu tăng trưởng 3% dự trù sẽ đạt được vào cuối năm 2010 được giảm xuống còn từ 2 đến 2,5% (trong thập niên 1990 là 2,7%) ; chỉ tiêu sử dụng 70% lực lượng lao động tích cực (tạo thêm 25 triệu công ăn việc làm mới) vào cuối năm 2010 coi như không thể thực hiện, hiện nay tỷ lệ đó chỉ ở mức 60%, nghĩa là chỉ tạo thêm được 6 triệu việc làm. Nhưng gánh nặng khiến các quốc gia trong Liên Hiệp không thể cất cánh lên được là khuôn mẫu xã hội nặng nề và ô mòm mà người châu Âu rất tự hào, trong đó người dân được nhà nước chăm lo từ khi còn trong bụng mẹ đến khi lìa đời. Hơn 2/3 ngân sách quốc gia chỉ được dùng để giải quyết các vấn đề xã hội, do đó không đủ để tài trợ cho những dự án đầu tư vào tương lai.

Điểm tích cực duy nhất sau 5 năm thực hiện là quân chúng châu Âu đang ý thức được tầm quan trọng của những cải tổ cần thiết để có phát triển, nghĩa là phải thắt lưng buộc bụng hơn nữa để giảm thâm hụt ngân sách. Nhưng trong thực tế không ai chịu hy sinh quyền lợi và mức sống cao của mình, kể cả những người đang được nhà nước tài trợ. Do đó, để có tiền thực hiện những mục tiêu trong chiến lược Lisbonne, gần như quốc gia châu Âu nào cũng phải vay mượn thêm. Hiện nay, tổng số tiền vay mượn hàng năm của một vài quốc gia giàu có bằng 2/3 tổng sản lượng nội địa (GDP), do đó rất khó có tăng trưởng.

Có thể nói Liên Hiệp Châu Âu đang đứng trong cái vòng lẩn quẩn khó ra : không có tăng trưởng thì không có tiền để thực hiện những cải tổ cần thiết, không cải tổ được thì không có tăng trưởng, v.v.

Mục đích của những cải tổ không phải là để làm tốt hơn trước mà làm hơn những quốc gia đối thủ khác. Nhưng sau 5 năm thực hiện chiến lược Lisbonne, Liên Hiệp Châu Âu đang bị hụt hơi trước sự đi lên của Hoa Kỳ và các nước Đông Á phát triển khác, kể cả Trung Quốc trước kia bị coi là chậm tiến nay đã có GDP gần bằng Đức, Pháp và Anh.

Yếu tố quan trọng nhất đối với các cường quốc kinh tế là nghiên cứu và phát minh, trong lãnh vực này Liên Hiệp Châu Âu thua kém hẳn : ngân sách chỉ bằng 1,9% GDP (Hoa Kỳ : 2,6% GDP), trong đó nghiên cứu tư nhân là 56% thay vì 2/3 như dự định trong chiến lược Lisbonne. Do thiếu tiền, những nhà nghiên cứu trẻ đã không được trọng dụng, đa số chọn sang Hoa Kỳ làm việc. Đây là một mất mát lớn, châu Âu đã bỏ ra rất nhiều công sức để đào tạo nhân tài nhưng chỉ vì không đủ điều kiện để tuyển dụng nên chất xám lẫn lượt đội mũ ra đi. Hoa Kỳ là quốc gia hưởng lợi nhiều nhất vì không tốn một đồng xu đào tạo nào lại thừa hưởng trọn vẹn chất xám cao cấp của châu Âu.

Về sản xuất công nghiệp, hạ tầng cơ sở của nhiều quốc gia chưa thích nghi với tình huống mới. Vì là những quốc gia phát triển, các công ty xí nghiệp của Liên Hiệp Châu Âu mất dần chức năng sản xuất hàng hóa thông dụng và buộc phải sản xuất những hàng hóa cao cấp trong các lãnh vực nhạy bén (hàng không, không gian, truyền thông, viễn thông, tin học khôn ngoan, vận tải cao tốc, dược phẩm cao cấp, v.v.), nói chung là những lãnh vực rất tốn kém và không sử dụng nhiều nhân công.

Về giáo dục và đào tạo, các chính quyền châu Âu đang bối rối vì các chương trình học hiện nay đang bị lỗi thời, không đáp ứng được nhu cầu khoa học và kỹ thuật ngày biến chuyển với tốc độ nhanh, trong khi mọi cải tổ về giáo dục đều bị chống đối. Hàng năm số thanh niên đến tuổi làm việc không có những kiến thức cần thiết để thỏa mãn những nhu cầu nhân dụng mới của các xí nghiệp. Thiếu phát minh mới, hàng hóa của châu Âu sẽ khó cạnh tranh với hàng hóa của các nước khác.

Trước những yếu kém này, những nhà lãnh đạo Liên Hiệp Châu Âu 25 (quốc gia) sẽ cùng nhau họp lại vào tháng 3-2006 để điều chỉnh lại những chỉ tiêu chiến lược cho 5 năm còn lại. Tất cả không thể chờ đợi mỗi quốc gia cân bằng thâm hụt ngân sách xong mới thực hiện những cải tổ chiến lược, thời gian quá cấp bách để vượt lên sự chậm trễ. Ngân sách dự trù cho 7 năm tới (2007-2013) vừa được duyệt xong tháng 12-2005 vừa qua, trong đó những tài trợ nông nghiệp và ưu đãi khác đều bị cắt giảm để chỉ dành ưu tiên cho nghiên cứu và kích thích tăng trưởng.

Sau sự duyệt xét này, thái độ đối với Hoa Kỳ chắc chắn sẽ thay đổi, Liên Hiệp Châu Âu sẽ hợp tác tích cực hơn với Hoa Kỳ để giải quyết những xung đột quân sự và tranh chấp thương mại trên thế giới. Nhưng ước muốn này sẽ khó thực hiện vì tâm lý quần chúng, nhất là các đảng phái cánh tả, nghiệp đoàn, trí thức và giới truyền thông châu Âu vẫn còn bị ảnh hưởng bởi những tư tưởng chống Mỹ còn sót lại của thời chiến tranh lạnh.

Khó khăn khác của Liên Hiệp Châu Âu là hợp tác Hoa Kỳ trong cuộc chiến chống khủng bố. Cuộc chiến này đòi hỏi một kinh phí lớn vì chỉ sử dụng những loại vũ khí thông tin cao cấp, bằng truyền thông, vệ tinh và tin học. Chi phí đào tạo nhân sự vào cuộc chiến này cũng rất tốn kém vì đó là những nhà bác học, khoa học, kỹ sư, giáo sư, nói chung đó là những thành phần ưu tú của quốc gia.

Những nhà lãnh đạo Liên Hiệp còn phải làm một quyết định đau đớn khác là phải từ bỏ một số nguyên tắc cơ bản trong khuôn mẫu xã hội cũ nếu muốn tiếp tục tiến tới. Liên Hiệp Châu Âu không thể phát triển nếu 2/3 ngân sách chỉ được dành để giải quyết các vấn đề xã hội. Khuôn mẫu xã hội này trước kia được áp dụng để cạnh tranh với khối cộng sản. Ngày nay chiến tranh lạnh không còn nữa nhưng thói quen được hưởng trợ cấp và từ chối cố gắng vẫn còn nguyên vẹn ; thêm vào đó, các nghiệp đoàn và đảng phái cánh tả thường nhân danh khuôn mẫu xã hội này để làm áp lực đòi thêm quyền lợi. Giới chính trị châu Âu cũng thường lạm dụng khuôn mẫu này để hứa hẹn trong những cuộc tranh cử, khi có chính quyền vì thiếu ngân sách họ chỉ biết đi vay mượn hay đánh thuế trên những công ty, xí nghiệp tư nhân để có tiền thực hiện những gì đã hứa.

Nói tóm lại, mở rộng không gian sinh tồn một cách vội vã là một sai lầm. Tự ấn định những mục tiêu đầy tham vọng không căn cứ vào khả năng thực sự của từng quốc gia là một sai lầm khác. Do đó tiếp tục chiến lược Lisbonne sẽ là một thất bại lớn cho Liên Hiệp Châu Âu 27 nếu không thay đổi được tâm lý bảo thủ của người châu Âu.

Nguyễn Văn Huy

Khuyh hướng đầu tư mới vào Đông Á

Trong mấy năm qua tỷ lệ tăng trưởng kinh tế Trung Quốc tiếp tục tăng cao ở mức 9%, nhưng qua năm 2006 tỷ lệ này được dự đoán sẽ giảm xuống còn 8%. Lý do là Bắc Kinh phải điều chỉnh lại những kết toán về chi tiêu năng lượng và nguyên vật liệu đang rất thiếu cho nhu cầu ngày càng tăng lên. Tỷ lệ tăng trưởng kinh tế này vẫn giữ được mức độ cao là nhờ khả năng tiết kiệm cao của dân chúng Trung Quốc (44,5% trên tổng số tiền kiếm được mỗi năm) và tỷ lệ đầu tư nước ngoài vẫn ở mức 45,3%, cao hơn năm trước, trong khi các ngành sản xuất để xuất khẩu đều thừa tiền. Hai yếu tố này đã tạo một khối lượng tiền thặng dư khổng lồ trong nước, do đó ngày 21-7-2005, khi trị giá đồng nhân dân tệ (CNY-China Yuan Renminbi) vừa tăng lên 2.1% , giới mua bán ngoại tệ quốc tế liền đổ xô vào thị trường Trung Quốc mua đồng CNY tích trữ, chờ cơ hội thuận tiện bán lại.

Thêm vào đó lãi suất ngân hàng tại các nước tiên tiến như Tây Âu và Nhật Bản từ 5 năm qua tiếp tục xuống thấp, ngược lại lãi suất ngân hàng tại các nước Đông Á đã tăng từ hai đến ba lần trong 2 năm qua làm cho làn sóng đầu tư vào các nước Đông Á dâng cao như sóng thần. Tại Trung Quốc, do lượng ngoại tệ thu về quá nhiều bởi chính sách xuất khẩu tối đa, hậu quả đầu tiên có thể thấy được là giá bất động sản đã tăng lên gấp hai, gấp ba lần so với các thị trường bất động sản khác trên thế giới cùng thời kỳ.

Nhưng thực tế đã không sáng lạn như vậy. Qua năm 2006 Trung Quốc phải tìm thêm các nguồn đầu tư khác để thúc đẩy phát triển vì sinh hoạt kinh tế trong nước chủ yếu dành cho gia công và xuất khẩu. Hiện nay vốn đầu tư nước ngoài chỉ tập trung vào các lãnh vực gia công xuất khẩu, khi nguồn gia công và khả năng xuất khẩu bị sút giảm nền kinh tế của Trung Quốc có thể sụp đổ bất cứ lúc nào, vì khả năng sản xuất thật sự cho nhu cầu tiêu dùng trong nước cần một đầu tư lâu bền hiện còn rất yếu. Các nước Đông Á khác cũng không khá gì hơn, tất cả đều sống nhờ vào gia công và xuất khẩu. Mọi người đang chờ đợi một làn sóng đầu tư khổng lồ mới đổ vào nước mình để ra khỏi trì trệ. Cơ hội này đang đến vì số tiền bội thu do giá dầu thô tăng cao trong năm 2005 buộc các quốc gia sản xuất dầu lửa tìm các thị trường đầu tư mới, ngoài Tây Âu và Hoa Kỳ.

Thị trường tiền tệ Trung Quốc là đối tượng của giới đầu tư quốc tế

Tỷ lệ tăng trưởng kinh tế cao tại các nước Đông Á phần lớn dựa vào lượng tiền thặng dư trong cán cân mậu dịch và lượng tiền để dành cao trong vùng, nhưng do trị giá đồng tiền của vùng này còn yếu nên khả năng tái đầu tư trong nước không mang lại hiệu quả cao. Thêm vào đó, ngoài lượng tiền để dành, số tiền đầu tư khổng lồ từ các nước tiên tiến đổ vào các nước Đông Á nhưng hệ thống tổ chức kinh tế của các nước này chưa hoàn hảo để kịp hấp thụ, giới doanh nhân có khuyh hướng dùng các số tiền đó mua quốc

trái của Mỹ để kiếm lời an toàn. Thật ra khi mua quốc trái của Mỹ, lượng tiền nhàn rỗi này chỉ để giữ vững nền kinh tế Mỹ vốn đã nợ nhiều không bị sụp đổ. Đó là chưa kể những công ty đa quốc gia của Mỹ mượn những số tiền thặng dư đó từ các ngân hàng để lấn át các thị trường tiền tệ tại nước Đông Á.

Trước sự vươn lên của vùng Đông Á, đối tượng của giới mua bán tiền tệ quốc tế trong năm 2006 là Trung Quốc. Lý do của sự quan tâm này là Trung Quốc đã là thành viên của Tổ Chức Thương Mại Thế Giới (WTO) từ tháng 12-2001, như vậy là vào tháng 12-2006 các cơ quan tiền tệ quốc tế có quyền hoạt động tự do tại Trung Quốc. Khi mở cửa thị trường quốc nội, kể cả thị trường tiền tệ, cho giới đầu tư quốc tế vào, điểm lợi là giúp đều hòa sự phân phối tài nguyên quốc gia một cách có hiệu quả hơn, thay vì chỉ tập trung vào các vùng bờ biển như hiện nay. Tuy nhiên điều này cũng nâng cao nguy cơ gây biến động lớn cho nền kinh tế Trung Quốc, nhất là thị trường tiền tệ, vì có thể sẽ bị giới đầu cơ quốc tế khuyh loát trong những lãnh vực kinh tế có lời nhất. Điều này đòi hỏi Trung Quốc phải chuẩn bị những cơ năng cứu trợ tiền tệ khẩn cấp khi có đột biến, nghĩa là phải có nguồn dự trữ ngoại tệ dồi dào.

Nhưng vấn đề hiện nay của Trung Quốc là hệ thống tiền tệ rất bất ổn : số tiền cho vay không thu hồi được rất lớn. Nguyên do là các ngân hàng nhà nước chỉ cho các xí nghiệp quốc doanh vay, với những số tiền khổng lồ (từ vài trăm ngàn USD trở lên), khi các xí nghiệp này làm ăn thua lỗ thì cán cân thu chi của các ngân hàng bị thâm thủng và càng bị thâm thủng thì chính quyền càng lấy ngân sách nhà nước bù đắp vào. Tình trạng này rất khó giải quyết vì từ trước đến nay chính những công ty quốc doanh này nuôi sống đảng cộng sản, nếu giải tư hay chuyển các công ty quốc doanh này sang công ty cổ phần thì đảng cộng sản sẽ mất hết phương tiện. Những người lãnh đạo các công ty quốc doanh chỉ quan tâm đến sự tồn tại của đảng cộng sản và gia đình của họ mà thôi, ít ai chú trọng đến hiệu quả kinh tế. Khi đảng cộng sản hay gia đình những người lãnh đạo cần chi tiêu một cái gì thì họ cứ để ra các phí tổn để lấy tiền của công ty.

Vì hệ thống quản lý tiền tệ quá yếu, nếu mở cửa vơi vãi Trung Quốc sẽ khó đối phó với khủng hoảng tiền tệ một khi xảy ra. Nhưng Trung Quốc không thể không mở cửa thị trường tiền tệ, vì đó là một trong những điều kiện để được gia nhập WTO. Do đó cùng với việc mở cửa thị trường tiền tệ, giới đầu cơ từ nước ngoài sẽ vào Trung Quốc mua bán tiền tệ. Đây có thể là ngòi nổ để thị trường tiền tệ Trung Quốc bị hỗn loạn nếu không kiểm soát được.

Thêm vào đó, tại quốc nội, lượng ngoại tệ dự trữ của dân chúng hiện nay khoảng 150 tỷ USD, khi thấy đồng CNY cao giá người ta sẽ đua nhau lấy đồng đô la dự trữ ra mua đồng nguyên. Điều này có thể gây ra lạm phát nếu lượng CNY đang lưu không đáp ứng kịp thời.

Lượng tiền dư thừa không lối thoát (vì thị trường chứng khoán Trung Quốc quá nhỏ và không được tin tưởng) được các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu cơ vào bất động sản, nhất là tại các vùng bờ biển. Tình trạng này làm giá bất động sản tại Trung Quốc tăng cao một cách bất thường. Hầu như các tòa nhà cao ốc chưa xây xong là đã có người đặt mua trước, bất kể được xây dựng đúng qui trình hay không. Tình trạng này rất đáng ngại vì ngày nào quả bong bóng xà phòng này xẹp, tất cả đều suy sụp theo như đã xảy ra tại Thái Lan năm 1997 và Đại Hàn năm 1998. Một khi nền kinh tế của Trung Quốc bị suy sụp sẽ kéo theo sự suy sụp của những quốc gia khác, nhất là của những quốc gia có số đầu tư tại Trung Quốc cao như Đài Loan, Hoa Kỳ và châu Âu ; nhưng sẽ bị thiệt thòi nhiều nhất là thành phần lao động và nông dân Trung Quốc và các quốc gia cung cấp nguyên vật liệu (quặng mỏ, dầu thô) cho Trung Quốc.

Giới sản xuất dầu thô tại Trung Đông đầu tư vào Đông Á

Để tránh lệ thuộc vào sự vận hành của nền kinh tế Trung Quốc, giới đầu tư quốc tế đang chuyển tầm nhìn sang các quốc gia Đông Á. Đây là những thị trường ổn định, có khả năng mang lại lợi nhuận cao nếu đầu tư đúng lúc. Tại đây giới đầu tư phương Tây đã có mặt từ lâu rồi nhưng gần đây, do giá dầu thô tăng gấp ba lần trong vòng vài tháng, chủ nhân những số tiền thặng dư do bán dầu thô từ các nước Trung Đông tập trung chú ý vào Đông Á.

Dẫn đầu giới tư bản mới này là ngân hàng Al Rijadh của Saudi Arabia. Tuy được thành lập cách đây vài năm, ngân hàng này trở thành cơ quan đầu tư chuyên nghiệp trên thế giới. Khi vốn của ngân hàng này vừa được đưa lên thị trường chứng khoán tháng 3-2005, đã có hơn một nửa dân số Saudi Arabia (khoảng 8,3 triệu người) đặt mua cổ phần, số tiền thu được hơn 2 tỷ USD. Trong tháng 7-2005, ngân hàng này được các nhà sản xuất dầu thô Ả Rập tại Dubai góp thêm 1,6 tỷ USD.

Chính quyền và giới doanh nhân Ả Rập khác trong vùng Vịnh Ả Rập cũng ở trong tình trạng tương tự, nghĩa là chưa biết dùng lượng tiền bội thu do giá dầu thô tăng vào việc gì. Từ những tháng cuối năm 2005, họ được hướng dẫn đầu tư vào các quốc gia Đông Á. Một thuận lợi lớn là tại đây có hai quốc gia có dân số đông nhất trong thế giới Hồi giáo là Indonesia và Mã Lai. Nhưng khác với lầm tưởng của nhiều người, giới đầu tư Ả Rập không quan tâm đến tôn giáo hay chủng tộc, nơi nào có lợi là họ tìm vào.

Đối với giới đầu tư Ả Rập, Đông Á là thị trường đầu tư lớn nhất thế giới với hơn 2 tỷ người, trong đó dân số Trung Quốc là một thị trường đầu tư lý tưởng với một dân số gần 1,5 tỷ người. Trung Quốc không có nhiều mỏ dầu và quặng mỏ cần thiết để giữ vững tốc độ phát triển kinh tế cao. Họ còn biết Trung Quốc có tham vọng muốn lãnh đạo các quốc gia Đông Á nên đầu tư vào Trung Quốc là một an toàn. Thêm vào đó mức độ tiêu thụ năng lượng đứng hàng thứ nhì sau Hoa Kỳ, sự lệ thuộc vào nguồn dầu thô là một bảo đảm cho nguồn vốn đầu tư.

Cũng nên biết từ năm 2004 trở lại đây, mỗi năm Trung

Quốc nhập trên 120 triệu tấn dầu thô cộng với lượng dầu sản xuất trong nước. Trung Quốc cũng là nước có nhiều xe hơi nhất thế giới nhưng vì kém kỹ thuật lượng xe hơi đang lưu hành tại Trung Quốc tiêu dùng rất nhiều nhiên liệu, do đó càng lệ thuộc vào nguồn dầu thô nhập khẩu. Chính vì thế các nước sản xuất dầu thô, nhất là Saudi Arabia, thấy Trung Quốc đúng là một thị trường đầu tư lý tưởng vì từ sản phẩm dầu thô, Trung Quốc rất cần vốn để chế biến các phó phẩm của xăng dầu như tơ sợi hóa học, bao bì thực phẩm, sản phẩm PVC, nhất là nhựa đường để xây dựng xa lộ và đường giao thông trong nước ngày càng nhiều.

Đối với các thị trường Đông Á khác, sự quan tâm của giới đầu tư Ả Rập cũng rất nhạy bén, đặc biệt là trong ngành chế biến nguyên liệu dầu thô. Từ 1991, công ty dầu mỏ quốc doanh của Saudi Arabia, "Saudi Aracom" đã làm chủ 35% cổ phần tổ hợp tinh chế dầu Sonyon Group (Tam Long) của Đại Hàn. Đến 1999, sau cuộc khủng hoảng tài chính châu Á, Saudi Aracom mua đứt tổ hợp Sonyon để biến thành công ty "S-Oil" chuyên phân phối và bán lẻ xăng dầu qua một hệ thống cây xăng tại Đại Hàn, Trung Quốc và Việt Nam. Năm 1994, công ty Saudi Aracom mua 40% cổ phần công ty Petrom Corporation của Philippines, góp 15% vốn vào công ty lọc và bán dầu lớn của Nhật là Showa Shell Oil... Ngoài bộ môn năng lượng, công ty Al Zamir của Saudi Arabia đã đầu tư vào ngành sản xuất vật liệu xây dựng tại Việt Nam để xuất khẩu sang các quốc gia Đông Nam Á khác. Tại một vài nơi giới đầu tư Ả Rập còn gián tiếp đầu tư qua hình thức góp vốn thành lập những công ty hợp doanh xuất khẩu.

Sau cuộc khủng hoảng kinh tế tài chính tại châu Á năm 1997, giới đầu tư Ả Rập có hơi co rút lại nhưng qua năm 2000 họ tích cực đầu tư trở lại tại Đông Á vì tốc độ tăng trưởng GDP bình quân tại đây khoảng 7% trong 5 năm qua. Hai quốc gia có lượng tiền dầu thô đầu tư vào nhiều nhất hiện nay là Trung Quốc và Nhật Bản.

Từ 1990 Trung Quốc thành lập hai thị trường chứng khoán, một ở Thượng Hải và một ở Thẩm Quyến, từ 1992 các nhà đầu tư nước ngoài có thể mua cổ phần của các công ty Trung Quốc. Thêm vào đó, Hong Kong được giao trả lại cho Trung Quốc năm 1999, thị trường chứng khoán của cựu nhượng địa này đã làm khởi sắc sinh hoạt mua bán chứng khoán tại Trung Quốc. Giới đầu tư Ả Rập kỳ vọng rất nhiều vào những đầu tư của họ vào Trung Quốc, họ tin rằng những số tiền đó sẽ mang lại nhiều lợi tức cho họ vào các dịp Olympic 2008 Bắc Kinh và Expo 2010 Thượng Hải.

Khi đầu tư vào Đông Á, chính phủ và doanh nhân các nước sản xuất dầu trong vùng Vịnh đang ra khỏi sự lệ thuộc vào các quốc gia Âu Mỹ từ những đồng đô la-dầu hỏa mang lại. Ưu tư của giới đầu tư Ả Rập hiện nay là tìm được những ngân hàng Đông Á khả tín để chuyển những món tiền lớn do xuất khẩu dầu thô mang lại, với hy vọng được tiền lời cao và không bị kiểm soát.

Một điều lạ là giới đầu tư dầu lửa Ả Rập không tích cực đổ tiền vào những quốc gia Ả Rập Hồi giáo khác mà chỉ đổ vào những quốc gia nào có thể giúp họ giàu thêm.

Nguyễn Minh (Tokyo)

MƯỜI CÂU HỎI

gửi đến các bạn đảng viên cộng sản nhân Đại hội 10

Bùi Tín

Các bạn quý mến,

Tôi không còn là đảng viên cộng sản từ hơn 15 năm nay. Ngay từ 30 năm trước, sau ngày 30-4-1975, khi chứng kiến các trại cải tạo sỹ quan viên chức miền Nam, thấy thảm cảnh dân đô thị bị cưỡng bức đi kinh tế mới, trước sự kiện bị đất hàng chục vạn đến hàng triệu thuyền nhân, rồi việc chiếm đóng lâu dài Cambốt và gây nên vụ Siem Riệp, cùng với việc giải thể một cách khinh bạc Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng, việc lặng lẽ chấm dứt sự tồn tại của hai đảng Dân Chủ và Xã Hội từng hỗ trợ đảng Cộng sản trong chiến tranh quyết liệt..., tôi bắt đầu cảm thấy nhóm lãnh đạo đảng cộng sản đã trở nên *kiêu ngạo, biến chất*, không còn có quan hệ gắn bó với nhân dân. Họ đi ngược lại điều họ không ngớt rao giảng: "*đoàn kết, đại đoàn kết*", "*đảng viên cộng sản luôn hết lòng phục vụ nhân dân*", "*khó khăn thì đảng viên đi trước, hưởng thụ thì đảng viên đi sau*".

Tuy nhiên, dù cho đảng cộng sản độc đoán vẫn cứ lý lợm "một mình một chiếu", chỉ đổi mới có chừng mực về kinh tế, còn bảo thủ và giáo điều hơn về chính trị, đảng đưa xã hội chìm sâu trong quốc nạn tham nhũng, tôi vẫn tin rằng trong đảng cộng sản *vẫn còn không ít đảng viên có lương tri và tự trọng*, còn có lòng yêu nước và thương dân, có tinh thần dân tộc sâu đậm, thật lòng mong muốn những điều tốt đẹp cho quê hương đất nước. Thường tiếng nói của các đảng viên ngay thật này bị coi thường, bị gạt bỏ hoặc vùi dập bởi bộ máy quan liêu.

Tôi muốn nhân dịp Đại hội 10 của đảng cộng sản được tiến hành trong năm nay để đối thoại với những đảng viên cộng sản *có lương tri và tự trọng* nói trên mà tôi hằng coi là *những người bạn tốt* của tôi.

Dưới đây là *10 câu gợi ý về những vấn đề nóng bỏng nhất* của đất nước tôi kính mời các bạn cùng suy nghĩ để tìm ra câu trả lời chân thực.

1. Trong các đại hội Đảng cơ sở đến đại hội toàn quốc bao giờ cũng có hình rất lớn của *hai ông Mác và Lênin* trên tường. Có bao giờ bạn nghĩ đến một sự thật là: hai ông ấy chưa hề sang châu Á, cũng chưa hề nghĩ đến Việt Nam, chưa hề viết một câu nào, một chữ nào về Việt Nam. Vậy thì sự có mặt của hai ông này còn có *ý nghĩa thiết thực* gì cho nước ta?

Vậy thì Mác-Lênin là ai? Là những ông thánh để sùng bái, học thuyết của hai ông là một thứ tôn giáo chẳng? Hay đó chỉ là những *công cụ của nhận thức*, khi thấy ra là nó không thích hợp thì nên chẳng dứt khoát bỏ nó sang một bên, và thay vào đó bằng *những giá trị tiến bộ nhất của thời đại*: hòa bình, dân chủ, tự do, hợp tác và phát triển.

2. Học thuyết *đấu tranh giai cấp* và nguyên lý chuyên chính vô sản của hai ông Mác và Lênin đã bị vài đảng cộng sản còn tồn tại như các đảng cộng sản Pháp, Ý, Nhật Bản... công khai từ bỏ; thí nghiệm to lớn của hai học thuyết ấy

ở Liên Xô, Đông Âu và toàn phe xã hội chủ nghĩa đã phá sản hoàn toàn. Vậy thì tại sao Đại hội 10 Đảng Cộng Sản Việt Nam vẫn còn "*kiên trì chủ nghĩa Mác-Lênin*" để làm gì?

3. Khi họp đảng thì thế nào cũng có *lá cờ búa liềm* trước mặt bạn. Búa và liềm tiêu biểu cho công nhân và nông dân thời trước; ngày nay công nhân và nông dân đã dùng phổ cập các công cụ mới là máy cày và máy tính hiện đại. Bạn có biết vào những năm 1960, khi còn Liên Xô và phe xã hội chủ nghĩa, có lúc có đến *hơn một trăm đảng cộng sản* cùng dùng chung lá cờ búa liềm, nay *chỉ còn có vài đảng cộng sản*, trong đó có Đảng Cộng Sản Việt Nam, còn dùng nó. Bạn có cảm thấy nó lạc lõng và đi ngược với thời đại hay không?

Ngay những lý thuyết gia của đảng cộng sản cũng phải nói rằng *chủ nghĩa xã hội* là cái còn phải nghiên cứu để định hình dần trong thực tiễn, vậy nay nói đến *chủ nghĩa cộng sản*, với tên gọi *Đảng Cộng Sản Việt Nam*, có ý nghĩa thiết thực không?

Sự vật phải có chính danh. Tên gọi phải gắn liền với nội dung. Trong khi Trung Quốc còn mang tên Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa, Bắc Triều Tiên mang tên Cộng Hòa Dân Chủ Nhân Dân Triều Tiên (tức là chưa xã hội chủ nghĩa, tuy cũng chỉ là vu vơ, chứ ai cũng biết hai nước ấy chẳng có tí chút cộng hòa nào, lại càng chẳng dân chủ, và cũng không có gì là nhân dân cả!), thì Việt Nam lại mang tên *Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam* có đúng với thực tế, có hợp thời, có chính danh không?

4. Bạn thấy thế nào về cái gọi là *nền nếp dân chủ trong đảng cộng sản*? Người đảng viên có quyền suy nghĩ bằng cái đầu của mình và nói lên những điều mình nghĩ về đường lối chính sách của đảng không? Người đảng viên có quyền tự mình chọn người để đề cử và bầu cử không? Bạn có biết rằng Bộ chính trị kêu gọi các đảng viên lão thành, trí thức, đại biểu quốc hội, nhân sĩ, tuổi trẻ, nhân dân *góp ý vào các văn kiện dự thảo*, biết bao ý kiến quý báu, đầy trí tuệ và tâm huyết đã được phát biểu, nhưng Bộ chính trị hầu như *không hề tiếp nhận* và công bố những ý kiến đóng góp ấy để bổ sung, nâng cao, làm phong phú thêm các văn kiện ấy không? Vậy cái *nền nếp dân chủ* được quảng cáo ở khắp nơi khắp chốn ấy trong thực tế là cái gì? Thái độ coi thường mọi người, kể cả đảng viên như thế có lợi hay có hại gì cho đất nước?

5. Bạn nghĩ gì về *các vụ án siêu nghiêm trọng* "Sáu Sứ, Tổng Cục 2, T4" trong đảng, đã kéo dài qua ba kỳ đại hội mà vẫn không được giải quyết. Theo bạn, Đại hội 10 có nên giải quyết xong xuôi dứt khoát các vụ án này để khôi phục lòng tin của đảng viên và nhân dân hay không?

Bạn có biết *hai nhân vật* nào không còn quyền lực gì mà vẫn tác động tiêu cực và nguy hiểm đến nội tình đảng

cộng sản không ? Bạn có cho đó là bình thường và lành mạnh hay không ?

Theo bạn việc giải quyết các vụ việc hệ trọng như thế có cần đưa ra thảo luận tại cuộc họp *Ban chấp hành trung ương* và tại *Đại hội toàn quốc* hay không ? Có thể đặt Bộ chính trị lên trên Ban chấp hành trung ương và trên cả Đại hội đảng hay không ? Thực tế hiện nay là như vậy đó.

6. Bạn có biết rằng một tượng đài cực lớn kỷ niệm vong linh của các nạn nhân của các chế độ cộng sản trên toàn thế giới đang được khẩn trương chuẩn bị xây dựng trong năm 2006. Số nạn nhân ấy lên đến trên 100 triệu, gồm có hơn 40 triệu nhân dân Liên Xô, hơn 60 triệu nhân dân Trung Quốc, mấy triệu dân Balan, Tiệp Khắc, Hungari, Nam Tư, đông Đức... ở Đông Âu, cộng với nạn nhân là đồng bào Việt Nam ta chết trong cải cách ruộng đất cùng số thuyền nhân chết trên biển cả (chưa có ai làm thống kê). Lương tri loài người văn minh không thể quên vô vàn đồng loại chết oan ức phi lý ấy.

Bạn có biết rằng trong cải cách ruộng đất ở miền Bắc những năm 1954 và 1955 đã có 26.453 "địa chủ cường hào gian ác" bị xử bắn, số được xác định sau đó là oan sai lên đến 20.493 người (thật ra tất cả còn nhiều hơn), hầu hết là những người yêu nước, không ít là cán bộ đảng viên có trình độ kinh tế, văn hóa và chính trị. Thường một người bị bắn kéo theo vài chục người bị liên quan, bị hắt hủi, ốm đau, bệnh tật không được cứu chữa, con cháu bị thất học, mồ côi, tha phương dãi dãi... Số cán bộ đảng viên bị xử trí, bị nhục hình, tù đày trong chính đốn tổ chức cũng lên đến vài chục nghìn, như ở tỉnh Hà Tĩnh hầu hết số ủy viên hành chính tỉnh, huyện, các trưởng, phó ty trong bộ máy công quyền đều bị xử trí vì đều có ít nhiều văn hóa, học thức, làm được việc nên bị chụp cho là do thực dân cài lại. Gia đình, con cháu họ cũng bị tan nát, kiệt quệ vì bị vạ liên quan.

Theo bạn, có nên sưu tầm tài liệu cụ thể hơn và có một bia kỷ niệm xứng đáng cho những nạn nhân bi thảm của đảng cộng sản - trong cải cách ruộng đất, chính đốn tổ chức cũng như trong đàn áp các đảng phái chính trị đối lập - theo phong tục văn hiến nghĩa tử là nghĩa tận và làm bài học quý để đời cho dân tộc. Mọi người Việt Nam có lương tâm nên làm.

7. Bạn có nghĩ rằng sau 30 năm thống nhất đất nước, đảng cộng sản cần sớm đối thoại ngay thật và bình đẳng với cộng đồng người Việt hải ngoại, chủ động giải toả tâm lý và não trạng hơn/kém, đúng/sai, thắng/thua, ta/ngụy nhằm thực hiện hòa hợp dân tộc và thống nhất nhân tâm. Là lực lượng cầm quyền cai quản đất nước, đảng cộng sản không thể chối bỏ trách nhiệm trước thảm cảnh thuyền nhân, trước sự kiện bán bãi bán tàu thuyền để thu vàng 30 năm trước, với biết bao người chết tức tưởi trong biển cả (chưa thống kê và cũng không ước lượng cho sát được).

Bạn có nghĩ rằng đã đến lúc đề ra việc xây dựng một tấm bia/tượng đài xứng đáng, nhằm lưu niệm sự kiện thuyền nhân, giải toả nỗi hận lớn của hàng triệu người phải rời quê hương, đồng thời cũng là tấm bia/tượng đài vinh danh mấy thế hệ cộng đồng người Việt trong sự nghiệp

xây dựng thành công cuộc sống phồn vinh khắp nơi, làm vẻ vang dân tộc Việt trên trường quốc tế. Đây là việc chung của đồng bào trong và ngoài nước.

Bạn có khi nào nghĩ rằng một khi đảng cộng sản chủ động đề ra những sáng kiến có ý nghĩa sâu sắc, như thực hiện một cuộc cầu siêu và cầu kinh chung cho mọi vong linh người Việt chết trong thời chiến, không phân biệt ở bên nào, cùng lo chung cho anh chị em thương binh ở mọi phía, cùng chăm lo các nghĩa trang quân đội không phân biệt, thì tự nó sẽ khơi dậy tình đoàn kết, tin cậy và thương yêu nhau và ý chí thống nhất dân tộc, biến thành sức mạnh hùng hậu vô tận về tinh thần, vật chất, tiền của và chất xám cho sự nghiệp xây dựng đất nước với tốc độ cực lớn không thể lường hết. Bạn có thấy kiểu kêu gọi một chiều, trích thượng, ra nghị quyết theo kiểu chiêu hồi và ban ơn như nghị quyết 36 chỉ lôi kéo được một số kẻ hám danh lợi, tầm thường về tài năng, nhân cách !

8. Về tôn giáo, bạn thấy nên chăng, Đại hội 10 khuyến cáo nhà nước và đảng thành tâm từ bỏ quan điểm giáo điều mác-xít đối lập mọi tôn giáo với triết thuyết vô thần, thật sự tôn trọng tự do tôn giáo, không thể để cho chính phủ các nước khác và các tổ chức quốc tế tiếp tục bênh vực quyền tự do tôn giáo của đồng bào Việt Nam ta. Đảng nên nghe và làm theo những yêu cầu chính đáng của các vị lãnh đạo Phật Giáo, Tín Lành, Hòa Hảo, Cao Đài và Vatican... mà điều quan trọng nhất là không can thiệp vào công việc nội bộ các tôn giáo, tách hẳn đời sống tâm linh các tôn giáo với cuộc sống chính trị rất trần tục. Cần theo đúng ý kiến xác đáng của đại lão hòa thượng Quảng Độ là người theo đạo không làm chính trị nhưng cần có thái độ chính trị rõ ràng ủng hộ dân chủ, chống độc đoán, chống áp bức, chống tham nhũng; cần nhập thế để cứu khổ cứu nạn cho nhân quần chúng sinh, đồng thời phải tách nhà nước trần tục thế tục với cuộc sống tâm linh của các vị tu hành. Trong chuyến về thăm đất nước đầu năm 2005, thầy Nhất Hạnh cũng đã nói thẳng với thủ tướng Phan Văn Khải trước khi trở về Pháp yêu cầu : từ nay không bắt các vị tu hành tham gia ủy ban Mặt Trận Tổ Quốc các cấp, cũng xin đừng bắt các vị phải đóng vai đại biểu quốc hội, vì đó là những việc trần tục phản tâm linh; cũng đừng ban tặng các nhà tu hành bằng khen, huy chương, huân chương, vì người tu hành lấy tâm linh trong sáng vô tư làm lẽ sống, phần thưởng này nọ chỉ hạ thấp và xâm phạm cuộc sống tâm linh của vị tu hành. [Lập tức ban tôn giáo và ban tư tưởng/văn hóa căn dặn báo Nhân Dân và Việt Nam Thông Tấn Xã phải "quên" ngay 6 đề nghị rất xác đáng và "nguy hiểm" của thầy Nhất Hạnh].

9. Về quan hệ đối ngoại, bạn có biết chăng đã có ý định ở trong đảng ngả hẳn về một bên (nhất biên đảo/ly pi-an tao), kết nghĩa thâm giao với nước lớn láng giềng cùng chung chế độ xã hội chủ nghĩa, cùng kiên trì chủ nghĩa Mác-Lênin, từ đó giữ định kiến và khoảng cách với các nước "tư bản phương Tây" ? Việc nể nang, chịu sức ép ấy đã dẫn đến những hiệp định không bình đẳng làm mất không ít đất, hơn chục nghìn kilômét vuông hải phận thiêng liêng trong Vịnh Bắc Bộ. Bạn có thấy rằng Việt

Nam nên sớm từ bỏ đường lối phụ thuộc trên đây, *thắt chặt quan hệ thân thiết và hợp tác với cả khối dân chủ quốc tế* bao gồm: các nước dân chủ trong ASEAN, Nhật Bản, Úc, Hoa Kỳ, Canada, Liên Hiệp Châu Âu... (là các nước cổ súy dân chủ và nhân quyền, cũng là các nước viện trợ nhiều nhất và đầu tư lớn nhất vào nước ta, cùng với các tổ chức quốc tế như Ngân Hàng Thế Giới-WB và Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế-IMF). Hưởng quạn hệ quốc tế cần thiết này vừa dựa theo *lý tưởng văn minh, tiến bộ*, thuận với các *giá trị cao quý của thời đại*, vừa thuận với nhu cầu cấp bách của dân tộc cần *phát triển hài hòa với tốc độ thật cao*, thu hẹp nhanh khoảng cách với các nước láng giềng. Hưởng đi này sẽ được các nước trên đây hoan nghênh nồng nhiệt, *đồng thời vẫn giữ quan hệ bình thường, bình đẳng, hợp tác* với nước láng giềng lớn, còn hạn chế tham vọng bành trướng của họ, vì chính Trung Quốc đang buộc phải tự kiểm chế, nín thở qua sông trong khoảng 15 đến 20 năm tới để tập trung phát triển kinh tế và quốc phòng, thu hẹp khoảng cách còn quá xa về mọi mặt với các cường quốc. (Năm 2005, Trung Quốc đạt 1000 USD/năm, Mỹ đạt 26.000 USD/năm về PNB).

10. Vấn đề cuối cùng mong được các bạn nêu lên để thảo luận rất ráo vào dịp Đại hội 10 là tình hình đã chín cho việc thực thi *dân chủ đa nguyên đa đảng* ở nước ta. Không thể có, - không ở đâu, không bao giờ - có thể có một nền dân chủ độc đảng. Lẽ ra nền dân chủ đa nguyên đa đảng ở nước ta phải được thực hiện từ 60 năm trước, hay chậm nữa là vào 30 năm trước. Theo thống kê của Liên Hiệp Quốc, hiện thế giới đã có 78 nước đã có tự do chính trị đầy đủ của xã hội công dân và 75 nước khác trong đó nhân dân đã được hưởng quyền tự do chưa đầy đủ (còn gọi là xã hội tự do bộ phận, chưa đầy đủ - *partly free society*). *Việt Nam ta hiện tại vẫn chuta có trong danh sách 78 + 75 = 153 nước nói trên*, theo thống kê về quyền tự do chính trị, mà tiêu biểu là quyền tự do tư tưởng, tự do lập hội, tự do báo chí, tự do bầu cử. Về quyền tự do và nhân phẩm con người, *Việt Nam cùng Myanmar đứng cuối bảng ở châu Á*, kém tất cả các nước châu Mỹ kể cả Nam Mỹ, chỉ hơn vài nước châu Phi như Sénégal, Nigeria, Zimbabwe, kém xa Nam Phi, kém cả Iraq vừa thực hiện cuộc bầu cử đa đảng.

Giáo sư Trần Văn Hà hiện là ủy viên đoàn chủ tịch Mặt Trận Tổ Quốc cho rằng xã hội Việt Nam không phải chỉ là xã hội không dân chủ, độc đoán, mà phải nói thật ra là một *xã hội toàn trị* (totalitarisme), nghĩa là không có được một chút tự do cá nhân nào, trẻ em khi sinh ra, vào mẫu giáo, đi học, lên đại học, đi làm, về hưu cho đến chết, mọi suy nghĩ và hành động nhất nhất đều phải theo chỉ thị, khuôn mẫu, điều kiện hóa của đảng cộng sản. Nỗi nhục này do ai ? do từ đâu ? Chỉ là do đảng cộng sản.

Bạn có nghĩ rằng khi "quốc nhục" mất tự do công dân trong xã hội được xóa bỏ thì nước ta sẽ có một *bước nhảy vọt kỳ diệu* gặp nhiều lần khi tự do kinh tế và thị trường được thay thế cho thời bao cấp nghèo khổ và thiếu thốn cách đây gần 20 năm. Các *nhân tài* đích thực về mọi mặt sẽ được xã hội, nhân dân tuyển chọn (không phải như hiện nay một nhóm người thấp kém lựa chọn những người cũng

thường là thấp kém để họ dễ sai khiến), *luật pháp* sẽ được áp dụng công bằng, "quốc nạn" *tham nhũng* bị khống chế và giảm thiểu. Chính vì lẽ ấy mà gần đây các trí thức tiêu biểu của nước ta đều lên tiếng công khai đòi chuyển từ chế độ độc đảng sang *đa nguyên đa đảng*, như Hoàng Tùng, Đặng Quốc Bảo, Trần Văn Hà, Phan Đình Diệu, Hoàng Minh Chính, Lê Đăng Doanh, Đặng Văn Việt, Cao Huy Thuần, Dương Trung Quốc, Lê Hồng Hà, Nguyễn Thanh Giang, Hoàng Tiến, Trần Khuê, Phương Nam... chỉ nêu một số nhân vật tiêu biểu. Đại hội 10 bỏ qua yêu cầu cấp bách này sẽ gánh chịu trách nhiệm nặng nề trước lịch sử, và bộ chính trị khóa 10 - cùng hai thái thượng hoàng của nó, ra sức ngăn cản việc lớn ấy chỉ tự lộ mặt bảo thủ cực đoan đến mê muội, ngàn năm không xóa được vết nhơ. Lại thêm 5 năm của đất nước bị lãng phí !

Bạn có tin rằng thực hiện dân chủ và tôn trọng *nhân quyền*, thực thi bầu cử *dân chủ đa nguyên đa đảng* theo tiêu chuẩn quốc tế phổ cập, *một cục diện chính trị, kinh tế, văn hóa tư tưởng* hoàn toàn mới sẽ xuất hiện, đưa Việt Nam hoàn toàn hòa nhập với loài người tiến bộ, thống nhất hoàn toàn dân tộc ta trong và ngoài nước, đưa Việt Nam vào kỷ nguyên mới.

Bạn có nhận thấy với những *quyết sách* được gợi ý trong 10 câu hỏi trên đây, tổ quốc Việt Nam ta sẽ sớm cất cánh, mở mặt mở mày, mọi tiềm lực được giải phóng, vì cuộc sống ấm no, phồn vinh cho toàn dân hiện tại và các thế hệ tiếp theo.

Kết luận :

Mười điều gợi ý trên là *tổng hợp những suy nghĩ tâm huyết* mà tôi thu thập được, từ bậc lão thành đến tuổi trẻ học sinh, sinh viên, từ các bậc tu hành, từ người trong đảng cộng sản và ngoài đảng, từ trong nước ra ngoài nước, từ các bạn dân chủ và nhà báo Pháp, Anh, Đức, Mỹ, Úc, Nhật, Canada...

Tôi chân thành mong thư này đến được tay các bạn kịp các đại hội đảng cấp tỉnh, thành phố, đại hội đảng các cơ quan trung ương, đại hội đảng toàn ngành quân đội nhân dân, công an nhân dân... cũng như đến cuộc họp lần thứ 13 của Ban chấp hành trung ương đảng đầu năm 2006 và đến cuộc Đại hội toàn quốc lần thứ 10 vào quý 2 năm 2006.

Tôi mong *tuổi trẻ trong nước cũng như ngoài nước*, các *cựu chiến binh, cán bộ, đảng viên, đoàn viên và anh chị em ngoài đảng cộng sản* nhiệt tình tiếp tay để 10 câu gợi ý nêu trên trở thành những đề tài trao đổi, bàn cãi, tranh luận trong xã hội, vào dịp *mừng năm mới 2006 và chào đón năm Bình Tuất* đây hứa hẹn. Các bạn hãy nhân bản - photocopy, và truyền qua mạng internet để phổ cập rộng lá thư này ; một dẫn thân đáng quý !

Việc làm, chính kiến chuẩn xác từ suy nghĩ, trí tuệ và tâm huyết ngay thật, độc lập của chính bạn sẽ là viên gạch quý xây dựng tương lai đất nước.

Hãy tin ở lẽ phải, ở chính mình, ở dân tộc, ở thời đại!
Xin chân thành cảm ơn các bạn, và kính chúc các bạn năm mới 2006 và năm Bình Tuất dồi dào sức khỏe, nhiều may mắn và hạnh phúc.

Bùi Tín (Paris)

TỔ CHỨC VÀ SỰ HÌNH THÀNH CỦA Ý KIẾN

Nguyễn Gia Kiểng

Cuộc thảo luận thật ngộ nghĩnh : một ông bộ trưởng cộng sản cố gắng thuyết phục một kẻ mới ở tù ra vì tội chống cộng là không nên tin cộng sản. Đó là năm 1979. Vị này là một trí thức thân cộng trước đây. Ông được móc nối làm nội ứng, đóng góp chuẩn bị cho cuộc tấn công Tết Mậu Thân 1968. Sau đó ông vào bưng và được phong làm bộ trưởng trong Chính Phủ Cách Mạng Lâm Thời Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam. Sau chiến thắng cộng sản 1975, Mặt Trận Giải Phóng và Chính Phủ Lâm Thời này bị giải thể, ông được chuyển sang điều khiển một công ty. Lý do của cuộc gặp gỡ này hoàn toàn kỹ thuật. Do một trong những chuyện ngược đời đầy rẫy trong giai đoạn này, tôi trở thành một chuyên gia của chế độ và có tiếng nói quyết định trong một đề nghị của ông. Biết gốc gác của tôi, ông bày tỏ lập trường chống cộng của ông với tất cả sự phẫn nộ của một kẻ bị mắc lừa và sự nhiệt tình của một người mới tòng giáo. Ông đả kích đảng cộng sản là dùng "những thằng đảng viên ngu dốt, đầu bùn óc đất" cầm đầu những người có kiến thức. Ngu dốt, đầu bùn, óc đất ? Không hẳn như vậy. Tôi cũng đã có dịp tiếp xúc và trao đổi với một số cấp lãnh đạo cộng sản và nhận ra rằng họ tuy nói chung chỉ có học vấn căn bản thấp nhưng cũng có nhiều ý kiến khá đặc sắc. Thấy tôi không hoàn toàn được thuyết phục, ông thở dài : "tôi biết thế nào trước sau anh cũng bị mắc lừa như tôi, cộng sản nó vô học nhưng lại có tài mê hoặc trí thức".

Cuộc nói chuyện này khiến tôi suy nghĩ về tác dụng đào tạo của sinh hoạt tổ chức, đặc biệt là về sự tạo thành của ý kiến trong tổ chức. Sự mê hoặc và sức thuyết phục của đảng cộng sản là một vấn đề khác.

Nhưng trước hết, thế nào là ý kiến và ý kiến hình thành như thế nào ?

Ý kiến là một nhận xét, một cách nhìn, một cách hiểu, một sự đánh giá, hay một kết luận, nói chung là kết quả của một suy nghĩ, về một sự kiện. Sự kiện, hoặc biến cố, có thể đơn giản như một dữ kiện đến trực tiếp từ giác quan (sense-data), như nhìn thấy một chiếc lá vàng rơi, cũng có thể là một kết hợp rất phức tạp của vô số sự kiện, như Thế Chiến 2. Sự kiện càng phức tạp bao nhiêu thì xác suất sai lầm của ý kiến càng cao bấy nhiêu.

Cần phân biệt ý kiến và ý định, hay chủ ý. Cùng là một kết luận và đều có thể thận trọng hay hấp tấp, nhưng ý kiến (idea, idée) thuộc phạm trù tri thức và do đó chỉ có thể đúng hay sai, chính xác hay mơ hồ, trong khi ý định (intention) còn có phạm trù đạo đức, nghĩa là có thể khôn ngoan hay dại dột, lương thiện hay gian trá. Vấn đề đối với nhiều người và nhiều tổ chức, trong đó không phải chỉ có đảng cộng sản, là ý định chi phối ý kiến trong khi đáng lẽ

ra ý kiến phải chỉ đạo ý định.

Những khám phá của y học và trí não học đã phân loại được một số trung tâm của bộ óc theo chức năng của chúng. Dựa vào cấu tạo này người ta đã chế tạo ra các máy tính điện tử có khả năng giải quyết nhiều vấn đề đòi hỏi một cố gắng trí tuệ lớn. Các loại trung tâm đó là :

- *Những trung tâm ngoại vi* để kiểm soát các giác quan và cử động nhờ đó con người có thể nói, nghe, nhìn, ngửi, cảm xúc, ăn uống, tiêu hóa, đi đứng...

- *Trung tâm toán và lôgic* (arithmetic and logic unit), mà ta có thể gọi là trung tâm toán-lý hay lý trí, trong đó các nguyên tắc căn bản về số học và các luật căn bản về lôgic được tồn trữ sẵn từ lúc sinh ra như là đặc tính của loài người.

- *Trí nhớ* trong đó được tồn trữ tất cả những kiến thức : sự kiện, hình ảnh, cũng như âm thanh và hương vị đã được ghi nhận và chưa bị xóa.

Bộ óc vận hành như thế nào, sự hiểu biết hình thành như thế nào, tại sao ta biết những gì ta biết và có gì đảm bảo rằng những kiến thức của ta đáng tin cậy, và đáng tin cậy đến chừng mực nào, v.v. là những vấn đề mà các triết gia đã cố gắng trả lời ngay từ khi triết học xuất hiện. Từ đó môn tri thức học (epistemology), còn gọi là lý thuyết về sự hiểu biết (theory of knowledge), luôn luôn là phần cốt lõi của triết học. Một thí dụ nổi tiếng là Plato (428-347 BC) cho rằng người ta không học gì cả mà chỉ nhớ lại vì đã biết tất cả khi mới sinh ra nhưng quên đi (vì ăn cháo lú ?). Giả thuyết của Plato không nghịch lý như người ta tưởng vì quả nhiên các khám phá trong y học, tâm lý học và trí não học sau này đã xác nhận rằng các nguyên tắc về số học và lôgic đã có tự bẩm sinh, hay ít nhất đã sẵn sàng từ bẩm sinh, chỉ cần được khởi động.

Cũng nên nhắc lại rằng khi triết học mới xuất hiện, cùng với nền văn minh cổ Hy Lạp, nó bao gồm tất cả. Hiện nay nhiều bộ môn, như toán học, vật lý, tâm lý học, trí não học, v.v. đã là những bộ môn độc lập, triết học chủ yếu chỉ còn vai trò minh định các khái niệm và từ ngữ.

Sự phân biệt các trung tâm theo chức năng này đã được công nhận, cùng với vài đặc tính.

Một là các trung tâm ngoại vi có liên hệ trực tiếp và thường trực với một số ký ức đặc biệt như sự thèm muốn, tham vọng, lo sợ, quyết tâm. Vì các trung tâm này điều khiển cơ thể và những tiếp xúc với bên ngoài nên rất dễ đưa đến tình trạng được gọi là "hành động theo cảm tính" hoặc "hành động theo bản năng".

Hai là lý trí, hay trung tâm toán và lôgic, ngoài những nguyên tắc số học căn bản và các luật lôgic còn có một số giá trị bẩm sinh về đạo đức và, ở một chừng mực nào đó,

thẩm mỹ. Điều này có vẻ lạ, nhưng quả thực là như thế. Các triết gia và các nhà khoa học đều đồng ý các nguyên tắc logic không thể giải thích cách nào khác hơn là do chính cấu tạo của bộ óc. Plato đã từng lấy một đứa bé con một người nô lệ không học hành gì cả và bằng những câu hỏi liên tục hướng dẫn nó giải một bài toán. Một người bình thường cũng lý luận đúng theo ba luật logic (luật đồng nhất : A là A ; luật mâu thuẫn : A không thể vừa là A lại vừa không phải là A ; luật cấm trung dung : A và B phải hoặc là một hoặc khác nhau, không thể có chuyện tuy hai mà một), luật diễn dịch (điều gì đúng cho tất cả thì cũng đúng cho một cá thể), luật qui nạp (điều gì vẫn thường xảy ra trong một hoàn cảnh thì có nhiều triển vọng sẽ xảy ra nếu hoàn cảnh được lặp lại). Các nguyên tắc đạo đức cũng thế. Không nên giết người hay làm khổ người khác là điều mà bất cứ ai, ở bất cứ trình độ nào và thuộc nền văn hóa nào cũng hiểu và tán thành mà không cần học ; ăn cướp, nói dối, thất hứa là không chấp nhận được. Các khái niệm mỹ thuật cũng do bẩm sinh, đẹp và xấu không có định nghĩa mà cũng không phải do giác quan. Cần nhận xét, tiếp theo sự phân biệt ý kiến và ý định, rằng quyết định tội ác là một ý định (intention) chứ không phải là ý kiến (idea) và không thuộc lý trí. Lý trí chỉ sản xuất ra ý kiến. Việc thực hiện tội ác có thể vận dụng tới lý trí. Tội ác lúc đó được coi là một "sự kiện khách quan" chỉ cần được xử lý (tôi chỉ thi hành mệnh lệnh !).

Ba là trí nhớ là một bộ phận rất phức tạp và tinh vi. Không phải chỉ có những sự kiện đơn giản được lưu trữ trong trí nhớ, mà cả những lý luận phức tạp và cả những vật thể bao gồm cả sự kiện lẫn lý luận. Trí nhớ được tổ chức theo bản chất của những gì được ghi nhận, thí dụ màu sắc, âm thanh, hình ảnh, tên riêng, v.v. Thành phần quan trọng nhất trong trí nhớ là ngôn ngữ, nghĩa là các từ và ý nghĩa của chúng.

Ta gọi chung những gì được lưu trữ trong trí nhớ là vật thể (object).

Ý kiến là sản phẩm của sự vận dụng trung tâm toán-lý để xử lý một hoặc một số sự kiện được ghi nhận trong trí nhớ, sự ghi nhận có thể vừa mới được thực hiện trong tức khắc đối với một dữ kiện giác quan (sense-data).

Trung tâm toán-lý xử lý một sự kiện (một vật thể trong kho nhớ) bằng cách phối hợp với vô số sự kiện (hay vật thể) khác trong trí nhớ để đi đến một kết luận.

Việc xử lý này chủ yếu là để tìm sự kiên kết (coherence), hay ít nhất để giải quyết những mâu thuẫn giữa các sự kiện. Trong cố gắng xử lý này, sự kiện được xử lý có thể bị biến đổi so với cảm nhận lúc ban đầu. Các vật thể tồn trữ từ trước trong trí nhớ cũng có thể bị biến đổi cho phù hợp với một sự kiện mới nếu sự kiện mới này quá rõ ràng, minh bạch và hiển nhiên. Thí dụ sự phát giác một nhà tu hành có người tình và con riêng bí mật có thể làm thay đổi hình ảnh của ông ta và ý nghĩa những lời giảng khắc kỷ của ông trong đầu óc nhiều người.

Kết quả của việc xử lý đó là cái mà ta gọi là ý kiến.

Nhưng việc xử lý này diễn ra như thế nào ?

Nếu chúng ta phân tích cách mà chính chúng ta thường dùng để giải thích và hiểu các biến cố, thí dụ như một vụ án mạng, chúng ta sẽ hiểu dễ dàng kết luận của các khảo cứu về cách vận hành của lý luận. Theo kết luận này thì trí tuệ (đúng là trung tâm toán-lý) giải thích một sự kiện theo một kịch bản (scenario), có nguyên nhân, kết cuộc và thứ tự diễn ra của các sự việc ; kịch bản này được chọn giữa nhiều kịch bản đã được lưu trữ như những vật thể trong trí nhớ ; một kịch bản bị loại bỏ nhường chỗ cho một kịch bản khác nếu phát hiện một mâu thuẫn giữa các chi tiết trong chính kịch bản, hoặc với một sự kiện khác không thể phủ nhận.

Thí dụ : Để giải thích một vụ án mạng trong đó một phụ nữ trung niên bị giết, ổ khóa bị cưỡng, nhiều đồ vật quý giá bị mất, viên thanh tra cảnh sát có thể hình dung một tên trộm đột nhập nhân lúc bà chủ ở nhà một mình. Đó là kịch bản thứ nhất. Nhưng kịch bản này không đứng vững vì nhà có một con chó giữ nhà và không có dấu hiệu gì là con chó này đã phản ứng, như vậy hung thủ phải là người nhà. Kịch bản thứ hai nhắm vào ông chồng ; ông này là một người thực dụng, hiểu sắc, có cô nhân tình trẻ đẹp, trước đây lấy bà này chủ yếu để đào mỏ, v.v. Trong kịch bản này một số sự kiện không xuất hiện lúc ban đầu được thêm vào để kịch bản trở thành phong phú hơn.

- Ông chồng trước đây đẹp trai, học giỏi, lấy người vợ giàu vì ham của chứ không phải vì tình yêu ;

- Nay ông đã giàu có, lại hiểu sắc và có nhân tình trẻ, bà vợ trở thành trở ngại ;

- Ông không thể ly dị vì sẽ mất một phần tài sản trong khi ông là một người tham tiền ;

- Vì thế vốn là người vô lương tâm, vô đạo đức, v.v.

Ý kiến được sản xuất ra là kết luận chính ông chồng là thủ phạm. Ý kiến này là kết quả của một kịch bản, hay một khung lý luận. Cách sản xuất ý kiến này được sử dụng trong mọi suy luận : một người giỏi toán chỉ cần đọc đề tài là có thể biết những chặng đường trung gian phải chứng minh dẫn tới kết luận ; những người làm kế hoạch tiên liệu tương lai bằng cách hình dung các diễn biến và hậu quả của chúng ; Jesus Christ trên đường đi tới núi Sọ để bị hành quyết khốc thương thành Jerusalem vì nhìn thấy kịch bản của sự hủy diệt : sau Jesus chỉ còn những lãnh tụ chủ trương chống lại La Mã bằng bạo lực, họ sẽ kết hợp với nhau và nổi dậy, cuộc nổi dậy này sẽ thất bại vì lực lượng hai bên quá chênh lệch nhưng sẽ tạo lý cơ để đế quốc La Mã san bằng thành Jerusalem và lưu đày dân Do Thái.

Tóm lại, chúng ta luôn luôn lý luận theo một kịch bản đã được tồn trữ trong trí nhớ. Nhưng kịch bản này do đâu mà có ? Dĩ nhiên là do kinh nghiệm sống và trao đổi. Nhưng thử tưởng tượng cái gì sẽ xảy ra nếu trước một sự kiện cần phải có một cách ứng xử mỗi người lý luận theo một kịch bản cá nhân : sẽ có vô số kịch bản, tất cả đều cứng nhắc (vì là một khung lý luận) và kịch bản này đối chọi với kịch bản kia. Người ta sẽ không thể đạt tới một kết luận chung và một hành động chung. (Điều này giải thích tại sao những người chống cộng ở nước ngoài không làm được gì

ngoài những cuộc mít-tinh, biểu tình trong hơn 30 năm qua).

Chính trong các tổ chức với những chức năng chuyên biệt - các tổ chức chính trị, từ thiện, bảo vệ môi trường, bảo vệ quyền lợi của một ngành nghề nào đó - mà các vấn đề chuyên biệt được thảo luận và những kịch bản gần giống nhau được hình thành và tồn trữ.

Cần lưu ý là tổ chức không phải chỉ cho phép đạt tới đồng thuận trong những kịch bản chung. Điều cũng quan trọng không kém là tổ chức còn cho phép cải thiện phẩm chất của các kịch bản, nói cách khác là cải tiến khả năng suy nghĩ. Qua trao đổi và thảo luận các kịch bản dở bị phát hiện và loại bỏ, các kịch bản khác được hội nhập để bổ túc cho nhau và cuối cùng kết hợp thành những kịch bản được lưu giữ vì có phẩm chất nhất. Một cá nhân cũng lý luận theo những kịch bản, nhưng đó là những kịch bản chưa được thảo luận và cải tiến; có rất nhiều triển vọng đây là những khung lý luận sai.

Tóm lại, tổ chức là môi trường cần thiết để sản xuất ra những ý kiến và cũng là điều kiện để có những ý kiến đúng.

Nhưng kịch bản không phải là tất cả. Kịch bản cung cấp một khung lý luận. Khung lý luận đúng vẫn cần những lý luận đúng mới sản xuất ra được ý kiến đúng.

Chúng ta không chỉ phát biểu mà còn *lý luận* bằng ngôn ngữ. Một người Việt lý luận bằng tiếng Việt, một người Mỹ lý luận bằng tiếng Mỹ. Ngôn ngữ chứa đựng những khái niệm, mỗi từ là một khái niệm, và không chắc gì những khái niệm có ý nghĩa như nhau đối với mỗi người. Chúng ta đều đã có kinh nghiệm những cuộc hội thảo trong đó người ta tranh luận gay go với nhau chỉ vì hiểu các khái niệm tự do, dân chủ, ổn định, cách mạng, v.v. một cách khác nhau. Và dĩ nhiên nếu hiểu sai về một khái niệm, thí dụ dân chủ, thì cũng lý luận sai luôn về khái niệm đó. Ở đây vai trò của tổ chức cũng là then chốt. Chính qua sinh hoạt và thảo luận mà các thành viên đạt tới đồng thuận về ngôn ngữ, hiểu các khái niệm như nhau, do đó có thể thảo luận với nhau và nhanh chóng đi tới một kết luận, nghĩa là một ý kiến chung. Một tổ chức dân chủ và cởi mở trong đó mọi ý kiến đều được tự do phát biểu còn có vai trò cải tiến các khái niệm và chính xác hóa ngôn ngữ, bởi vì qua đối đầu và so sánh các định nghĩa sai được sửa đổi, các lý luận thiếu sót được bổ sung và cuối cùng chỉ còn được giữ lại những khái niệm và lý luận đã được thử thách và chọn lọc. Ngược lại, một tổ chức độc đoán và giáo điều, trong đó các thành viên không được phê phán mà chỉ có quyền chấp nhận và minh họa những gì được coi là chính thống, rất dễ đưa tới sự mù quáng tập thể.

Như đã nói ở trên, ý kiến là sản phẩm của lý trí trong việc sử dụng những vật liệu được lưu giữ trong bộ nhớ. Như vậy cũng cần hiểu cách mà các vật liệu này được nhập vào bộ nhớ. Lấy thí dụ một nhu liệu nhận diện sinh trắc (biometric identification software). Với dụng cụ tin học này một người muốn sử dụng một dụng cụ tin học

(application), thí dụ như một giám đốc hành chánh của một công ty muốn thay đổi lương bổng của các nhân viên trong hồ sơ nhân viên, không được nhận diện qua bí danh (user name) và mật hiệu (password) mà bằng con mắt hoặc dấu tay. Phương pháp này có mục đích để tránh việc một kẻ gian lấy cắp bí danh và mật hiệu để làm việc bất chính. Để nhận diện dấu tay, một khung hình chữ nhật khoảng 2cmx3cm trên đó có in dấu tay được chia ra khoảng một nửa triệu điểm, mỗi điểm là một con số. Dãy số này quá dài để có thể dùng như một chìa khóa tìm kiếm những người được quyền thực hiện một nghiệp vụ nào đó. Do đó cần một chương trình phức tạp để phân tích nó và thay thế nó bằng một dãy số ngắn hơn, khoảng 200 số chẳng hạn, và chính dãy số ngắn này được dùng làm chìa khóa tìm kiếm.

Cũng thế, một sự kiện dù có vẻ đơn giản đến đâu cũng chứa đựng một khối lượng chi tiết vô cùng lớn và cần được đơn giản hóa, nghĩa là loại bỏ những chi tiết trùng lặp hoặc không cần thiết để được diễn tả bằng một số nhỏ thuộc tính trước khi được lưu trữ vào trí nhớ. Thí dụ Trần Hưng Đạo trong trí nhớ dân gian là một danh tướng, tôn thất nhà Trần, hai lần đánh bại quân Mông Cổ, một con người tài giỏi, dũng cảm, trung thực, v.v. Cách ghi nhớ này cũng là thành quả của những trao đổi trong các tập thể. Mỗi tập thể có một cách ghi nhận riêng. Thế Chiến 2 không được nhớ lại như nhau giữa một người Nhật và một người Mỹ. Trí nhớ chọn lọc những nét chính để ghi nhận một biến cố, và những nét chính đó có thể sai hay đúng. Cũng qua trao đổi về sinh hoạt trong khuôn khổ một tổ chức mà một cách ghi nhận các sự kiện được hình thành và cải tiến, những gì sai bị loại bỏ, những gì đúng được kiểm chứng và sau cùng được giữ lại. Tổ chức cũng là môi trường để thanh lọc và cải thiện trí nhớ.

Về tổ chức trí nhớ, các nhà tâm lý học nhận định rằng trí nhớ gồm một phần nổi và một phần chìm. Phần nổi là những gì mà ta ý thức được và diễn tả được. Phần chìm, hay tầng hầm trí tuệ, là những gì mà ta không ý thức được và không nói ra được nhưng vẫn chi phối cách suy nghĩ và kết luận của ta. Phần chìm này quan trọng hơn hẳn phần nổi. Một người bình thường kết luận và chọn lựa theo những động cơ không thuần lý trong phần chìm - lòng tham, sợ hãi, đam mê, ấn tượng, nói chung là cảm tính - và sau đó biện luận, ngụy biện nếu cần, để bào chữa cho lập trường của mình. Chỉ có những người rất sáng suốt mới dùng lý luận để đi tới kết luận, tuyệt đại đa số làm ngược lại, ngay cả những người có bằng cấp rất cao và có khả năng lớn trong một số địa hạt chuyên môn. Vai trò của tổ chức, với điều kiện là một tổ chức đứng đắn, chính là để qua sự đối chất giữa các lý luận làm giảm đi phần vô thức và gia tăng phần ý thức về một địa hạt nào đó. Thí dụ như một tổ chức chính trị dân chủ loại bỏ được những thành kiến về chính trị xuất phát từ giai cấp, tôn giáo, địa phương, hoàn cảnh cá nhân. Làm gia tăng phần nổi và gia tăng phẩm chất của ký ức cũng là mục đích chính của giáo dục và triết học.

Một tác dụng quan trọng khác của tổ chức là cho phép lấy những quyết định khó khăn mà một cá nhân không dám lấy, ngay cả nếu thấy đó là quyết định hợp lý nhất. Các thử nghiệm trong các nhà thương cho thấy là trước một trường hợp nghiêm trọng đòi hỏi một giải pháp hiếm nghèo, một bác sĩ phải quyết định một mình thường tránh né trong khi đối với một hội đồng bác sĩ quyết định giải pháp là tự nhiên. Lý do là vì trong một nhóm mỗi người cảm thấy tự tin vì có đồng đội, cố gắng cũng như trách nhiệm được chia sẻ, hy vọng thành công cao hơn. Như thế tổ chức không những chỉ là môi trường sản xuất ra ý kiến và cải thiện các ý kiến mà cho phép có những ý kiến mạnh bạo.

Người ta có thể nhận xét là những nhóm gặp gỡ tạm bợ không thể sản xuất được những ý kiến mới mẻ và táo bạo : những buổi hội thảo muốn "thành công mỹ mãn", nghĩa là không xảy ra những đụng chạm đáng tiếc, thường phải để mỗi người tự do muốn nói gì thì nói và sau đó mọi người vui vẻ chia tay.

Mọi người đều đồng ý rằng hợp quần gây sức mạnh. Khi thực sự muốn thay đổi một thực trạng người ta nhận ra là các trở ngại rất lớn (vì thực trạng nào cũng có lý do của nó) và cảm thấy không đủ sức làm một mình, người ta tìm đến với một tổ chức và chấp nhận những hệ lụy của tổ chức như cái giá phải trả để thực hiện sự thay đổi. Điều cần ý thức là đó không phải chỉ là sức mạnh vật chất, như một bức tường có trọng lượng lớn hơn một viên gạch và cũng chắc chắn hơn nhiều viên gạch chồng lên nhau. Đó còn là sức mạnh tinh thần, khiến con người thông minh hơn, sáng suốt hơn, dũng cảm hơn và có kiến thức chính xác hơn.

Từ những nhận định trên, ta có thể rút ra vài kết luận.

Trước hết là vai trò tối cần thiết của xã hội dân sự. Xã hội dân sự được định nghĩa như là toàn bộ các kết hợp ngoài chính quyền của người dân : hội đoàn, nghiệp đoàn, câu lạc bộ, chính đảng. Nói một cách tiện lợi nhưng không chính xác lắm, đó là không gian công không chính thức. Chính qua các tổ chức của xã hội dân sự mà các ý kiến được hình thành và cải tiến, với điều kiện là tổ chức này phải được tự do chứ không phải chỉ có vai trò phụ họa cho những lập trường chính thức. Cá nhân hoặc không có ý kiến, hoặc nếu có cũng chỉ là những ý kiến chưa được thử thách dựa trên những cơ sở đáng ngờ vực và do đó ít có triển vọng là đúng. Một đất nước không có xã hội dân sự tự do hoặc trì độn và thiếu ý kiến, hoặc không thể có đồng thuận trên những ý kiến đúng đắn. Tiến bộ của một xã hội phải đi qua một xã hội dân sự tự do. Không có xã hội dân sự tự do thì không thể có tiến bộ và giàu mạnh, đó là một điều kiện bất buộc. Quyền tự do thành lập và tham gia các tổ chức quan trọng không kém tự do ngôn luận và báo chí.

Sau đó là vai trò giáo dục và đào tạo của tổ chức. Ông cựu bộ trưởng cộng sản tự hào về bằng cấp đại học tốt

nghiệp ở nước ngoài của ông và khinh bỉ những cán bộ cộng sản vô học ; ông không biết rằng qua sinh hoạt tổ chức, ít nhất là sinh hoạt ở cấp cao trong đó mức độ tự do lớn hơn cho phép thảo luận một cách cởi mở hơn, họ cũng học hỏi nhiều và tiến bộ nhiều về lý luận. Hơn nữa những người đã có thể sinh hoạt lâu dài trong một tổ chức lớn và vươn lên tới những địa vị lãnh đạo cũng không thể tối đờ về mọi mặt. Họ có thể có những ý kiến chính xác hơn những trí thức đơn độc như ông. Riêng về mặt chính trị, thì chắc chắn là họ có quan tâm, có huấn luyện và có kinh nghiệm hơn ông. Đặc điểm của đảng cộng sản trong suốt cuộc chiến 1945-1975 là họ là tổ chức chính trị chuyên

nghiệp duy nhất. Trước mặt họ chỉ có những ông bộ trưởng và những tướng tá không làm chính trị, hay cùng lắm chỉ suy nghĩ về chính trị một mình sau khi đã có chức vụ. Họ có thể thiếu kiến thức chuyên môn nhưng họ là những người duy nhất có quan tâm và suy nghĩ liên tục về những vấn đề chính trị, và cũng có trao đổi ý kiến trong nội bộ tổ chức.

Điều này đem lại cho họ một lập trường kiên kết (coherent). Đó là lý do tại sao họ có sức thuyết phục mà ông gọi là mê hoặc và làm ông bức bối. Dĩ nhiên là họ thiếu sót, nhưng họ không đầu bù, óc đất như ông nói một cách khinh bỉ. Trái lại, cái khả năng mà ông tự cho là có đâu có gì là bảo đảm, nó chỉ là một đánh giá chủ quan dựa vào bằng cấp. Vả lại, cũng không thể đánh giá những người chưa sinh hoạt tổ chức vì có những khuyết tật như hèn nhát, nhỏ mọn, háo danh, ganh ghét, v.v. nhiều khi chỉ bộc lộ qua sinh hoạt tổ chức. Tôi cũng đã được giải thích rằng ông đã bị hạ tầng công tác vì tỏ ra thiếu khả năng và tôi cũng không tin hẳn. Tôi nghĩ lý do chính là vì ông không phải là đảng viên cộng sản. Điều tôi tin chắc, mà ông không ý thức được, là ông không hiểu đường lối của đảng cộng sản và do đó không thể được trao một trách nhiệm quan trọng. Tổ chức nào, đảng cộng sản cũng như mọi đảng khác, cũng đòi hỏi các cấp lãnh đạo phải hiểu nhau và hiểu đường lối chung. Hơn nữa, chức bộ trưởng trong chính phủ Cách Mạng Lâm Thời Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam của ông cũng không có nội dung nào, nó chỉ là một chức vụ giả tưởng để dụ dỗ và "mê hoặc" trí thức miền Nam và dư luận thế giới.

Trở lại với một vấn đề cụ thể và thiết thân nhất. Lý do cơ bản khiến đối lập dân chủ Việt Nam không lớn dậy được trong hơn ba mươi năm qua là những người dân chủ Việt Nam chưa ý thức được một cách đầy đủ tầm quan trọng, về hành động cũng như về tri thức, của tổ chức. Chính sự thiếu hụt về văn hóa tổ chức đó đã khiến chúng ta hài lòng với lối làm chính trị nhân sĩ, hay với những nhóm nhỏ, hay với những kết hợp lỏng lẻo. Cách tranh đấu này chẳng dẫn tới đâu mà thực ra cũng chẳng giúp ích gì cho mỗi người, thí dụ như để đánh giá đúng tài năng của chính mình.

Nguyễn Gia Kiểng

CUỘC CÁCH MẠNG BẤT BẠO ĐỘNG

Nguyễn Gia Thường

Các chế độ theo chế độ cộng sản, nói đúng hơn theo chủ thuyết xã hội chủ nghĩa, coi bạo lực là động cơ của cách mạng. Họ chủ trương "cách mạng chuyên chính" và muốn có cách mạng sớm và nhanh phải dùng đến bạo lực.

Lê-nin, cha đẻ của cách mạng xã hội chủ nghĩa, là người đề xướng và chủ trương bạo động triệt để. Không ai bạo động hơn họ cả vì bạo động là lẽ sống của Cách Mạng. Đối với họ, bạo động là phương tiện duy nhất để đạt mục đích. Tất cả những cuộc cách mạng từ Lê-nin ở Nga qua Mao Trạch Đông ở Trung Hoa cho đến Hồ Chí Minh tại Việt Nam chỉ dựa trên bạo lực. Chính họ Mao đã từng tuyên bố: "Quyền lực ở đâu ngọn súng". Để có quyền lực, họ đã phải dùng đến bạo lực của gươm giáo, của súng ống, của chém giết, của khủng bố.

Khi Đảng Cộng Sản Việt Nam giành được chính quyền, họ tiếp tục duy trì đường hướng này vì nó có kết quả trước mắt trong ngắn hạn. Họ tôn thờ bạo lực và nâng bạo lực lên hàng quốc sách. Họ dùng bạo lực không những trên thế xác (bắt bớ, bỏ tù, hành hung, ám sát) còn cả trên tinh thần nữa. Họ đề ra "Ban Văn Hóa Tư Tưởng" để duy trì lối tư duy một chiều. Những ai khác tư duy của họ, họ cho ngay là phản động cần phải trấn áp ngay và nếu cần, tiêu diệt. Họ đã tạo một xã hội chỉ biết giải quyết bằng bạo lực. Họ lập ra những bộ phận đặc nhiệm chuyên kiểm soát giao lưu Internet để bóp nghẹt thông tin. Và với một bộ máy công an đồ sộ như vậy, họ vẫn khiếp sợ "diễn biến hòa bình". Nói tóm lại bạo lực luôn luôn là động cơ nuôi dưỡng chế độ độc tài đảng trị của Đảng Cộng Sản Việt Nam. Bạo lực đã trở thành lẽ sống của họ. Chỉ có bất bạo động mới có thể hóa giải sự điên cuồng bạo lực này, vì dùng bạo lực để chống bạo lực vẫn là bạo lực.

Đảng Cộng Sản Việt Nam và bạo lực

Nhờ vào bạo lực Đảng Cộng Sản Việt Nam đã thành công trong việc cướp chính quyền tại miền Bắc năm 1945 và cướp chính quyền miền Nam năm 1975. Họ đã thành công tuyệt đối và chính vì vậy họ tiếp tục nghĩ rằng chỉ có bạo lực mới bảo đảm được quyền lực của họ.

Trong quá trình tranh giành quyền lực, Đảng Cộng Sản Việt Nam đã để lại biết bao đổ vỡ. Phong trào Cải Cách Ruộng Đất từ năm 1954 cho đến năm 1956 đã chôn vùi 172.008 nạn nhân, rồi đến các văn nghệ sĩ trong vụ Nhân Văn-Giai Phẩm, năm 1968 Tết Mậu Thân hàng ngàn người bị chôn tập thể, năm 1975 giam cầm và đày ải hàng trăm ngàn công chức sĩ quan Việt Nam Cộng Hòa. Năm 1979, Đảng Cộng Sản Việt Nam xua quân xâm chiếm Campuchia hy sinh hơn 50.000 thanh niên Việt Nam. Những năm 1978, 1979 và 1980 họ thu vàng, bán tàu, bán bãi xua đuối hàng trăm ngàn người ra biển làm mồi cho

cá và cho hải tặc. Trên đây chỉ là những dữ kiện nổi bật mà mọi người đều biết, nhưng còn biết bao nhiêu vụ oan khiên chưa được đưa ra ánh sáng, trên một bình diện nhỏ hơn nhưng không kém phần độc ác.

Vào những thập niên 1960, hầu hết trí thức châu Âu ủng hộ và chấp nhận những cuộc đấu tranh bạo lực của giai cấp công nhân và của các nước thuộc địa, coi đó là một phương tiện đấu tranh có chính nghĩa chống tư bản và chống thực dân. Họ ủng hộ vô điều kiện cuộc chiến của Đảng Cộng Sản Việt Nam chống lại "tân thực dân Mỹ", họ thần thánh hóa cuộc chiến này đến độ muốn tôn vinh Hồ Chí Minh là một trong những vĩ nhân của nhân loại (năm 1990, ông suýt được UNESCO công nhận là danh nhân văn hóa).

Một điều oái oăm là đảng cộng sản đã thắng miền Nam Việt Nam nhờ dư luận quần chúng thế giới chán ghét chiến tranh, nhờ phong trào phản chiến lên án sự can thiệp của Hoa Kỳ vào Việt Nam. Chính nhờ lời kêu gọi của cả thế giới đòi Hoa Kỳ chấm dứt chiến tranh tại Việt Nam, ngưng bạo động đối với nhân dân Việt Nam mà phe cộng sản đã thắng ở miền Nam. Thế giới hả hê vui mừng khi thấy một nước chỉ có những chiến sĩ đi dép cao su đánh đổ được anh Mỹ khổng lồ có đầy đủ phương tiện. Thiên tài của Đảng Cộng Sản Việt Nam là đã biết khéo lợi dụng hình ảnh của một nạn nhân để được thế giới hỗ trợ trên trường quốc tế nhưng thẳng tay tiêu diệt những thành phần không theo chủ nghĩa của họ trong nước. Nhưng 30 năm đã qua, thế giới đã biến chuyển rất nhiều, thế giới mỗi lúc một thu hẹp lại, khuyh hướng thời đại đã thay đổi, không còn một nước nào ở thế độc lập nữa, tất cả đều liên lập với nhau. Khuyh hướng của thế giới hôm nay không còn coi bạo lực như là phương tiện đấu tranh có chính nghĩa. Không một chế độ nào có thể nhân danh một chủ nghĩa hay một lý thuyết để hạn chế quyền tự do của con người, để triệt tiêu mạng sống của con người.

Các cuộc cách mạng bất bạo động trên thế giới

Trải qua hai cuộc thế chiến, nhân loại đã bắt đầu hiểu kết quả tai hại của bạo lực. Nhân danh triết lý "dân tộc sinh tồn", chế độ quốc xã của Hitler đã xô đẩy thế giới vào cuộc Đại chiến thế giới lần thứ hai. Triết thuyết "không gian sinh tồn" (*Lebensraum* của Friedrich Ratzel) cho phép con người có quyền xâm chiếm nước khác, có quyền xem người khác chủng tộc của mình như là một phó sản của thiên nhiên và có quyền tiêu diệt nhóm này không chút thương hại. Triết thuyết này đã bị thế giới bác bỏ, mặc dù vẫn còn một thiểu số áp ụ nó. Khi cao trào giải phóng thuộc địa lên cao, thế giới ủng hộ mọi phong trào đấu tranh giải phóng. Bạo lực vào thời đó được coi có chính nghĩa.

Cuộc Chiến tranh lạnh kéo dài hơn 30 năm giữa hai khối gọi là tư bản và cộng sản chấm dứt với biểu tượng Bức Tường Bá Linh sụp đổ đã đưa thế giới vào một kỷ nguyên mới, không còn đe dọa chiến tranh toàn cầu nữa mà chỉ còn những cuộc chiến cục bộ địa phương mà thôi. Nói chung thế giới đang đi theo khuynh hướng bất bạo động.

Người đầu tiên áp dụng phương pháp bất bạo động thành công trên chính trường là Mahatma Gandhi. Ngày 15-8-1945, nước Ấn Độ độc lập không đổ máu. Và gần đây nhất, các nước Đông Âu và các nước trước đây nằm trong khối Liên Bang Xô Viết, đã tuân tự thay đổi chế độ trong "diễn biến hòa bình", bất bạo động, không đổ máu. Năm 1989, nhân dân Czech và Slovakia đã lật đổ bất bạo động chế độ xã hội chủ nghĩa trong cuộc "cách mạng nhung", năm 1990 Ba Lan nhờ công đoàn "Đoàn Kết" đã ép tướng Jaruzelski phải từ chức. Nước Đức thống nhất năm 1990 không đổ máu. Tại Georgia năm 2004, ông Mihail Saakasvili với biểu tượng bông hồng đã đánh đổ ông Eduard Shevardnadze. Tại Ukraine cùng năm, ông Viktor Yushchenko đã lật đổ không bạo động chế độ chuyên chính thân Nga trong cuộc "cách mạng cam". Nước Kyrgyzstan cũng đã đổi mới với biểu tượng uất-kim-hương (tulip). Nước Belarus đang chuyển mình cùng với biểu tượng xanh dương bố (màu xanh dương Denim-Jeans). Khắp nơi trên thế giới, quần chúng sống dưới các chế độ độc tài đang chuyển mình trong tinh thần hòa giải, trong tinh thần bất bạo động.

Tại Nam Phi, nhờ áp lực của thế giới, Nelson Mandela, sau 26 năm tù (1964 -1990) đã lên làm tổng thống và năm 1993 ông được giải Nobel Hòa Bình. Tại Miến Điện (Myanmar), bà Aung San Suu Kyi đang bị quản thúc tại gia từ năm 1989 cho đến nay nhưng vẫn tiếp tục đấu tranh ôn hòa và được giải Nobel hòa bình năm 1991. Các nước này đã chứng tỏ một trình độ dân chủ cao.

Tổ chức IRA (Irish Republican Army-Quân đội Cộng hòa Ái Nhĩ Lan) và tổ chức Sinn Fein đã từ bỏ vũ khí để chấp nhận đối thoại với chính phủ Anh. Tổ chức này đã nhận thấy sự bế tắc của khủng bố và võ lực. Trong tương lai, nước Tây Tạng có thể lấy lại độc lập, ít nhất là tự trị, nhờ cuộc tranh đấu bền bỉ và ôn hòa của Đức Đạt Lai Lạt Ma. Sức mạnh của tất cả các phong trào đòi dân chủ và độc lập là dư luận và áp lực thế giới đi cùng với thông tin. Nhưng sức mạnh quý giá nhất vẫn là tinh thần đấu tranh ôn hòa, tinh thần bền bỉ và lòng can đảm.

Chính quyền Việt Nam đứng trước hai lựa chọn

Ba mươi năm đã qua, mô hình xã hội chủ nghĩa cáo chung ở khắp mọi nơi trên thế giới, trừ bốn nước Cuba, Bắc Hàn, Trung Hoa và Việt Nam. Sự ủng hộ những phong trào giải phóng của những thập niên 1960 nay không còn nữa. Bất bạo động cách mạng không còn được bào chữa nữa. Các ngã đường đấu tranh cho dân chủ không thể đi qua bằng bạo lực. Đối với phong trào tranh đấu dân chủ cho Việt Nam, phương thức bất bạo động đã trở nên thiết yếu. Một số tổ chức trước đây chủ trương đấu tranh cách mạng lật

đổ chính quyền cộng sản Việt Nam bằng bạo lực nay cũng phải nhìn nhận, cho dù là bề mặt, bất bạo động là một phương thức bắt buộc. Các phong trào đấu tranh ôn hòa đòi dân chủ được sự ủng hộ của các chính phủ trên thế giới và các tổ chức không chính phủ (NGO). Các tổ chức này là những khiên chắn cho phong trào. Chính quyền Việt Nam đang từ từ lùi bước trước những áp lực này. Cuộc đấu tranh hiện nay đang đi vào giai đoạn có phối hợp và tổ chức, không còn tính cách đơn lẻ như trước.

Các cấp lãnh đạo của Đảng Cộng Sản Việt Nam đang đứng trước hai lựa chọn, một là chấp nhận dân chủ đa nguyên, từ bỏ độc quyền lãnh đạo, tổ chức bầu cử tự do trong sự ổn định, mở ra một trang sử mới cho đất nước Việt Nam ; hai là tiếp tục duy trì đàn áp và tiếp tục độc quyền lãnh đạo.

Giải pháp thứ nhất là giải pháp ôn hòa nhất, khôn ngoan nhất, không gây tổn thất sinh mạng mà mọi người đều mong muốn. Đảng cộng sản vẫn tồn tại và các thành phần dân tộc khác cũng có quyền đóng góp ý kiến để xây dựng đất nước. Di sản mà đảng cộng sản để lại cho đảng viên rất là nặng nề, khó lòng mà gánh vác, vì vậy càng sớm gỡ bỏ chế độ, các cấp lãnh đạo cộng sản càng có cơ hội chuộc lại lòng dân, có cơ hội đi vào lịch sử một cách vinh quang. Giải pháp thứ hai là nhà nước cộng sản tiếp tục nắm quyền lãnh đạo, tiếp tục đàn áp các con dân Việt Nam, khủng bố, hăm dọa, trấn áp các phong trào dân chủ mỗi ngày một mạnh bạo hơn. Điều này càng chứng tỏ sự yếu kém của họ về mặt lý luận vì bạo lực chính là ngôn ngữ của kẻ đui lý. Cuộc cách mạng ngày hôm nay là của các phong trào dân chủ trong và ngoài nước. Đảng cộng sản đã trở thành sức cản của "bánh xe lịch sử". Từ địa vị của một "đày tớ của nhân dân" nay họ nghiêm nhiên trở thành "ông chủ của nhân dân". Từ nạn nhân họ đã trở thành sát nhân. Chính nghĩa đang nằm trong tay các tổ chức đấu tranh cho dân chủ. Đây chính là sức ép của lịch sử. Lịch sử thế giới đang đi về hướng dân chủ hóa, đa nguyên hóa.

Đại khối người Việt hải ngoại chưa bao giờ ủng hộ chính quyền cộng sản. Ông Lương, ông Khải, ông Mạnh, các viên chức của chính quyền đi đến đâu thì người Việt hải ngoại biểu tình phản đối đến đó. Hậu thuẫn của những công dân Việt không còn, hậu thuẫn của thế giới cũng không có. Nhà nước cộng sản cũng không còn chính nghĩa, họ mất luôn cả tính chính thống đại diện cho toàn dân Việt Nam. Họ đang ngồi trên đầu ngọn núi lửa âm ỉ, chờ ngày bộc phát. Lá bùa hộ mạng Trung Quốc không đủ sức mạnh để che chắn cho họ. Mặc dù không ai chủ trương, bạo lực có thể bộc phát từ những chồng chất sai lầm của đảng cộng sản. Đại bộ phận quần chúng thâm lặng trong nước không còn kiên nhẫn để phục tùng nghe lệnh của họ nữa, ngay cả công an, quân đội cũng không tuân lệnh đàn áp nhân dân xuống đường nhân một biến cố nhỏ "tức nước vỡ bờ". Cảnh này đã diễn ra tại nhiều quốc gia và có cơ diễn ra tại Việt Nam, nếu các cấp lãnh đạo đảng cộng sản không sáng suốt lựa chọn giải pháp ôn hòa, tuyên bố từ bỏ chế độ độc đảng, chấp nhận dân chủ đa nguyên.

Chính quyền cộng sản nên chọn giải pháp thứ nhất để

tránh thảm cảnh của vợ chồng Ferdinand Marcos trốn chạy khỏi Philippines năm 1986, của vợ chồng Ceausescu bị xử bắn tại Romania năm 1989, cảnh Erik Honecker năm 1994 bị đưa ra tòa và cuối cùng chết biệt xứ tại Chili, cảnh lãnh tụ Slobodan Milosevic của Serbia bị tòa án quốc tế xét xử, cảnh Pinochet của Argentina tuy già nhưng vẫn bị tòa án truy tố, cảnh trốn chạy của cựu tổng thống Kyrgystan Askar Akayev, hoặc cảnh Saddam Hussein trốn chui trong một lỗ chuột để rồi bị bắt và bị giải tòa. Đôi khi một thần tượng ở trong một nước có thể trở thành một tội đồ trước dư luận quốc tế.

Từ bao lâu nay, người Việt quen sống trong bạo động, chết trong bạo động và bạo động đã trở thành một bạn đồng hành quen thuộc. Vì bạo động đáp ứng những đòi hỏi nóng vội, nên nó vẫn được dùng. Đảng cộng sản quên một điều quan trọng là tư tưởng có sức mạnh vô song. Thân xác con người có thể bị tù đầy, bị trù dập, nhưng tư tưởng của con người không thể nào bị nhốt vào hộp được, vì càng đàn áp bao nhiêu sức mạnh của tư tưởng càng bật mạnh thêm bấy nhiêu. Đấu tranh bất bạo động rất âm thầm, rất kiên trì, đối ngược lại bạo động và khủng bố có tính cách ngoạn mục và có hiệu quả nhanh.

Bạo động vẫn còn hấp lực đối với rất nhiều người. Không ít người cho rằng giải pháp bất bạo động là hoang tưởng nhưng những biến chuyển thế giới cho thấy đây là phương thức khả thi. Người Việt quá quen thuộc với phương thức bạo động nên nghĩ rằng phương thức này không đi đến đâu vì không mang lại hiệu quả thực tế. Ở đây tinh thần nóng vội cũng là động cơ thúc giục con người sử dụng phương thức bạo lực.

Bất bạo động đòi hỏi con người tính kiên nhẫn, lòng can đảm. Cuộc cách mạng tư duy cần có là thay đổi não trạng cho rằng chỉ có bạo động mới giải quyết được mọi vấn đề sang não trạng tìm kiếm giải pháp ôn hòa, đôi bên cùng có lợi. Căn bản của dân chủ đa nguyên chính là sống chung trong sự tôn trọng khác biệt, không ai thắng ai, không ai trù dập ai, không ai giết ai.

Nguyễn Gia Thường (Bruxelles)

Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên là một kết hợp của những người cùng theo đuổi một lý tưởng chung là xây dựng một nước Việt Nam dân chủ, bao dung và giàu mạnh, một nước Việt Nam mà những con người ngày hôm nay có thể chấp nhận được và các thế hệ mai sau có thể tự hào.

Mục tiêu gần và cũng thiết thân nhất của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên là đấu tranh thiết lập một thể chế dân chủ đa nguyên trong tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc bằng những phương thức bất bạo động.

Là một kết hợp hoàn toàn hướng về tương lai, Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên qui tụ những người Việt Nam thuộc đủ mọi lứa tuổi, mọi quá khứ chính trị, mọi cương vị, trong cũng như ngoài nước.

Thư ngỏ gửi cựu thủ tướng Võ Văn Kiệt

"Nếu có một lời đánh giá chính thức để vô hiệu hóa nghị định 31/CP"

*LTS : Tòa soạn Thông Luận vừa nhận được lá thư ngỏ dưới đây của ông Hà Sĩ Phu gửi ông Võ Văn Kiệt. Thư này được viết sau khi bị công an Đà Lạt mời lên "làm việc" ngày 9-12 vừa qua. Nội dung lá thư này nhắc đến nghị định 31/CP do ông Võ Văn Kiệt ký ngày 14-4-1997. Trong quá khứ, nhóm nhân sĩ Đà Lạt gồm các ông Hà Sĩ Phu, Tiêu Dao Bảo Cự, Bùi Minh Quốc... đều là nạn nhân của nghị định 31/CP, rất nhiều nhà dân chủ, trí thức và tu sĩ khác trong nước cũng bị quản thúc tại gia bởi nghị định này. Gần đây ông Võ Văn Kiệt có gửi ra hai bài viết phê bình đảng cộng sản, được dư luận đánh giá là thẳng thắn và ủng hộ dân chủ, những không thấy ông Võ Văn Kiệt tỏ ra hối tiếc về việc ban hành hay yêu cầu thu hồi lại nghị định này. Dư luận trong và ngoài nước rất thắc mắc về những gì ông Kiệt viết, không biết ông Kiệt viết vì thực lòng hay vì một chủ ý gì khác ?
Tựa đề bài viết là của tòa soạn.*

Đà Lạt ngày 10-12-2005

Thưa ông,

Điều khiến tôi phải viết bức thư ngỏ này tới ông là như sau :

Sáng ngày 9-12-2005 công an phường đưa giấy mời tôi, (sau 15 phút) lên trụ sở để "làm rõ một số nội dung do quần chúng tố giác". Tại trụ sở, Công an PA25 tỉnh Lâm Đồng, Công an thành phố Đà Lạt và Công an Phường 2 đưa cho tôi một thư nặc danh, tố cáo tôi đã trả lời phỏng vấn của đài RFA về hai bài viết của ông (Võ Văn Kiệt) gửi Bộ Chính trị, tháng 4 và tháng 7-2005, tổng kết về lý luận và sự nghiệp đổi mới (ngoài ra còn bài trả lời phỏng vấn của RFA về chuyến đi Hoa Kỳ của thủ tướng Phan Văn Khải và thư ngỏ của tôi tham luận với ông Trần Khuê). Công an đã đưa cho tôi các văn bản nói trên lấy từ trang Web của RFA và yêu cầu tôi ký xác nhận những nội dung đó là lời của tôi.

Chưa cần nói rằng thư tố cáo nặc danh kia làm gì có giá trị khiến công an phải làm việc nghiêm túc thế, trong khi những thư tố cáo tham nhũng mà nặc danh thì mặc nhiên bị coi là vô giá trị. Tôi đã trả lời công an rằng : Khi đã trả lời công khai trên một đài phát thanh quốc tế thì đương nhiên đó là việc làm công khai, ai cũng có thể nghe và đọc, bí mật gì đâu mà lại có người phải "tố giác" ? Thực ra điều đặc biệt của bức thư "tố giác" nặc danh này là : người viết tự xưng là một công dân cùng sống trong Phường 2 với tôi, rằng : Phường 2 đang có thành tích xây dựng phường văn hóa, khu phố văn hóa, sao lại để có một người như Hà Sĩ Phu làm ảnh hưởng đến tính văn hóa đó, đề nghị công an

phải nghiêm trị.

Bài bản của bức thư thế là đã rõ : "Làm ảnh hưởng đến tính văn hóa" của phố phường thì là điều phá hoại xấu xa, phải bị lên án, rất có thể bị kiểm điểm trước phố phường! (Nói thẳng ra, như thế là đầu tố, tôi đã bị như thế vài ba lần rồi). Đề nghị "công an nghiêm trị" thì rất có thể là công an sẽ làm một hồ sơ tối thiểu đủ làm cơ sở cho một cuộc "phê phán đông người" hoặc dẫn đến một lệnh quản chế hai năm theo nghị định 31/CP do thủ tướng Võ Văn Kiệt đã ký. (Tôi và một số trí thức ở Đà Lạt cũng đã bị như thế nhiều lần rồi). Từ kinh nghiệm bản thân chúng tôi hầu như đã thuộc lòng quy trình này.

Vậy bức thư ngỏ này có hai điều liên quan khiến tôi phải viết thư tới ông.

1. Những bức thư ngỏ của ông gửi Bộ Chính trị và Trung ương, đóng góp những suy nghĩ trần trụi của ông trước tình hình đất nước liệu có thể bị coi là nói xấu, là thiếu văn hóa không ? Những bức thư đó đã được rất nhiều người quan tâm, trong đó có tôi, khiến các cơ quan công luận muốn thu thập các ý kiến bình luận, đóng góp, trong đó có tôi. Trong khi bình luận, xu hướng suy nghĩ của tôi có nhiều điểm tương đồng với ông nên tôi tán thành là chủ yếu, tất nhiên tôi có nói thêm về một vài điều cần bổ sung, là điều bình thường. Vậy bài trả lời phỏng vấn của tôi, xin ông cho biết, có mâu thuẫn với tính văn hóa hay không, có làm mất tính văn hóa của phố phường hay không ?

2. Nghị định 31/CP do ông ký ngày 14-4-1997, là văn bản tạo cơ sở pháp lý cho những biện pháp xử lý hết sức thiếu dân chủ : quản chế đến hai năm mà không có xét xử của tòa án, chịu hình phạt trước đám đông mà dưới cái vỏ rất nhân ái, coi như không có gì quan trọng cả, làm như đề cao dân mà thực chất là coi thường dân, dùng dân làm công cụ.

Về chuyện cứ lấy ý kiến của dân làm cơ, tôi kể thêm một ví dụ khác. Nhà thơ Bùi Minh Quốc gần đây bị một kẻ lạ mặt không quen biết, mang số điện thoại 0903.232824 thường xuyên nhấn vào máy điện thoại di động của ông những câu tục tĩu như :

"Mày có muốn đi Mỹ với thằng Chính để liếm dít Mỹ tao cấp visa cho !", hoặc "Thằng Chính bị ăn đòn, mày có kinh không ? Bọn phản bội chúng mày sẽ còn lãnh đủ con a !" ... Kể làm việc đồi bại này muốn đóng vai "nhân dân" phần nộ trước những bài viết của ông Bùi Minh Quốc. Nhưng nhà thơ Bùi Minh Quốc không sợ, ông đã làm đơn tố giác hành động của kẻ lưu manh mang số điện thoại ấy với công an và bưu điện. Công an nhận được đơn tố giác ấy nhưng không hề điều tra, không hề trả lời. Sao một sự tố giác chính xác như thế thì lại làm ngơ (biết số điện thoại, tìm ra người là việc quá dễ với cơ quan an ninh, một người dân chủ dù dùng số điện thoại nào công an cũng biết ngay). Còn cái gọi là "tố giác" trong trường hợp của tôi thì hoàn toàn ngược lại : kẻ tố giác chỉ là một kẻ nặc danh, lại vu cáo một việc làm công khai rõ ràng của tôi, thì công an lại "mời" tôi lên điều tra ngay ! Bài trả lời phỏng vấn của tôi đăng công khai trên mạng, tôi biết nhiều đảng viên đã chuyển tay nhau đọc, bí mật gì mà phải "tố giác" ? Nếu

thấy quan điểm trên báo chí của tôi là sai trái thì lại dùng báo chí để công khai tranh luận chứ "tố giác" cái nổi gì ? Phải chăng định mượn lời tố giác nặc danh đó làm cơ quản chế tôi một lần nữa theo nghị định 31/CP mà thủ tướng Võ Văn Kiệt đã ký hay sao ?

Thưa ông cựu thủ tướng, tôi biết ông là người đã có những suy nghĩ dân chủ, và cũng đã là nạn nhân trong lĩnh vực tự do tư tưởng và tự do ngôn luận. Chính nghị định 31/CP đã làm ông mang tiếng là người chống dân chủ. Nếu ông có một lời đánh giá chính thức để vô hiệu hóa cái nghị định 31/CP chống dân chủ, vi phạm hiến pháp ấy thì sẽ là một việc làm rất có ý nghĩa mà những người dân tử tế đang chờ đợi. Tôi nghĩ, về việc này ông có trách nhiệm hơn ai hết, và có khả năng giải quyết hơn ai hết.

Nếu có thể được, xin ông một sự trả lời.

Kính gửi ông một lời trân trọng và niềm hy vọng thực lòng.

Hà Sỹ Phu

4E, Bùi Thị Xuân, Đà Lạt

Tái bút :

- Không hiểu sao mà ngẫu nhiên những rắc rối của tôi từ 1995 đến nay cứ liên quan đến những văn bản mà ông đã viết hoặc đã ký. Hân hạnh và duyên nợ ?

- Nay ông không còn ở Phủ thủ tướng, muốn gửi cho ông mà chẳng biết gửi thế nào, đành viết thư ngỏ, mong ở ông sự thông cảm và đồng cảm nữa. Thủ tướng, thượng tướng còn phải viết thư ngỏ, nhờ công luận đánh tiếng, thì trách gì chúng tôi.

- Cũng nhân đây, tôi gửi ông bản sao tờ giấy mời tôi lên trụ sở công an làm việc vì có thư tố giác như trên đã nói. Một quy trình làm việc kiểu này thật "hoàn hảo", vừa đủ lịch sự, vừa đủ nghi thức, nhưng cũng vừa đủ chuyên chính để gò một trí thức có tư duy độc lập phải nằm gọn trong một tư duy đã ấn định sẵn, không chừa vào đâu được, nghĩa là vừa đủ để làm cho cái quyền tự do tư tưởng ghi trong hiến pháp trở thành vô nghĩa. Ông là người đã từng giữ trách nhiệm tối cao trong hệ hành pháp quốc gia, tôi mong được ông giảng giải cho về việc này. Kính thư (HSP)

CÔNG AN TP DALAT
CA PHƯỜNG 2
-00-
Số : 19/.../GM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc
---000---
Đà Lạt, ngày 9 tháng 12 năm 2005.

GIẤY MỜI
(Lần thứ 2)

Kính mời: Ông Nguyễn Xuân Tú

Thường trú tại: 4E, Bùi Thị Xuân - phường 2 - Thành phố Đà Lạt.

Đúng 14h ngày 09 tháng 12 năm 2005

Đến tại: Công an phường 2 (271 Phan Đình Phùng - Thành phố Đà Lạt)

Lý do: Làm rõ một số nội dung do quần chúng tố giác.

Gặp ông Trưởng Công An Phường 2 để làm việc.

Đề nghị ông đến đúng giờ.

TRƯỞNG CÔNG AN PHƯỜNG 2



Nguyễn Xuân Tú

Mạn đàm

"Văn hóa Đảng"

Hồi thời tọt cùng
nước sơn hào nhoáng
Khăn khăn đùn ra
quả mìn
"Văn hóa Đảng"

Đây là một đoạn mở đầu trong bài thơ *Văn hóa Đảng* của Nhược Bằng (Điện thư 46). Theo tác giả cho biết, thì đây là một chuyên mục mới trên truyền hình Việt Nam, "rất tiếc" là chuyên mục này không được phát trên VTV4 để ba triệu đồng bào Việt Nam đang sinh sống ở nước ngoài có điều kiện "thưởng thức". Ngoài văn hóa dân tộc, văn hóa dân gian của Việt Nam ra, nay chúng ta lại biết thêm một thứ văn hóa đặc biệt nữa đó là "văn hóa đảng".

Quả thực là khó để hình dung ra thế nào là "văn hóa đảng"? Nếu không sống ở Việt Nam, không là người Việt Nam (người nước ngoài) thì không thể hiểu mô tê gì về cụm từ này! Cũng giống như chúng ta không hiểu gì khi có người nói về "văn hóa của đảng Bảo thủ Anh" chẳng hạn. Nhưng thôi, chúng ta là người Việt thì cũng phải hiểu ngôn ngữ của người Việt.

"Văn hóa đảng" có hay không? Chắc chắn là có cái thứ văn hóa đó! Đảng (cộng sản Việt Nam) đã cầm quyền 60 năm rồi, mà là cầm quyền tuyệt đối (đó ai chen vào được) cho nên mọi chuyện từ nhỏ đến lớn đều liên quan đến đảng. Văn hóa là một chuyện vô cùng quan trọng trong đời sống xã hội của người dân, cho nên đảng phải "quan tâm" là đúng rồi. (Ngay cả chuyện các ca sĩ được mặc quần áo hở rốn bao nhiêu phân cũng phải được đảng duyệt nữa là). Thế nhưng đảng sợ dân vẫn chưa "thông" nên lại "đùn" thêm một chuyên mục nữa là "Văn hóa đảng" trên Tivi.

Có lẽ đây là phát minh mới của trưởng ban tư tưởng văn hóa trung ương Nguyễn Khoa Điềm. Nhưng phải nói ngay là dù Nguyễn Khoa Điềm, trong một lúc mệt mỏi, chán chường, thiếu khôn ngoan nên đồng ý cho chuyên mục này ra đời đã đành nhưng còn các vị trong bộ chính trị, các "giáo sư, tiến sĩ", các "triết lý gia" của đảng đâu cả rồi mà lại không có ý kiến gì về việc này? Theo thông lệ "nói lấy được", "cả vú lấp miệng em"... từ trước tới nay của đảng là luôn đánh đồng "đảng" với "dân tộc", với "nhân dân", với "tổ quốc". Chỉ cần có ai đó nói động đến đảng một chút thôi (dù chưa cần biết đúng sai thế nào) là đảng đã lu loa lên là "phản động", "phản bội tổ quốc", "phản bội nhân dân"... Thì với việc Nguyễn Khoa Điềm công nhận có một "văn hóa đảng" khác với văn hóa dân tộc chính thống của Việt Nam, cùng với những từ ngữ mà chúng ta nghe đã nhàm tai như "chính quyền của đảng, lịch sử của đảng, tư tưởng của đảng, học thuyết của đảng, công lao của đảng..." đã khẳng định một việc: Đảng Cộng Sản Việt Nam là một thực thể không liên quan gì tới dân tộc Việt Nam, tới nhân dân Việt Nam.

Trong bài viết "Tổ quốc trên hết", đăng trên *Đàn Chim*

Việt, tác giả Lê Nhân đã phân tích và khẳng định rằng: "Đảng Cộng Sản Việt Nam là một chính đảng vô cha mẹ, vô gia đình, vô tổ quốc, là đứa con hoang của Stalin và Mao Trạch Đông, là đứa con không quê hương, vô tổ quốc, không nằm trong dân tộc Việt Nam". Vì thế từ nay mong rằng đảng đừng "lập lờ đánh lộn con đen" làm gì nữa. Nếu có ai phê phán đảng, chỉ trích đảng... thì cứ khép tội "phản bội đảng", "chống lại đảng" rồi đem bỏ tù hoặc xử bắn là xong. Luật pháp nằm trong tay đảng. Đừng ghép cho họ những "cáo trạng" vô cùng khủng khiếp như "phản bội dân tộc", "phản bội nhân dân"... mà lâu nay đảng vẫn thường làm. Những cáo trạng đó là dành cho người dân để kết tội những kẻ, những đảng đã phản bội lại họ.

"Văn là người". Văn hóa đảng cũng chính là "tính cách của đảng", cái văn hóa đó, tính cách đó không phải ở đâu xa mà nó hiện hữu mọi chỗ, mọi nơi, mọi lúc... trong cuộc sống hàng ngày của mỗi người dân Việt Nam. Trong bài viết này tôi sẽ cùng độc giả tìm hiểu xem cái "văn hóa đảng" nó ra làm sao?

Thời sự nóng bỏng nhất trong mấy ngày qua liên quan đến "văn hóa đảng" đó là cách đảng "đón tiếp" cụ Hoàng Minh Chính mới đi chữa bệnh ở Mỹ về. Trước khi cụ về thì trên các diễn đàn như BBC, *Đàn Chim Việt*... đã "nóng" lên vì những dự đoán xem chính quyền Việt Nam sẽ đón tiếp cụ ra sao? Thật là trở trêu vì đã có ý kiến đưa ra, tưởng để mà "đùa tí cho vui" rằng là chính quyền chỉ còn cách ném cà chua và trứng thối (như khi ông Khải đến Mỹ) cộng với mắm tôm vào cụ, thế mà nó đã trở thành sự thật. Khi về nhà con gái cụ ở Sài Gòn đã bị khoảng mười tên (chắc chắn là các đối tượng đang chuẩn bị kết nạp vào đảng, chứ dân Sài Gòn không ai đi làm điều đó cả, dù có trả họ tiền) đến quấy nhiễu (tạt axit vào nhà) và đòi "trục xuất" cụ về Hà Nội! Về đến Hà Nội cụ đã được "đón tiếp" trọng thể hơn (với khoảng 50-100 người) với một khí thế "hùng hục cách mạng" như hồi Cải cách ruộng đất (1954), hay "cách mạng văn hóa" ở Trung Quốc (1960). Đám đông đã đánh vào đầu cụ, người thân của cụ, đập phá nhà cụ... bấp chập rằng cụ đã 83 tuổi và vừa đi chữa bệnh về!

Nếu không có những thông tin đáng tin cậy thì chính tôi cũng không thể nào tin được chuyện ấy có thể xảy ra, mà lại xảy ra giữa Hà Nội, thủ đô của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam "ngàn năm văn hiến", một "điểm đến an toàn và thân thiện" (như lời quảng cáo của ngành Du lịch Việt Nam). "Văn hóa đảng" bốc mùi trong thơ của Nhược Bằng từ tháng 5-2005 thì đến 1-12-2005 nó bốc mùi thật ra ngoài, ngay tại nhà cụ Hoàng Minh Chính. Mà không hiểu ông Nguyễn Khoa Điềm và ông Phạm Chuyên (giám đốc công an Hà Nội) bị "tẩu hỏa nhập ma" hay sao mà lại chỉ đạo công an và mật vụ làm vụ này? Không lẽ "Đảng Cộng Sản Việt Nam quang vinh và muôn năm" không còn phương pháp nào để đối phó với một ông lão 83 tuổi Hoàng Minh Chính, ngoài phương pháp "Bóc và... Ném" (tên một bài viết của tác giả Lê Nhân) nữa hay sao? Một màn kịch hết sức lố lăng và vụng về mà đứa con nít cũng có thể lật tẩy được. Nếu quả thật người dân Việt Nam có quyền được bày tỏ chính kiến, bày tỏ sự phẫn uất của

mình như đám đông đã làm trước nhà cụ Chính thì Việt Nam dân chủ quá rồi còn gì ? Những người Việt Nam đấu tranh cho dân chủ thất nghiệp hết chứ còn đâu ? Mà sau vụ này người dân Việt Nam rất nên phát huy "tinh thần cách mạng" như hôm ở nhà cụ Chính, có nghĩa là nếu có ông quan nào nói bậy, làm bậy thì người dân cứ việc tụ tập nhau lại và kéo tới nhà riêng rồi "dẫn" cho một trận, không chừa một ai, kể cả con cái. Yên tâm đi ! Không ai bắt bớ đâu mà sợ, chính mấy ông công an đã nói là họ không thể can thiệp được khi người dân quá phần uất rồi còn gì !

Thật tình thì những chuyện như vừa xảy ra với cụ Chính cũng chỉ là một trong muôn ngàn cách ứng xử theo kiểu "văn hóa đảng", "tinh cách đảng" chứ không có gì là quá bất thường, nó chỉ bất thường là cụ Chính rất cao tuổi và đang bị bệnh. Có người bảo rằng, với cộng sản thì "già không bỏ, nhỏ không tha", mà có lẽ đúng như vậy thật. Còn nhớ hồi đi học trong một bài thơ của Tố Hữu có viết về tâm trạng một cậu bé 13 tuổi (Nguyễn Văn Hòa, tức cụ Theo) khi được ấn cho khẩu súng vào tay để đi "đánh giặc" rằng :

...Buổi đầu cầm súng biết bao là mừng

Mẹ ơi súng đẹp quá chừng

Con đi đánh giặc mẹ đừng lo chi...

Mẹ cười, thật giống cha mi

Chẳng ăn chi cả, cứ đi đánh hoài...

Rồi chuyện của em Lê Văn Tám (dù thật hay bịa) làm ngọn đuốc sống lao vào kho đạn của địch... đã chứng minh rằng trẻ em cũng phải lao vào mũi tên hòn đạn, dù luật pháp quốc tế cấm việc tuyển mộ trẻ em vào lính. Đảng biện bạch rằng : hoàn cảnh Việt Nam khác với các nước, "văn hóa đảng" là như vậy đó.

Người Việt có câu "nghĩa tử là nghĩa tận", đó là văn hóa của người Việt Nam ta từ ngàn đời nay. Nhưng "văn hóa đảng" thì không ! Việc chính quyền cộng sản can thiệp đòi chính phủ Philippines và Indonesia đập bỏ các tấm bia tưởng niệm những người đã thiệt mạng trên con đường trốn chạy cộng sản sau năm 1975, đã làm cho tim nhiều người ứa máu. Đó cũng là "văn hóa đảng" !

Một hậu quả đau lòng từ "văn hóa đảng" mà ra, và nó còn hệ lụy đến nhiều năm sau nữa đó là cách đối xử của con người, giữa con người với con người, giữa con người với môi trường, giữa con người với tập tục văn hóa... Có thể nói rằng mọi giá trị văn hóa, đạo đức, tinh thần của người Việt Nam từ xưa đến nay đã bị "văn hóa đảng" bóp chết. Ta nghe nói đến sự băng hoại đạo đức, xuống cấp nhân cách... nhưng thực sự thì còn ghê gớm hơn thế nhiều.

Đi ngược thời gian một chút để tìm hiểu sự hình thành của "văn hóa đảng". Với việc du nhập học thuyết không tưởng Mác-Lênin, đảng cộng sản đã thực tâm thi hành một trong những chủ thuyết của chủ nghĩa cộng sản là "đấu tranh giai cấp". Với bản chất "sáng tạo của đảng" là "Trí, Phú, Địa, Hào, đào tận gốc, trốc tận rễ", với sự chỉ đạo kịp thời của quan thầy Trung Quốc, chiến dịch cải cách ruộng đất ra đời. Ngoài việc hàng vạn người dân đã chết oan, những giá trị truyền thống của người Việt đã bị đảo lộn hoàn toàn. Đó là khi con tố cha, vợ tố chồng, anh tố

em. Khắp làng quê Việt Nam đã xảy ra những chuyện mà bây giờ nói nhiều người không thể tin được, ví dụ có đứa con chỉ vào mặt bố mình quát :

- Mày có biết tao là ai không ?

Người bố trả lời :

- Thưa ông con biết ! Ông là con của con !

Đó là thời kỳ mà "văn hóa đảng" hình thành. Thời kỳ mà sự thật và lòng tốt đã phải rút vào "hoạt động bí mật", nhường chỗ cho sự giả dối và đê tiện. Một thực tế chứng minh cho sự "ưu việt" của văn hóa đảng đó là sự nói dối. Trong chế độ này nói dối là nói thật và nói thật là nói dối. Khi ông Kiệt (cựu thủ tướng) nói lên một sự thật rất hiển nhiên mà một người bình thường cũng biết đó là "nước Việt Nam là của tất cả người Việt Nam chứ không phải riêng gì của các đảng phái" thì đã gây nên một phản ứng kỳ lạ, nhiều người thẳng thốt, hoang mang, thậm chí hoài nghi !

"Văn hóa đảng" là con người phải mang cho mình nhiều mặt nạ. Cùng một sự việc, với cấp trên họ nói khác, với bạn bè nơi vỉa hè nói khác, với đồng nghiệp tại cơ quan nói khác, với vợ con nói khác.

"Văn hóa đảng" bài xích giai cấp tư sản (vì đó là giai cấp bóc lột), ủng hộ giai cấp bản cùng trong xã hội (?), nhiều lúc tính cách văn hóa này lấn át cả luật pháp quốc gia. Ví dụ khi tham gia giao thông, cứ gây ra tai nạn thì kẻ điều khiển phương tiện nhiều tiền hơn, luôn luôn là người có lỗi. Chẳng hạn tai nạn xảy ra giữa người đi xe đạp và xe máy thì người đi xe máy luôn luôn bị lỗi, nhưng họ sẽ vô tội nếu họ đâm vào xe ô tô ? Điều đó được pháp luật và xã hội thừa nhận. Nhiều người Việt "khôn ngoan", biết lách luật để "kiếm sống" bằng cách đi xe đạp cũ cố tình đâm vào xe máy rồi bắt đền tiền. Nhiều người ác ý cứ bảo là họ ăn vạ, xin đền. Thật ra họ là những người thông minh, biết áp dụng linh hoạt "văn hóa đảng" để kiếm cơm. Có người sẽ bảo : chuyện ấy xưa rồi. Chưa đâu ! Nó vẫn đang tồn tại đấy.

Não trạng từ chủ thuyết "đấu tranh giai cấp" vẫn còn đó. Những người kinh doanh, buôn bán tư nhân vẫn được bộ máy công quyền như công an, thuế vụ... "đặc biệt chiếu cố", xã hội và người dân thì vẫn e dè. Những suy nghĩ cổ hủ như : buôn gian bán lận, ngồi mát ăn bát vàng, gian thương... vẫn còn đó. Trong khi một anh viên chức quèn ngồi ngáp vặt ở cơ quan nhà nước nhưng đã vào biên chế vẫn có người thích, vẫn cứ oai ! Những suy nghĩ xấu về những người làm ăn tư nhân trong nhân dân sẽ được xóa bỏ nhanh chóng do những kết quả khả quan và thiết thực mà họ đang mang lại. Nhưng những suy nghĩ về những tư nhân làm ăn đứng đắn trong con mắt của các cơ quan nhà nước như công an, thuế, quản lý thị trường, hải quan... thì còn lâu mới hết được. Do họ bị ảnh hưởng nặng nề của "văn hóa đảng". Chính điều này mang lại cho những doanh nhân thành đạt một sự bất mãn vì không được đối xử công bằng, họ liền "trả thù" bằng cách phô trương sự giàu có của mình, họ tiêu tiền như rác, họ ném tiền vào bất cứ nơi nào miễn là nơi đó họ được kính trọng và phục vụ như một "thượng đế". Họ "bao" các quan chức đã bảo kê cho họ

nhưng không thể không khinh thường những kẻ đó. Những kẻ thấy tiền thì sáng mắt, đưa bao nhiêu cũng thấy ít, nhưng hơi tí là giở luật này, luật nọ ra để hạch sách và "ra oai".

Hành động này của các doanh nhân tuy thỏa mãn tính tự ái trước mắt nhưng sẽ khoét sâu sự phân hóa giai cấp, do có tiền, nhiều tiền nên nhiều lúc họ không những coi thường bọn quan chức (sau lưng) mà còn coi thường cả người dân lao động nghèo (trước mặt). Tạo nên một sự đối đầu ngầm ngầm trong xã hội. Người nghèo vừa sợ vừa tức (vừa khinh) những người giàu, nhưng họ lại rất khát khao trở thành giàu có. Và khi trở thành giàu có rồi, họ lại quay mặt lại với tầng lớp người nghèo (nơi mà mới hôm trước họ vẫn còn ở trong đó).

Điều này những người dân ở trong miền Nam thường không thấy rõ vì trong quá khứ họ chưa bị cơn sóng thần "cải cách ruộng đất" đi qua. Người Nam sống với nhau, cư xử với nhau thân thiện, tình người, cởi mở, ngay cả khoảng cách chủ tớ, hay các quan hệ trong công việc cũng rất gần gũi. Tôi xin lấy ví dụ nếu ở miền Nam, bạn vào quán ăn cứ gọi thoải mái mà không phải hỏi giá tiền trước, bạn sẽ được phục vụ hết sức vui vẻ với nụ cười trên môi của các nhân viên phục vụ, cuối bữa ăn bạn không cần phải xem thật kỹ hóa đơn vì giá cả được tính đúng như trong thực đơn đã ghi. Trong khi đó nếu ở miền Bắc, nếu bạn là người phương xa đến mà không hỏi giá cả trước thì khi ăn xong bạn phải thanh toán đắt hơn vài lần so với giá đã ghi trong thực đơn và bạn sẽ... không có cơ hội để thắc mắc.

Tại miền Bắc thì "văn hóa đảng" vẫn ảnh hưởng mạnh mẽ trong đời sống người dân. Người giàu và nghèo, chủ và tớ, quan và dân... có những khoảng cách rất lớn, do họ cố tình tạo ra. Chính điều này làm cho xã hội Việt Nam ngày càng thiếu thân thiện và cởi mở. Cư xử giữa con người với nhau trở nên tồi tệ. Tâm trạng chung của mọi người Việt là lo lắng, bất an khi có bất cứ việc gì phải đi đến các cơ sở của nhà nước, từ ủy ban, đến bệnh viện, trường học. Các nguyên tắc ứng xử thân thiện cơ bản giữa con người với con người không còn nữa mà nhường chỗ cho sự căm ghét, hoạnh học, làm khó dễ... để kiếm tiền. Khi đến các chỗ đó chúng ta hoàn toàn lệ thuộc vào tâm trạng tốt hay xấu, vui hay buồn của người cần gặp ! (Chuyện này ông Lê Đăng Doanh đã từng kể rằng, cỡ như ông mà khi đến ủy ban Phường có việc cũng phải "giở võ" là quen biết rất nhiều các "anh" trên Quận, Thành Phố, rồi cũng phải xì ra 50.000 đồng mới xong được việc !).

Điều kỳ lạ nhất theo tôi thấy là những con người ở miền Bắc hay miền Trung khi ở quê thì họ khó tính, cáu bẳn, chi li, căn cơ... khi vào đến miền Nam thì họ không còn (hoặc bỏ đi rất nhiều) những tính toán thiệt hơn đó, họ hòa đồng và xử sự thoải mái, thân thiện như người Nam. (Đây chỉ là nhận xét của cá nhân tôi về một hiện tượng xã hội, không có ý chê trách hay nói xấu ai). Lý giải điều này, theo tôi đó là môi trường sống. Với một xã hội không cởi mở, kẻ này soi mói, dè chừng kẻ kia, thậm chí rình rập để tiêu diệt nhau, người ta không dám sống thật với nhau, cởi lòng ra với nhau.

Đây cũng là nét đặc trưng rất "văn hóa đảng", đảng đã thành công khi tạo ra một bầu không khí ngột ngạt, mất đoàn kết, nghi ngờ lẫn nhau, phá hoại lẫn nhau trong người dân. Mục đích lâu dài là để người dân không đứng chung với nhau được trong bất cứ một tổ chức nào. Nhân tiền là đã phá hủy nền văn hóa dân tộc lâu đời và tình nghĩa giữa con người Việt Nam với nhau.

Một đặc tính cũng rất mang nặng màu sắc của "văn hóa đảng" đó là cố tình ru ngủ quần chúng bằng những điều dối trá và cường điệu như : "người Việt Nam thông minh, cần cù, chịu khó, khéo tay... Nước Việt Nam giàu và đẹp, rừng vàng biển bạc, đất phì nhiêu, thiên nhiên ưu đãi...". Tôi cũng không phủ nhận những điều này nhưng những đức tính tốt đẹp đó có làm cho dân tộc ta trở nên hùng mạnh và giàu có hơn không ? Trong khi đó người Nhật dạy dỗ con em họ từ ngày đầu tiên đi học rằng "dân tộc chúng ta là một dân tộc bất hạnh, chúng ta sinh ra trên mảnh đất nghèo nàn, không có một chút tài nguyên nào... nếu các em không chịu khó học tập thì chúng ta sẽ bị thua kém các dân tộc khác...". Sự tuyên truyền dối trá và mỉa dân này trong 60 năm qua đã làm cho nhiều người tưởng thật, họ quen với sự khen ngợi giả dối mà quên đi hiện thực. Bây giờ có ai đó nói lên sự thật (mà sự thật thì phũ phàng và khó nghe !) thì vẫn có một số ít người không thể chịu nổi và phản ứng gay gắt mà không cần tìm hiểu bản chất sự việc cho đến cùng và tưởng tượng một cách khoa học, khách quan. (Tôi ví dụ, có ai đó nói rằng ông Hồ nói dối, ông có vợ, có con... thì cho dù đó là sự thật, nhưng vẫn có người sẽ không tin và còn phản ứng gay gắt !).

Nhân nói chuyện ông Hồ tôi cũng xin đề cập đến một tính cách của "văn hóa đảng". Trong di chúc ông Hồ bảo là phải thiêu ông ta, nhưng đảng đã không làm điều đó mà lại xây lăng. Như vậy thì lời nói cuối cùng của ông, nguyện vọng cuối cùng của ông Hồ, đảng cũng không thèm đếm xỉa. Gần 40 năm nay ông Hồ vẫn nằm đó, không hề được chôn cất hay hỏa táng. Một nguyện vọng đơn giản nhất của con người sau khi chết (mà ai cũng có thể thỏa mãn được) đó là "mồ yên, mả đẹp", "sống mái nhà, chết nắm mồ"... thì với ông Hồ vẫn mãi không thành hiện thực. Chẳng lẽ đây là quả báo !

"Văn hóa đảng" là vậy, đảng đã không ngần ngại hy sinh cả thân xác của ông Hồ để phục vụ cho sự tồn tại của đảng. Nhiều người không lý giải nổi là vì sao đảng lại bỏ một số tiền khổng lồ như vậy cho cái xác của ông Hồ ? (Tiền trả cho các chuyên gia Nga, tiền bảo dưỡng và duy trì lăng, và cả một bộ tư lệnh bảo vệ lăng... lên đến vài ngàn tỉ đồng trong một năm, trong khi đất nước vẫn còn lâm than, nhiều trẻ em không thể đến trường học vì nhà nghèo). Thật ra điều đó cũng không có gì lạ. Việc đảng tồn tại mới là quan trọng còn "dân đen" thì sống chết mặc bay. Theo tôi, mục đích của việc xây lăng cho ông Hồ và cùng với đó là sự tuyên truyền nhằm thần thánh hóa ông ta, nâng ông lên làm ông thánh của dân tộc, thành tư tưởng Hồ Chí Minh... là để làm tấm bình phong che chở cho đảng. Lập luận của đảng cũng đơn giản thôi : "Đảng là do ông Hồ sinh ra, mà ông Hồ là ông thánh của Việt Nam (có công

giành được chính quyền từ tay Nhật-Pháp), cho nên bây giờ và mãi mãi về sau, dù đảng tốt hay xấu cũng cứ phải lãnh đạo đất nước. Đứa nào nói xấu đảng, chống lại đảng cũng tức là nói xấu ông Hồ và chống lại ông Hồ ? Kể đó là tội đồ của dân tộc, của đất nước !".

Một nét nữa cũng rất là mang đậm tính "văn hóa đảng" đó là có cái gì hay, tốt thì đảng vơ hết vào mình, cho đó là công lao của mình (cũng giống như việc giành được chính quyền hồi năm 1945), còn cái gì xấu xa, bất hạnh thì đổ cho "tàn dư của đế quốc" hoặc thiên tai bão lụt. Ví dụ khi người nông dân được mùa thì báo đài đảng không bao giờ quên nói thêm "nhờ sự quan tâm của các cấp ủy đảng, nhờ sự chỉ đạo kịp thời và sáng suốt của các cấp chính quyền...", nhưng nếu mất mùa thì lại đổ cho thiên tai, vì vậy ca dao Việt Nam hiện đại mới có câu :

Mất mùa là tại thiên tai

Được mùa là bởi thiên tài đảng ta...

Trong thời gian gần đây, đảng thấy rằng dân chúng ngày càng "kêu ca" dữ nên càng tranh thủ và lợi dụng sự tàn phá của thiên nhiên như hạn hán, lụt bão để "chạy tội". Nếu ai hay xem VTV4 hoặc ở Việt Nam đều thấy rằng khi có thiên tai (lụt, bão mà năm nào Việt Nam chẳng có) thì các báo đài đảng đưa tin rất nhanh, đầy đủ, tường tận, liên tục, không một mồi (thậm chí cường điệu)... sau đó là sự "thăm hỏi động viên" của các vị lãnh đạo đảng và nhà nước, và sau cùng là quyên góp và ủng hộ đồng bào, v.v. Riêng chuyện quyên góp và ủng hộ đồng bào khi bị thiên tai cũng có thể viết thành sách được. Gọi là ủng hộ cho vui chứ thực tế đảng cứ "đè" dân ra mà thu (nhất là đối với cán bộ, công nhân ăn lương nhà nước), đổ ai dám "không ủng hộ". Thật ra không phải dân mình "vô cảm" với đồng loại như vậy mà là họ không bao giờ tin rằng số tiền đó đến với người nghèo, đến với những địa chỉ cần đến (một niềm tin hoàn toàn có cơ sở). Thậm chí có người còn "đùa" rằng, mỗi khi có thiên tai, dân thì lo chứ đảng thì rất mừng !

Cũng để câu giờ, quanh co, mị dân nên đảng đã làm rất nhiều việc vô lý, lấy thúng úp voi, lấy thành công nhỏ che cho thất bại lớn. Việc đầu tư một cách thái quá (có chủ đích) vào những việc như đối với thể thao chẳng hạn khiến nhiều người phải lên tiếng. Đành rằng phát triển thể thao cũng là một việc quan trọng nhưng việc làm cho kinh tế phát triển, thu nhập người dân cao hơn, điều kiện sống ngày càng cải thiện hơn, để có thể so sánh với các nước trong khu vực và thế giới mới là quan trọng và cần thiết.

Bài báo "Từ cái ao nhỏ SEA Games" của tác giả Bùi Văn (Vietnamnet) đã nhận được sự đồng tình của rất nhiều bạn đọc trong và ngoài nước. Điều đáng để suy ngẫm trong bài báo này không phải là sự vô lý khi "ngành thể thao Philippines chỉ đầu tư 2 triệu USD để chuẩn bị SEA Games 23, còn ta thì chỉ riêng thể thao đã đầu tư 133 triệu USD để chuẩn bị SEA Games 22, một con số kỷ lục mà cả các nước giàu như Singapore hay Brunei cũng chẳng dám chi đến thế" mà là sự ưu tư của tác giả cũng như những người quan tâm đến vận mệnh của đất nước. "Nếu như trong bóng đá, chúng ta buồn vì chỉ đứng thứ hai, thì trong kinh tế, sao chúng ta không ray rứt vì mãi đứng gần cuối ? Tại

sao chúng ta nhiều Huy Chương Vàng đến thế, mà đến nay trong danh sách 200 công ty đứng đầu châu Á, vẫn chưa có một công ty Việt Nam ?", và giấc mơ của tác giả cũng là giấc mơ chung của cả dân tộc Việt Nam "Hãy mơ đến ngày mà chúng ta tự hào tuyên bố không cần viện trợ nữa, như Thái Lan đã tuyên bố cách đây mấy năm. Hãy mơ đến ngày chúng ta có những công ty hàng đầu thế giới, hay đại học hàng đầu thế giới...". Xin cảm ơn nhà báo Bùi Văn. Nhưng tôi tin rằng nếu ngày nào còn "Đảng Cộng Sản Việt Nam quang vinh và muôn năm" thì giấc mơ của anh, của tôi và bao nhiêu giấc mơ chân chính khác của người dân Việt Nam sẽ không bao giờ thành hiện thực.

Tôi cũng tin rằng cái "văn hóa đảng" vẫn sẽ còn gặm nhấm, bào mòn và tiêu diệt dần văn hóa truyền thống của người Việt Nam ta nếu cái "văn hóa" đó vẫn còn được "bảo kê" bởi một tổ chức phản dân chủ như Đảng Cộng Sản Việt Nam.

Nếu nói về "văn hóa đảng" để mà nói thì có nói hết cả ngày cũng không hết. Chỉ biết rằng một điều là nó đang cùng với các "bộ phận" khác của đảng "giết mòn, giết dần" dân trí người Việt ta. Xin mượn câu thơ cuối của tác giả Nhược Bằng để kết thúc cho bài viết này :

Giết nhau

nào phải bom bi

Giết bằng "mìn thổi"

suy vì giống nòi !

Việt Hoàng (Moskva)

Nguyệt san **THÔNG LUẬN**

Phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số
Giá bán tại châu Âu : 35 EUR/năm.

Đặt mua báo dài hạn hoặc góp ý, xin liên lạc :

Tại Pháp : Thông Luận, 7 allée Bouleau Carreau, 77600 Bussy Saint Georges. Ngân phiếu xin đề : *Vietnam Fraternité*.

Tại Đức : Nguyễn Thanh Lương, Habsburgerallee 104, 60385 Frankfurt am Main. Xin chuyển vào trương mục của ngân hàng Frankfurt Volksbank e G : *Thanh Luong Nguyen*, Kontonr: 0077708294 - Bankleitzahl: 50190000.

Tại Hòa Lan : Trần Bá Thành, Braamlanden 76, 7542 CJ Enschede. Xin chuyển vào trương mục : Giro nr. 6234112 của *Stichting mensenrechten voor VietNam* (Hội Bảo Trợ Nhân Quyền Việt Nam).

Tại Anh : Đoàn Xuân Kiên, 74 Swaffield Road, London SW18 3AE. Giá báo một năm là 25 £. Ngân phiếu xin đề : *Vietnamese Centre* (báo Thông Luận).

Tại Hoa Kỳ : Thông Luận, P.O.Box 51682, San Jose, CA 95151. Giá một năm báo là 45 USD. Ngân phiếu xin đề : *Nguyen Ngoc Oanh* (báo Thông Luận).

Tại Úc : Sơn Dương, 3/118 Rosmore Avenue, Punchbowl - NSW 2196. Giá báo một năm là 65 AUD. Ngân phiếu xin đề : *Thu S. Duong* (báo Thông Luận).

11. Xứ Tây Nam Bộ

hay

Vùng văn hóa đồng bằng sông Cửu Long

Le Văn Hào

Rời xứ Đông Nam Bộ đẹp tươi, ta hãy nhanh chóng vượt qua Hòn ngọc Viễn Đông một thuở, nay đang rất ồn ào, bụi bặm, kẹt xe, để đi về xứ Tây Nam Bộ xinh xắn, trù phú. Nhờ tiềm năng và năng lực của 11 tỉnh thành mang những cái tên rất đời thân quen và những đặc điểm văn hóa miệt vườn vô cùng hấp dẫn nên ngày nay ta có được một đồng bằng sông Cửu Long dài rộng nhất đất nước : 40.000 km² (so với 15.000 km² của đồng bằng châu thổ sông Hồng).



Kênh rạch đồng bằng sông Cửu Long

(68 tuổi), người đã sáng tạo giống dừa PB121 có cơm dày 1,5 cm và được mệnh danh "Ông Già Bến Tre trồng dừa được giải thưởng quốc tế". Bến Tre còn là quê hương của sân chim Vàm Hồ.

6. *Kiên Giang-Rạch Giá-Hà Tiên-Phước Quốc* trong tương lai có lẽ sẽ trở thành một trung tâm du lịch lớn của miền Nam và cả nước, với *Hà Tiên thập cảnh*

11 vùng văn hóa đặc sắc của xứ miệt vườn

1. *Đồng Tháp-Cao Lãnh-Sa Đéc* là một trong ba vùng của Đồng Tháp Mười, quê hương của các giống lúa nổi : lúa trời (lúa ma), lúa sạ (sạ khô, sạ ướt, sạ vãi, sạ tía, sạ ngâm) là những giống lúa gieo thẳng, kỷ niệm của thời khẩn hoang ; làng hoa kiểng Sa Đéc, một trong những trung tâm hoa kiểng của toàn miền Nam ; điểm du lịch lý tưởng cho những ai ước mơ được đến thăm Đồng Tháp Mười sen hồng sừng tím là Vườn Cò Tháp Mười, Tràm Chim Tam Nông nổi tiếng.

2. *An Giang-Long Xuyên-Châu Đốc* là nơi có chùa Tây An, khu du lịch Núi Sam từng bừng rộn rịp nhờ Miếu Bà Chúa Xứ, và lễ hội Miếu Bà có lẽ là lễ hội mùa xuân lớn nhất nước với hàng triệu lượt người tham dự, từ Tết Nguyên Đán đến giữa mùa hè. Còn Long Xuyên và Châu Đốc là hai nơi bán nhiều thứ mắm thơm ngon nhất nước.

3. *Tiền Giang-Mỹ Tho-Gò Công*, quê hương của chợ nổi Cái Bè, là nơi có di tích khảo cổ học thời Óc Eo, di tích lịch sử Rạch Gầm, Soài Mút thời Nguyễn Huệ và ngày nay có làng dê Song Thuận, trại rắn Đồng Tâm lớn nhất nước.

4. *Vĩnh Long* là vùng văn vật với Văn Thánh Miếu cổ kính, vùng đất nông nghiệp trù phú và đa dạng với những gạo ý đông, gạo móng chim, những nếp thơm, nếp sập, nếp đen và những điểm du lịch hấp dẫn ngay giữa sông Tiền : đảo An Bình, đảo Bình Hòa Phước...

5. *Bến Tre* là nơi có nhà cổ Đại Điền, đình cổ Phú Lễ và hát sặc bùa Ba Tri, nơi có Côn Ốc, Côn Qui, Côn Tiên thu hút nhiều du khách, và cả một *văn hóa dừa* với Bác Tám Thượng

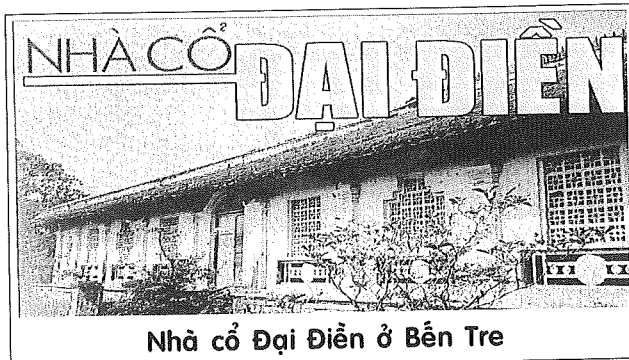
vang bóng một thời, với kỷ niệm tao đàn *Chiêu Anh Các* thắm tình hữu nghị Việt-Hoa thời khai khẩn vùng biển Nam. Vườn quốc gia Phước Quốc là nơi hấp dẫn các nhà vạn vật học.

7. *Cần Thơ* xứng đáng được vinh danh là Tây Đô của đồng bằng sông Cửu Long, với chợ nổi Phụng Hiệp rất sầm uất trên bến dưới thuyền, với bến Ninh Kiều tấp nập ngày đêm, vừa thoáng đãng vừa tình tứ... Bên cạnh đó có các trường đại học và trung tâm nghiên cứu nông nghiệp xuất sắc.

8-9. *Trà Vinh* và *Sóc Trăng* là hai trung tâm văn hóa và tôn giáo của đồng bào Khmer. Còn vườn cò Thanh Trì thì xứng đáng cạnh tranh với các tràm chim, sân chim, vườn chim khác của miền Tây Nam Bộ.

10. *Bạc Liêu* ngày nay không còn bóng dáng các công tử ăn chơi khét tiếng nhưng đồng bào Việt-Hoa-Khmer vẫn chí thú làm ăn trên một vùng bình nguyên phì nhiêu, chằng chịt sông rạch, kinh mương. Hấp dẫn du khách nhất vẫn là vườn chim Bạc Liêu vô cùng sống động.

11. Ở cực Nam xứ Tây Nam Bộ, vùng đất mũi *Cà Mau* với 300 km bãi biển và nhiều đảo biển thì ít chịu ảnh hưởng của sông nước Cửu Long, vì đây chủ yếu là xứ sở của biển và rừng, với rừng U Minh nổi tiếng là loại rừng tràm được sủ vẹt, thiên đàng của các loài chim : thiên nhiên còn ưu ái tặng cho Cà Mau một sân chim U Minh (sân chim Phong Ngạn), một vườn chim Đầm Roi và một vườn chim 19-5.



Nhà cổ Đại Điền ở Bến Tre

Từ tràm chim Tam Nông đến vườn quốc gia Tràm Chim của Đồng Tháp Mười

Hơn tất cả nơi khác trên đất nước, đồng bằng sông Cửu Long là một thánh địa của các loài chim. Hàng trăm loài từ chim bản địa đến chim di

trú, từ quen thuộc đến quý hiếm có mặt khắp nơi, nhưng chúng tập trung sinh hoạt ở những nơi đặc biệt gọi là *tràm chim, mảng chim, vườn chim* hay *sân chim*. Có đến 10 nơi như thế, chưa kể hàng chục vườn chim cỡ nhỏ của tư nhân. Riêng tràm chim Tam Nông thì nổi tiếng thế giới và đã trở thành *vườn quốc gia Tràm Chim* từ 1998.

Trên địa bàn Đồng Tháp, đây là vườn quốc gia ngập nước đầu tiên của Việt Nam, với tổng diện tích 7.600 ha, cũng là một trong những nơi sót lại cuối cùng của hệ sinh thái vùng lau sậy ngập nước.

Thảm thực vật của vườn quốc gia rất đa dạng, gồm : đồng cỏ năn ngập nước theo mùa, đầm sen sũng, vùng sinh lầy ngập nước và rừng tràm tái sinh. Trong số các quần xã cỏ dại, đáng chú ý là *quần xã lúa trời* (lúa ma) và đặc biệt là rừng kín lá rộng thường xanh và ngập nước theo mùa trên vùng đất phèn nuôi dưỡng 130 loài thực vật bậc cao.

Hệ động vật của vườn quốc gia có tới 198 loài chim, trong đó 16 loài đang bị đe dọa tuyệt chủng ở qui mô toàn cầu như *sếu đầu đỏ (sếu cổ trụi), ô tác*, cùng nhiều loài chim di trú khác. Các nhà vạn vật học còn phát hiện và thống kê được 195 loài thực vật nổi, 93 loài động vật nổi, 90 loài động vật đáy, 55 loài cá. Việt Nam đang có trách nhiệm bảo tồn hệ sinh thái rừng tràm ngập nước Đồng Tháp Mười và ưu tiên bảo vệ đàn sếu đầu đỏ, ô tác và một số loài chim di trú khác được ghi trong *Sách Đỏ* quốc tế.

Cho đến nay, vườn quốc gia Tràm Chim thường xuyên thu hút đông đảo nhà nhiếp ảnh và du khách đến chiêm ngưỡng hàng trăm con sếu đầu đỏ vui múa trong ánh hoàng hôn, một trong những cảnh tượng thiên nhiên kỳ diệu.

Một báu vật của nghệ thuật kiến trúc dân gian : nhà cổ Đại Điền ở Bến Tre

Ai từng đặt chân đến làng cổ Giồng Luông, nay là xã Đại Điền, huyện Thạnh Phú, Bến Tre, sẽ được thấy ngôi nhà đẹp đẽ và có lẽ cổ kính nhất miền Tây Nam Bộ : *nhà cổ Đại Điền*.

Theo giai thoại dân gian địa phương, kiệt tác kiến trúc này được xây dựng từ cuối thế kỷ 19 do các nghệ nhân bậc thầy từ ngoài Bắc, sau khi vào Huế góp phần xây dựng cung đình Phú Xuân, đã phiêu lưu vào Nam làm ăn và đã hợp tác với thợ giỏi địa



Diệu luân vũ của đàn sếu đầu đỏ (Vườn quốc gia Tràm Chim Đồng Tháp)

một ngôi đình.

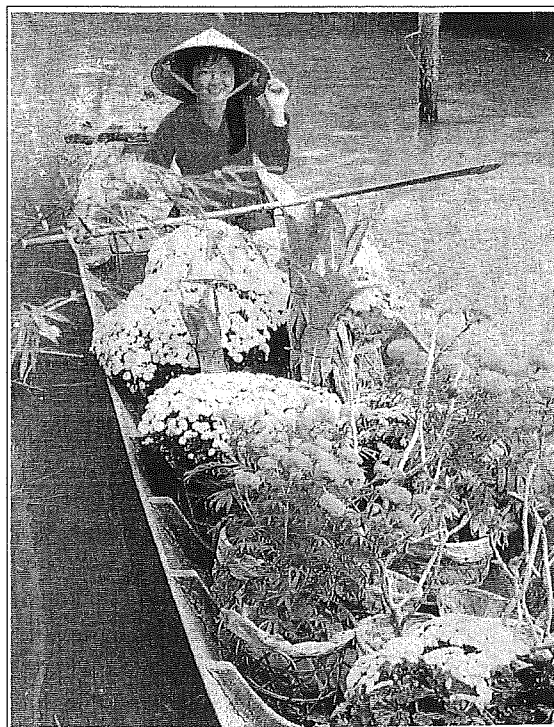
Mái nhà lợp ngói âm dương, mỗi viên có in hình cảnh sinh hoạt dân gian gần gũi như mục đồng cỡi trâu, bó lúa, con gà, con cua... Toàn thể ngôi nhà đặt trên một nền cao 1 m, được viên bọc bởi những thớt đá hoa cương. Chuyên viên bộ văn hóa và viện bảo tàng Bến Tre đã hoàn tất hồ sơ đề nghị nhà cổ Đại Điền là di tích văn hóa nghệ thuật cấp quốc gia.

Đồng bằng sông Cửu Long : cái nôi của Vọng Cổ và Cải Lương

Tiếp thu di sản âm nhạc cổ điển và âm nhạc cung đình ở Phú Xuân-Huế, các nghệ nhân đầu tiên của vùng đất mới đã sáng tạo nên hai dòng nhạc tế lễ và nhạc tài tử Nam Bộ gồm "*ba Nam, sáu Bắc, bảy Dài, bốn Oán*". Muốn cho hoàn thiện, phải thêm mười *bài Liên Hoàn* và tám *bài Ngự*.

Những bài bản mê ly ấy đã thâm nhập tâm hồn một nhạc sĩ thiên tài là Cao Văn Lầu (1892-1976), còn được gọi là Sáu Lầu hay Sáu Bạc Liêu. Sau một bi kịch tình cảm, ông đã sáng tác bài *Dạ Cổ Hoài Lang* (nghe tiếng trống đêm khuya nhớ chồng) là tiền thân của bài *Vọng Cổ*.

Hình như bi kịch cá nhân của Sáu Lầu đã gặp gỡ thảm kịch tập thể của người Việt mất nước (sau 1885 thất thủ kinh đô) và làm cho nhiều nghệ nhân hữu danh và khuyết danh đã tận lực khai thác chất trữ tình của *Dạ Cổ Hoài Lang*, từ nhịp nguyên sơ 2-4 phát triển thành nhịp 8, rồi nhịp 16 gắn liền tên tuổi của Năm Nghĩa ở Bạc Liêu, rồi nhịp 32 gắn liền với tài năng của nghệ sĩ Út Trà Ôn lỗi lạc để rồi *Dạ Cổ Hoài Lang* trở thành *Vọng Cổ*. Đó là điệu ca độc đáo, mẫu mực và nổi tiếng nhất trong ca nhạc thính phòng cũng như trong nghệ thuật cải



Nụ cười xuân điểm tô sông Sa Đéc

lương từ những năm 30 của thế kỷ trước. Vọng cổ là khúc nhạc tuyệt vời, có khả năng ứng dụng vào nhiều tình huống cảm thương khác nhau và có thời kỳ (những năm 1930-1960) đã chiếm địa vị độc tôn trên sân khấu cải lương nhờ tài năng kiệt xuất của những Nam Phi, Phùng Há, Bảy Nhiêu, Năm Châu, Út Trà Ôn, Út Bạch Lan... cho đến những tài năng trẻ khác trên sân khấu cải lương hôm nay.



Nhạc tài tử, một cội nguồn của sân khấu Cải Lương

Nói tóm lại, trên cơ sở nhạc tài tử, nhạc tế lễ và dân ca đồng bằng sông Cửu Long, khởi đầu từ lối *ca ra bộ* khiêm tốn, tài năng của các nghệ nhân nhiều thế hệ - từ nhiều địa phương đam mê nghệ thuật như Bạc Liêu, Trà Vinh qua Bến Tre, Mỹ Tho tới tận Sài Gòn - đã cung cấp cho kho tàng âm nhạc và sân khấu Việt Nam một khúc Vọng Cổ quý khốc thần sâu và một nghệ thuật Cải Lương đã làm rơi bao giọt lệ hay nở bao nụ cười trên gương mặt một dân tộc giàu tình cảm, lòng trắc ẩn và tình nhân đạo.

Hồ đối đáp trên sông nước Cửu Long phản ánh tâm lý và tính cách cô gái, chàng trai miệt vườn

Trong vòng chưa đầy 1/4 thế kỷ nỗ lực của các nhà văn, nhà folklor học, nhà văn hóa học Nam Bộ đã tập hợp cho chúng ta một di sản văn hóa dân gian đồ sộ.

Riêng trong lãnh vực dân ca Nam Bộ, chỉ trong vòng 15 năm gần đây, Lư Nhất Vũ, Lê Giang và cộng tác viên đã cung cấp cho ta hàng ngàn câu hò, hàng trăm bài lý trong một chục tập từ *Dân Ca Bến Tre* (1981) đến *Dân Ca Trà Vinh* (2005), và hai công trình tổng hợp sáng giá: *Hồ trong dân ca người Việt* (2004) và *Hát ru Việt Nam* (2005).

Khi nắm được khá đầy đủ nội dung hò hát vùng đồng bằng sông Cửu Long qua những công trình vừa kể, chúng ta thấy có hai khía cạnh đáng chú ý: sinh hoạt diễn xướng hò đối đáp



Hồ đối đáp trên sông nước đồng bằng sông Cửu Long

trên sông nước vừa là những cuộc gặp gỡ trữ tình đậm thắm, những trao đổi ân tình mặn nồng vừa là những dịp giải tỏa bản năng tính dục và khát vọng phồn thực có từ ngàn đời.

Thông thường cuộc hát hò khởi đầu bằng những lời ướm hỏi đầy thương cảm: *Hồ ơi, gió thổi hiu hiu, chín chiu ruột thắt/Nhìn qua bên bắc, nước mắt chảy bên đông/Hồ ơi, ai xui chi cho vợ vợ với*

chồng chồng/Biết đây với đó (mà) ông tơ hồng có se ?

Nghe chàng trai than vãn, cô gái cảm thấy cần an ủi và ban cho chàng một tia hy vọng: *Hồ ơi, câu giao ngôn chắc quá/Em sợ má em rầy/Câu tứ mã nan truy/Em sợ dì em giận/Để em về nhà thưa lại chừng ba má có đành/Thời loan phụng em sẽ với bạn lành bắt tay...*

Hồ đối đáp qua lại như vậy cho đến lúc "tình trong như đã..." thì có thể thốt với nhau những lời ân tình cảm động và đắt giá: *Hồ ơi... câu tôm ngủ gục anh tưởng anh vớt hột con tôm còng/Hóa ra anh vớt dặng, anh sắm cái kiềng vàng cho em đeo.*

Chừng đó cô gái tiếc chi mà không làm cho chàng trai cảm thấy một bước đầu gắn bó: *Hồ ơi, nhứt nhứt kết thân mà nhà cửa anh đâu em hồng biết/Nay gặp anh giữa đường em chỉ quyết thương anh...*

Đó là cung bậc ân tình. Còn sau đây là cung bậc bản năng tính dục, khát vọng phồn thực phát tiết giữa trời mây sóng nước. Sau vài câu hò giao duyên đối đáp thấy có vẻ trôi chảy, chàng trai bắt đầu mất kiên nhẫn nên từ lãng mạn đã chuyển qua hò hát hơi bạt mạng: *Em ơi, thấy em có cái gò má hồng hồng/Hồ ơi, phải chi em đừng mắc cỡ thì*

anh xin bông anh hun... và còn có những câu hò táo bạo hơn nữa...

Có lẽ trời cao đất rộng, sông ngòi chi chít ở vùng đất này đã tạo cho gái trai Nam Bộ năm xưa cái tâm lý cởi mở hào phóng, táo bạo, có say mê lao động nhưng cũng biết nghỉ ngơi thư giãn bằng hò hát giữa khung cảnh trời nước

chứa chan tình người.

Vùng đồng bằng sông Cửu Long là quê hương của truyện Ba Phi tuyệt tác

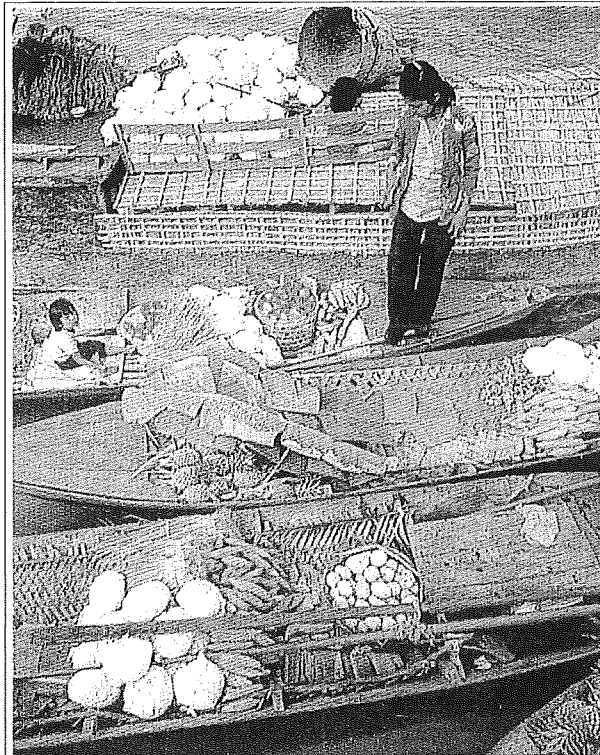
Sự xuất hiện của nhân vật lịch sử Ba Phi, tên thật là Nguyễn Long Phi (1890-1968) vào cuối thế kỷ 19 và của truyện Ba Phi vào những năm 30 của thế kỷ 20 là một bổ sung hoàn chỉnh cho diện mạo folklor của cả nước theo dòng chảy Bắc Nam.

Huyền thoại Ba Phi và giá trị truyện Ba Phi độc đáo như thế nào trong kho tàng văn hóa dân gian Việt Nam ?

Ở tuổi thanh niên Ba Phi đã cùng với đoàn người di cư từ miệt Đồng Tháp xuống phía Nam rồi cuối cùng định cư ở vùng Rạch Lùm-Kinh Ngang (nay là xã Khánh Hưng A, huyện Trần Văn Thời), tỉnh Cà Mau. Sau gần suốt cuộc đời ở chốn cùng trời cuối đất vùng cực Nam tổ quốc, Ba Phi đã có được những hiểu biết dồi dào và tường tận về thiên nhiên Tây Nam Bộ, từ đất đai, cảnh vật, sông rạch tới cây mắm, cây tràm, cây đước, từ chim trời tới ong mật, từ cá tôm, ốc ếch tới cá sấu, kỳ đà, nai, cạp, heo rừng. Ba Phi còn rành rẽ qui luật của từng loại cây, con vật, sự di chuyển theo mùa của từng loại cá, loại chim.

Với cái vốn sống thực tiễn vô cùng phong phú ấy và với tài nghệ đặc biệt của một nghệ nhân dân gian, Ba Phi đã sáng tạo hàng loạt truyện cười, truyện trạng có sức hấp dẫn kỳ lạ, đem tới cho người nghe những tràng cười vô cùng sảng khoái. Dần dần nhân vật xưng tôi trong truyện Ba Phi trở thành một hình tượng folklor hoành tráng nơi đó

có một chút gì của chàng Lía, Tarzan và Zorro cộng lại. Bởi vì Ba Phi xuất hiện trong truyện kể của mình như một nhân vật lao động giỏi, sống lạc quan yêu đời và bách chiến bách thắng trước mọi trở ngại của thiên nhiên và xã hội nơi đồng bằng sông Cửu Long, vừa là vùng trù phú "làm chơi ăn thiệt" mà cũng là nơi "xuống sông sấu bắt, lên rừng cạp tha", "muỗi kêu như sáo thổi, đũa

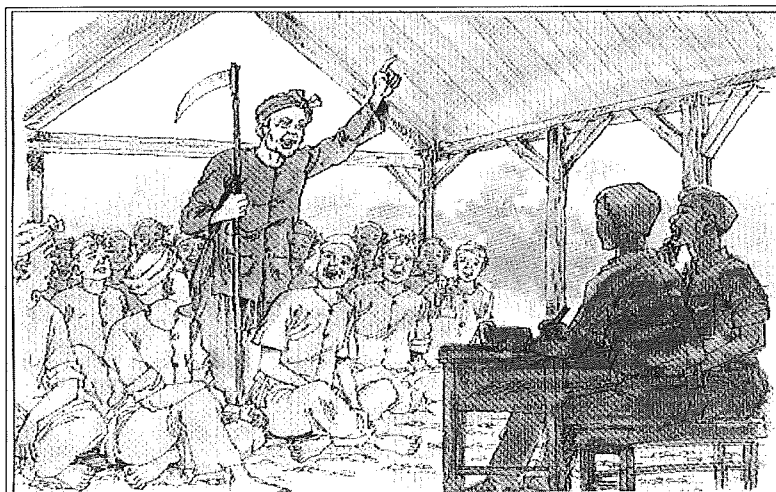


Chợ nổi trên sông

chó. Hai cái chùn trước của nó vô trũng giăng xay, cái giăng xay mà tui chế tạo đặc biệt. Con cạp bị kẹt chùn trong đó gỡ mãi không ra, cứ kéo tới kéo lui, kéo hoài. Cối gạo vừa đổ một loáng cạp đã xay hết. Bà nhà tui lại đem thúng lúa khác đổ vô cối cho cạp xay tiếp, cạp cứ phải xay hoài. Sau khi vợ tui bắt nó xay hết 25 giạ lúa, thấy nó có vẻ mệt mỏi tui bèn thương hại tới bên cối hù một tiếng : "Cạp !". Ông ba mươi thất kinh hồn vía, chạy thẳng vô rừng, từ đó không dám trở lại xóm tui quấy phá cuộc sống dân lành nữa".

Trong các tập tuyển văn hóa dân gian hay các tập kho tàng truyện cười, truyện trạng, bạn có thể đọc hàng loạt truyện như thế : câu ếch, câu cá sấu, gác kèo, tàu rùa, ăn trứng rồng, chó nhà săn heo rừng, v.v. và sẽ thấy tài trí tuyệt vời của Ba Phi mà nhân dân Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long đã kính cẩn gọi bằng "Bác" (ngay từ trước 1945). Bác Ba Phi đúng là mẫu người tượng trưng cho sức mạnh và trí tuệ của con người Việt Nam đi mở cõi, tiếp tục sự nghiệp dựng nước của ông cha thuở trước và không ngừng sáng tạo văn hóa dân gian dưới bầu trời Đông Nam Á.

Lê Văn Hảo (Paris)



Bác Ba Phi đang cao hứng kể truyện Ba Phi

TIẾNG CÔNG CHIÊNG TÂY NGUYÊN

Tây Nguyên là một lãnh thổ đa chủng với gần 30 sắc tộc sinh sống và giao lưu văn hóa mật thiết với nhau. Nhưng hiện diện lâu nhất, ít nhất từ thế kỷ đầu sau công nguyên, là người gốc Tây Nguyên (thường được gọi là người Thượng) với 19 sắc tộc khác nhau.

Mỗi sắc tộc Tây Nguyên có truyền thống văn hóa độc đáo, phong phú riêng và rất đa dạng, trong đó nghệ thuật công chiêng là tiêu biểu nhất, nó gắn liền với cuộc sống của từng người Tây Nguyên. Mỗi khi nghe tiếng công chiêng, không khí rộn rịp của những không gian lễ hội, không gian làm rẫy và không gian săn bắn của người Tây Nguyên hiện diện ra ngay trước mắt. Có thể nói tiếng công chiêng là ngôn ngữ giao tiếp giữa người và thần linh.

Công chiêng không những có giá trị về nghệ thuật âm nhạc mà còn có giá trị cao về vật chất, chúng biểu hiện cho sự giàu có của gia đình và dòng họ, công chiêng càng cổ xưa thì uy tín và quyền lực càng cao. Giá trị của mỗi công chiêng còn thể hiện qua cách sản xuất (độ dày mỏng, tỷ lệ pha chế đồng thau với các kim loại khác), cách chạm khắc trên mặt, hình dáng, v.v.

Công chiêng còn có một vị trí vô cùng quan trọng trong đời sống tâm linh của người Tây Nguyên. Tùy theo từng lễ nghi, tiếng công chiêng có những âm điệu khác nhau: nhẹ nhàng và vui tươi trong ngày cưới hỏi, chậm chạp và nặng nề khi báo tin vừa có người thân qua đời, dồn dập và hùng tráng trong lễ đâm trâu, tưng bừng và sôi động khi ăn mừng chiến thắng, đe dọa và mạnh bạo khi xua đuổi thú dữ về phá rẫy nương...

Về kỹ thuật, cách phối hợp âm thanh của dàn công chiêng cũng rất đặc biệt, đó là sự hội âm phức tạp nhưng hài hòa giữa các loại công lớn nhỏ khác nhau, gồm có công "cha", công "con" và công "cháu". Người sử dụng phải biết cách phát âm của từng loại công chiêng để hợp tấu đúng theo từng lễ hội. Mỗi dàn nhạc có từ ba đến vài chục công chiêng, tất cả đều sử dụng bằng nắm tay hoặc bằng một đôi cây nhỏ.

May mắn thay, chính sự độc đáo của nghệ thuật này mà ngày 25-11-2005, tổ chức văn hóa, khoa học và giáo dục UNESCO thuộc Liên Hiệp Quốc công nhận tiếng công chiêng Tây Nguyên của Việt Nam là một trong 43 "kiệt tác truyền khẩu và di sản phi vật thể của nhân loại" năm 2005.

Đây là niềm hãnh diện chung cho cả nước, và đặc biệt cho người Tây Nguyên, vì đã được chọn lọc trong 64 quốc

gia tham dự. Kể từ nay, tinh hoa của nghệ thuật âm thanh độc đáo của người Tây Nguyên được đi vào kho tàng văn hóa của nhân loại. Cũng nên biết đây là lần cuối cùng UNESCO chính thức công nhận những kiệt tác phi vật thể, trước đó 47 tác phẩm truyền khẩu và phi vật thể đã được công nhận trong các năm 2001 và 2003, trong đó có nhã nhạc cung đình Huế của Việt Nam.

Trong 5 ngày xét duyệt tại trụ sở UNESCO Paris, từ 20 đến 24-11-2005, ban giám khảo cùng các nhà nghiên cứu khoa học, âm nhạc, phóng viên báo chí quốc tế đã được dịp nghe lại những hợp tấu khúc hùng tráng và sống động phát ra từ những công chiêng do những nghệ nhân từ Việt Nam sang trình diễn.

Khác với của quốc gia khác tại Đông Nam Á (Indonesia, Malaysia, Thái Lan), công chiêng đã trở thành dụng cụ âm nhạc cung đình nên tiếp tục được truyền dạy từ thế hệ này sang thế hệ khác. Tại Việt Nam, vì đây là một nghệ thuật dân gian, thêm vào đó lại thuộc về những sắc tộc thiểu số, nên dễ có nguy cơ bị mai một dần với thời gian, vì ít được lưu ý tới. Nhưng kể từ đây, sau khi UNESCO công nhận, vấn đề của Việt Nam là có thật tâm bảo tồn và phát huy nghệ thuật âm nhạc độc đáo này hay không.

Môi trường của văn hóa công chiêng là các dịp lễ hội, việc phục hồi không gian văn hóa công chiêng

gắn liền với việc phục hồi các dịp lễ hội của người Tây Nguyên. Nhưng qua những diễn biến chính trị gần đây trên cao nguyên miền Trung, cộng đồng người Tây Nguyên đang bị theo dõi và kềm chế gắt gao, bảo tồn và phát huy văn hóa nghệ thuật này đòi hỏi sự tôn trọng thật sự văn hóa và con người Tây Nguyên.

Cho dù có thế nào, nghệ thuật dân gian này không thể bị mai một với thời gian. Tiếng công chiêng không phải là một công cụ phục vụ chính trị hay tôn giáo nào. Công chiêng là những dụng cụ âm nhạc, chức năng của chúng là phục vụ âm nhạc trong các dịp lễ hội truyền thống của người Tây Nguyên. Nhiệm vụ văn hóa của các chính quyền Việt Nam tương lai là giúp đào tạo nghệ nhân (Việt Nam và người Tây Nguyên) về các loại nhạc dân tộc cổ truyền, bảo tồn nghệ thuật công chiêng ngay tại mỗi buôn làng trên Tây Nguyên và nhất là giải thích cho dân chúng Việt Nam về danh dự được thế giới biết đến qua một sinh hoạt văn hóa độc đáo.

Dominique Nguyen (Paris)



Bộ công chiêng Tây Nguyên

Thơ

Chị em

Cho Sông Lô, em của chị

Nhận thư em viết từ hải ngoại
Nỗi nhớ thương đăm đăm quê nhà
Từng con chữ nhạt nhòa nước mắt
Thương em lưu lạc chốn trời xa

Chị em mình xa nửa vòng trái đất
Bình minh bên này bên ấy trời đêm
Em còn đếm bao vì sao sáng
Nhu đêm xưa bên chị em đêm

Đàn chim sẽ sà bay riu rít
Trời thu xanh ta nỡ nức đến trường
Chiếc ca lô trên đầu em đội lệch
Giống chú lính thổi kèn chuyện ngàn lẻ một đêm

Có những hôm trời mưa tầm tã
Chị em mình chung một áo tơi
Mẹ tắt tả đường làng ra đón
Nhớ mẹ xưa lòng chị ngậm ngùi

Gửi em chút nắng vàng ấm áp
Ngọn cỏ đùa theo gió liêu xiêu
Phương trời ấy tuyết rơi buồn xa xứ
Chị dầm sâu chút kỷ niệm cuối chiều

Lê Thị Thanh Vân

Đèn xanh đèn đỏ

Tôi đi qua ngã tư
Đèn xanh đèn đỏ
Mỗi ngày năm sáu lần như thế
Đâu có thấy gì ngoài đèn đỏ đèn xanh

Bỗng một hôm ngồi ngó lại lòng mình
Thấy có lúc cũng đèn xanh đèn đỏ
Này nhé những tình yêu không dám tỏ
Vì chờ hoài không thấy... đèn xanh
Đâu khi bóng người đâu đó quẩn quanh
Không tới được vì đang... đèn đỏ
Rồi tiếc nuối những gì đã lỡ
Bởi chùn chân khi thoáng thấy đèn vàng

Ngày lại ngày
Năm tháng thênh thang
Tôi vẫn sống, vẫn ăn và vẫn thờ
Tôi lại đi qua những ngã tư đèn xanh đèn đỏ
Nhấp nháy dễ thương như tín hiệu cuộc đời
Cảm ơn nhiều đèn đỏ của lòng tôi
Đã giữ lại những gì nên giữ lại

Ngô Thị Mỹ Trang

THỦ ĐỘC GIẢ

Tự quyết ?

[...] Trở lại vấn đề các tổ chức Khmer Krom hiện nay, nếu được quan sát kỹ hơn về sự thành công trên chính trường thế giới của tổ chức Khmer Kampuchea Krom Federation (KKF) thì ông (Nguyễn Văn Huy) sẽ thu hồi lại sự khẳng định của ông là tổ chức KKF chủ trương đòi lại chủ quyền tại miền Nam Việt Nam. Thực ra nguyện vọng và mục đích của tổ chức KKF, hoặc là Liên Minh Khmer Kampuchea Krom, không bao giờ chủ trương đòi lại chủ quyền của người Khmer Krom trên lãnh thổ miền Nam Việt Nam. Vấn đề phục hồi lại lãnh thổ cũng không phải là mục đích chính của tổ chức này. Lẽ dĩ nhiên chủ trương của họ là đấu tranh bất bạo động để đòi lại nhân quyền của người Khmer Krom được tôn trọng. Nguyện vọng trên hết của họ là đạt được quyền dân tộc tự quyết ở trong nước Việt Nam theo sự quy định của Hiến Chương Liên Hiệp Quốc. [...]

Còn vấn đề các cộng đồng miền Nam, trong bài viết ông đã khẳng định rằng : người Khmer Krom chỉ có mặt ở miền Nam sau khi có sự hiện diện của người Việt Nam và người Hoa. Điều này thực ra đã tạo nên một sự mâu thuẫn với tài liệu lịch sử Việt Nam đã được truyền bá xưa và nay. Đó là công trình Nam Tiến của người Việt Nam để chiếm đóng vùng đất miền Trung của người Chiêm Thành và vùng đồng bằng sông Cửu Long miền Nam của người Khmer. Những người bản xứ này đã có mặt ở những nơi ấy từ cả ngàn năm trước khi có người Việt Nam đặt chân đến. Di tích lịch sử để lại đã chứng minh điều đó. Người Khmer Krom là sự tồn tại của Vương Quốc Phù Nam (Kingdom of Funan) từ trước thế kỷ Thứ Nhất đến cuối thế kỷ Thứ Năm rồi đến Vương Quốc Chân Lạp (Kingdom of Chenla) từ đầu thế kỷ Thứ Sáu đến cuối thế kỷ Thứ Chín và sau cùng trở thành Đế Quốc Khmer (Khmer Empire) từ đầu thế kỷ Thứ Mười cho đến ngày hôm nay. [...]

Kim Hoài Xuân (Pennsylvania, Hoa Kỳ)

Những nhận định lịch sử, như đế quốc Khmer là sự nối tiếp hay đã tiêu diệt vương quốc Phù Nam còn là những vấn đề để thảo luận. Điều quan trọng là lá thư này làm sáng tỏ luôn lập trường của KKF. Khái niệm "tự quyết" vẫn thường được dùng cho những quốc gia có chủ quyền. Nếu đó là lập trường của KKF thì sẽ dẫn đến bế tắc. Hiện nay đã có một quốc gia Cambodge cho người Khmer và một quốc gia Việt Nam cho người Việt. Biên giới giữa hai nước đã được qui định từ hơn hai thế kỷ qua và rất ổn định.

Chúng tôi hiểu qua thư này nguyện vọng của KKF là những người Việt gốc Khmer phải được tạo điều kiện để sinh hoạt như một trong những cộng đồng sắc tộc Việt Nam, bên cạnh nhiều sắc tộc khác, với văn hóa và truyền thống của mình, và được tôn trọng như một cộng đồng có bản thể riêng. Điều này rất phù hợp với lập trường của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên.

Nguyễn Văn Huy

DÂN SỐ THẾ GIỚI : 6,5 tỷ người

Ngày 19-12-2005 được Liên Hiệp Quốc chọn là ngày đánh dấu dân số thế giới đạt tới con số 6,5 tỷ người. Đây là ngày mà những chuyên gia về dân số đã tính cách đây... 50 năm. Cũng theo cách tính của những chuyên gia này, dân số thế giới vào năm 2050 sẽ hơn 15 tỷ người.

Lý thuyết về dân số của Robert Malthus (1766-1834) có từ cuối thế kỷ 18 ngày nay không còn hiệu quả. Dân số vẫn tiếp tục tăng theo cấp số nhân, nhưng tài nguyên của thế giới, đặc biệt là lương thực, vẫn tăng theo cùng nhịp độ chứ không theo cấp số cộng. Lý do là nhờ những tiến bộ

về y học và khoa học kỹ thuật, con người đã tìm ra được các giống lúa mới có năng suất cao và những loại thuốc chích ngừa mới chống lại một số dịch bệnh nguy hiểm. Tuổi thọ trung bình tại các quốc gia phương Tây đã được kéo dài từ 47 tuổi hồi đầu thế kỷ 20 lên 79 tuổi vào cuối thế kỷ, và sẽ đạt tới mức 85 tuổi vào năm 2010. Tuổi thọ trung bình tại những quốc gia chưa phát triển cũng tăng theo cùng nhịp độ : từ 30 tuổi năm 1950 lên hơn 60 tuổi hiện nay. Sống lâu là ước vọng chung của loài người nhưng số người già trong tương lai là một gánh nặng khác.

Thật ra dân số thế giới chỉ bắt đầu tăng nhanh từ sau thế chiến II, khi đe dọa chiến tranh không còn và các nguồn dịch bệnh bị vô hiệu hóa. Chỉ trong vòng 55 năm, dân số thế giới đã tăng thêm 4 tỷ người (từ 2,5 tỷ người năm 1950 lên 3,7 tỷ người năm 1970, rồi từ 5,6 tỷ người năm 1994 lên 6 tỷ người năm 1999). Sự gia tăng này được giải thích bởi lý do mỗi năm thế giới có thêm 89 triệu người mới, tăng 1,6%/năm (mỗi năm có 140 triệu trẻ em được sinh ra nhưng chỉ 51 triệu người qua đời). Lục địa có dân số đông nhất là châu Á với hơn 4 tỷ dân, cứ 100 trẻ em được sinh ra thì 57 là tại châu Á, 26 tại châu Phi, 9 tại châu Mỹ La-Tinh, 5 tại châu Âu, 3 tại Bắc Mỹ và 1 tại châu Úc.

Gần đây, theo những ước tính mới, dân số thế giới có khuynh hướng giảm chứ không tăng như cách tính cũ : năm 2075 dân số thế giới sẽ dừng lại ở mức 9 tỷ người thay vì trên 20 tỷ hay hơn nữa. Lý do là giới phụ nữ lập gia đình chậm hơn và không sinh đẻ nhiều như trước. Tỷ lệ sinh con trung bình hiện nay nơi người phụ nữ là 2,1 con, trong đó tỷ lệ sinh sản tại châu Âu hiện nay thấp nhất với 1,5 con/phụ nữ, tại châu Úc là 2,4 ; tại châu Mỹ : 2,5 ; tại châu Á : 2,5, tại châu Phi : 5,2. Sự khác biệt về số con nơi người phụ nữ do trình độ văn hóa và mức sống, càng có văn hóa cao và càng có vai trò trong xã hội thì người phụ nữ càng có ít con.

Ngược lại, tại các quốc gia chậm tiến, do kém văn hóa và chỉ đảm nhiệm những vai trò phụ thuộc, người phụ nữ chỉ là một công cụ làm việc trong gia đình và một phương tiện để giải quyết sinh lý của phái nam. Hiện nay tỷ lệ sinh con nhiều nhất là tại châu Phi da đen với tỷ lệ sinh sản trung bình là 6,1 con/phụ nữ (Đông Phi : 5,6, Trung Phi :

6,4 và Tây Phi : 5,8). Trong thế kỷ 21 này, nếu không có một biện pháp mầu nhiệm nào, châu Phi da đen có lẽ sẽ là lục địa đông dân nhất và cũng sẽ là lục địa nghèo khó nhất với tất cả những vấn đề liên quan : chiến tranh, đói kém, bệnh tật, v.v.

BẮC TRIỀU TIÊN chư hầu hay thuộc địa ?

Đối với Bắc Kinh, việc Bắc Triều Tiên bị thế giới cô lập đã là một cơ may lớn cho Trung Quốc, một cường quốc kinh tế mới đang khao khát tài nguyên thiên nhiên.

Nhìn lại năm 2005, quan hệ giữa hai nước trở nên thắm thiết

như chưa từng có. Những trao đổi ở cấp chính quyền và thương mại gia tăng một cách bất thường. Bắc Kinh gửi nhiều phái đoàn qua Bắc Triều Tiên điều nghiên để đầu tư khai thác các quặng mỏ quý hiếm, bù lại Bình Nhưỡng nhận sự giúp đỡ về đủ mọi mặt, từ năng lượng (điện), hệ thống giao thông (đường bộ, đường sắt), đến lương thực, thực phẩm, áo quần và hàng hóa tiêu dùng từ Trung Quốc.

Trong năm 2005, ba công ty Trung Quốc được quyền khai thác mỏ sắt Mộ Sơn, tỉnh Cẩm Cảnh (gần biên giới Trung Quốc), có trữ lượng lớn nhất của Bắc Triều Tiên với 3 tỷ tấn, trong vòng 50 năm, mỗi năm 10 triệu tấn chuyển về Trung Quốc. Nhiều công ty khác đầu tư khác khai thác các loại quặng mỏ quý hiếm khác (tungstene, molipden, talium, đồng, vàng, bạc, magnesite, uran, chì và kẽm) ở khắp nơi trên lãnh thổ Bắc Triều Tiên. Đối lại Trung Quốc giúp Bắc Triều Tiên xây dựng và tân trang lại các hệ thống giao thông (đường sắt và đường bộ) quá cũ kỹ từ nơi khai thác đến biên giới hai nước để dễ dàng hóa sự vận chuyển nguyên liệu về Trung Quốc và chuyên chở hàng hóa sang Bắc Triều Tiên. Một số công ty dịch vụ thương mại của Trung Quốc còn làm chủ cả hệ thống phân phối hàng hóa cho người Triều Tiên ngay trong các thành phố lớn, đặc biệt là tại Bình Nhưỡng.

Về năng lượng, Bắc Triều Tiên nhượng cho Trung Quốc quyền khai thác các mỏ than, đặc biệt là mỏ than không khói (smokeless) Long Đăng có trữ lượng lớn nhất nước, mỗi tháng sản xuất một triệu tấn để chở về Trung Quốc. Bù lại Trung Quốc nhận xây dựng nhà máy phát điện trên cảng Nguyên Sơn (đối diện với Nhật Bản). Ngoài ra Bắc Triều Tiên còn nhượng cho Trung Quốc quyền dò tìm và khai thác dầu khí trong lãnh hải hai bên bán đảo và quyền khai thác một số hải cảng, đặc biệt là quân cảng La Tân.

Nhìn quan hệ giữa hai nước, đây không phải là quan hệ bình thường của một chư hầu đối với thiên quốc, mà là quan hệ giữa một thuộc địa đối với mẫu quốc. Gần như các nguồn tài nguyên thiên nhiên quý hiếm của Bắc Triều Tiên đều do các công ty Trung Quốc khai thác, thời gian trung bình là 50 năm ; hệ thống giao thông trên bán đảo Bắc Triều Tiên cũng do Trung Quốc làm chủ, từ đường bộ,



đường sắt đến các hải cảng và phi trường. Bù lại Bắc Triều Tiên được Trung Quốc giúp đỡ lương thực, thực phẩm và hàng hóa tiêu dùng, nghĩa là được nuôi ăn nuôi mặc để cung cấp tài sản cho mẫu quốc. Sự lệ thuộc này là sợi dây thông lọng buộc vào cổ Bắc Triều Tiên, Bắc Kinh có thể xiết bất cứ lúc nào nếu Bình Nhưỡng không nghe lời.

Người ta lo sợ là trong tương lai Bắc Triều Tiên biến thành một tỉnh mới của Trung Quốc, như Tây Tạng, một khi nguồn tài nguyên thiên nhiên của Bắc Triều Tiên trở thành quá quan trọng để Trung Quốc có thể bỏ qua.

IRAQ vững tiến về dân chủ

Hoa Kỳ đã làm nhiều sai lầm tại Iraq, thí dụ như giải tán toàn bộ quân đội của Saddam Hussein và để xảy ra những vụ hành hạ thô bỉ trong trại tù Abu Ghraib, v.v. và cũng gặp nhiều chống đối ngay từ các đồng minh truyền thống. Tuy nhiên Hoa Kỳ quá mạnh và có thể thành công trong những trường hợp mà một cường quốc khác chắc chắn phải thất bại.

Cuộc bầu cử quốc hội ngày 15-12-2005 đã là một bước tiến quyết định về dân chủ và ổn vững. Tỷ lệ tham gia của cử tri đã trên 70%. Điều đặc biệt là loạn quân đã không gây được một vụ khủng bố đáng kể nào. Lực lượng an ninh Iraq và đồng minh lần đầu tiên đã chứng tỏ họ có thể kiểm soát được tình thế khi cần. Một thắng lợi lớn khác của chính quyền Iraq là họ đã thuyết phục được thiểu số Sunni (khoảng 25% dân số Iraq và là môi trường bất mãn nuôi dưỡng loạn quân vì mất những đặc quyền đặc lợi dưới chế độ Saddam Hussein trước đây) tham gia cuộc bầu cử. Nếu người Sunni chấp nhận tham gia sinh hoạt chính trị hợp pháp, dù là để đối lập với chính quyền do đa số người Shia lãnh đạo, thì quân khủng bố cũng hết đất sống. Chính vì thế mà trước ngày bầu cử các cuộc khủng bố đã chủ yếu nhắm vào các lãnh tụ Sunni chủ trương sinh hoạt chính trị trong vòng luật pháp.

Tình hình sẽ ngày càng khả quan hơn cho chính quyền Iraq và Mỹ bởi vì thời gian có lợi cho họ. Điểm yếu nhất của Mỹ và chính quyền Iraq mới là không hiểu tình thế. Nhưng thời gian càng trôi qua thì tình báo Mỹ và chính quyền Iraq càng nắm vững tình hình hơn và loạn quân càng bị lộ diện. Mặt khác, các lực lượng an ninh Iraq ngày càng thiện chiến sau một thời gian bỡ ngỡ vì mới được thành lập. Tướng George Casey, tư lệnh lực lượng Mỹ tại Iraq, cho biết vào cuối năm 2005 đã có một sư đoàn, bốn lữ đoàn và 33 tiểu đoàn độc lập được coi như có khả năng chiến đấu tạm đủ.

Sinh hoạt tại Iraq cũng đang dần dần trở lại bình thường, trên nhiều mặt đã có tiến bộ đáng kể so với thời gian trước khi Hoa Kỳ và đồng minh tấn công đánh đổ chế độ Saddam Hussein. Thí dụ : GDP (tổng sản lượng nội địa) đã tăng gần 50%, từ 20,5 tỷ USD lên 29,3 tỷ USD ; sản xuất điện gần được phục hồi (3.700 mW so với 3.900 mW) ; số lượng xe hơi tăng gấp đôi từ 1,5 triệu lên 3 triệu chiếc, trong khi tỷ lệ lạm phát giảm gần một nửa (từ 36% xuống

còn 20%). Riêng số lượng người sử dụng điện thoại tăng lên một cách ngoạn mục : đã có gần 5 triệu người Iraq sử dụng điện thoại so với một triệu trước đây.

Uy tín của tổng thống Bush đang sút giảm mạnh đã lên trở lại sau cuộc bầu cử thành công ngày 25-12 vừa qua. Tổng thống Bush quả quyết rằng Hoa Kỳ sẽ thắng và hơn nữa đang thắng. Thắng có nghĩa là Hoa Kỳ sẽ xây dựng được một quốc gia dân chủ tại Iraq. Có nhiều triển vọng là ông có lý và sẽ thay đổi hẳn bộ mặt của Trung Đông. Một nước Iraq dân chủ chắc chắn sẽ là một nước rất giàu mạnh vì Iraq là quốc gia được thiên nhiên đãi ngộ nhất, có khối lượng dầu dự trữ cao nhất nhì trong vùng và có cả một tài nguyên rất quý hiếm tại Trung Đông là nước với hai con sông lớn Tigre và Euphrate. Một Iraq sẽ có tác dụng lôi kéo các nước Trung Đông khác về dân chủ, như Nhật đã là một mẫu mực cho châu Á.

Một cách nghịch lý, Bush thường đã bị đánh giá là một tổng thống thiếu hiểu biết về thế giới, nhưng ông là vị tổng thống Mỹ đầu tiên lên cầm quyền với một chiến lược toàn cầu rất quả quyết.

PALESTINE sự ra đời khó khăn của một quốc gia

Chỉ còn vài ngày nữa là đến ngày bầu cử nghị viện đầu tiên sau Arafat. Cuộc bầu cử ngày 25-1-2006 sắp tới có diễn ra được hay không còn là một giả thuyết. Biến cố lớn nhất là tổ chức khủng bố Hamas quyết định tham gia cuộc bầu cử này và có nhiều hy vọng thắng lớn tại dải Gaza, một trong hai mảnh đất của Palestine.

Việc Hamas tham gia một cuộc bầu cử hợp pháp đáng lẽ phải là một điều đáng mừng, nhưng vấn đề là Hamas tuyên bố không thay đổi đường lối và không từ bỏ một mục tiêu nào của mình cả, trong khi từ trước đến nay mục tiêu công khai của Hamas vẫn là tiêu diệt quốc gia Do Thái bằng bạo lực. Dĩ nhiên Do Thái không thể chấp nhận một nhà nước Palestine do Hamas lãnh đạo. Phản ứng đầu tiên của Do Thái là cấm vận động bầu cử phần phía Đông Jerusalem mà Do Thái chiếm đóng từ 1967 nhưng vẫn được coi là thuộc Palestine vì đại bộ phận dân cư là người Palestine. Do Thái cũng chưa quyết định có cho phép tổ chức bầu cử ở Đông Palestine hay không, và nếu không có bầu cử ở đây thì cuộc bầu cử ngày 25-1-2006 sẽ mất ý nghĩa.

Điều nhức nhối là khả năng thắng cử của tổ chức Hamas. Mặc dù không có hy vọng nào đánh bại và tiêu diệt được Do Thái, một phần quan trọng người Palestine vẫn ủng hộ tổ chức khủng bố chủ chiến Hamas thay vì tổ chức Fatah của chủ tịch Mahmoud Abbas. Trong tuần qua tổ chức Hamas đã gây nhiều vụ bạo động tại dải Gaza, kể cả chiếm đóng trụ sở của cảnh sát. Do Thái có vẻ muốn sống chung hòa bình với một nhà nước Palestine do Mahmoud Abbas lãnh đạo, nhưng người Palestine lại không tỏ ra hết lòng ủng hộ ông này. Uy tín thực sự của Mahmoud Abbas đang là dấu hỏi lớn.

NGA - UKRAINE làm áp lực bằng khí đốt

Ngày 2-1-2006, công ty khí đốt quốc doanh Gazprom của Nga chính thức khóa các ống dẫn khí đốt vào Ukraine sau những cuộc hiệp thương bất thành về giá cả từ cuối năm 2005. Gazprom hiện nay sở hữu 1/4 khối lượng khí đốt trên toàn cầu. Mỗi năm Gazprom sản xuất 545 tỷ m³ khí đốt, 2/3 được xuất khẩu sang các quốc gia khác.

Cuối năm 2005 Gazprom cho biết sẽ tăng giá bán khí đốt cho Ukraine, từ 50 USD lên 250 USD cho 1.000 m³ (gần 450%) và giá này có hiệu lực từ ngày 1-1-2006. Tổng thống Vladimir Putin giải thích rằng Ukraine đã nhận rất nhiều tiền từ Liên Hiệp Châu Âu, do đó không có lý do gì để được Nga tài trợ thêm nữa vì có đủ khả năng trả giá khí đốt đúng theo thị trường. Tổng thống Viktor Yushchenko tuyên bố Ukraine không đủ khả năng trả theo giá mới này và muốn thương lượng thêm để tìm ra một giá hợp lý. Dự luận quốc tế cho đây là hình phạt kinh tế dành cho một đồng minh chiến lược đã quay mặt lại với Nga, sau cuộc cách mạng màu da cam cuối năm 2004 đưa Victor Yushchenko lên cầm quyền. Việc cắt nguồn khí đốt này ảnh hưởng mạnh tới sinh hoạt của người Ukraine vốn đã khó khăn. Ukraine dọa sẽ không cho Nga mượn đất Ukraine để đưa khí đốt vào Trung Âu nếu không tìm ra được một thỏa thuận chung.

Hiện nay Nga đang dùng khí đốt làm vũ khí chiến lược để thưởng phạt mức độ trung thành của những quốc gia Đông Âu cũ. Giá bán khí đốt cho Belarus là 47 USD, 110 USD cho Armenia và Azerbaidjan. Riêng ba quốc gia trong vùng Baltic là Estonia, Latvia và Lithuania, hoàn toàn lệ thuộc vào sự cung cấp khí đốt của Nga, được hưởng giá đặc biệt là 120 USD vì vẫn còn giữ những quan hệ thương mại mật thiết với Nga.

Việc khóa các ống dẫn khí đốt vào Ukraine khiến các quốc gia Tây Âu duyệt lại chính sách nhập khẩu khí đốt của mình. Hiện nay 1/4 khí đốt của Tây Âu được nhập từ Nga, trong đó Phần Lan và ba nước Estonia, Latvia và Lithuania lệ thuộc hoàn toàn 100% vào khí đốt của Nga. Hệ thống dẫn khí đốt vào Liên Hiệp Châu Âu qua ba hướng : một từ Ukraine vào Trung và Nam Âu, một từ Belarus vào Ba Lan, Đức và Pháp, và một từ biển Baltic chở bằng tàu sang các nước khác.

SÓNG THẦN TSUNAMI, một năm sau

Trong một vài phút, đợt sóng thần ngày 26-1-2004 đã cuốn đi nhiều thị trấn tại Đông Nam Á, làm thiệt mạng trên 230.000 người và đẩy hàng chục triệu người vào cảnh không nhà.

Phản ứng của thế giới là sững sờ, kinh ngạc. Sau đó là đợt liên đới chưa từng có trong lịch sử thế giới. Hầu như mọi quốc gia, kể cả những quốc gia rất nghèo cũng đóng góp vào việc cứu trợ. Cảm động nhất là những con người

rất bình thường, ở những nơi rất xa cũng nhiệt tình đóng góp. Số tiền đóng góp tự nguyện từ những cá nhân đã lên tới con số 5 tỷ USD, gần bằng tổng số tiền của mọi quốc gia và Ngân Hàng Thế Giới (6 tỷ USD). Chưa bao giờ sự liên đới giữa những con người được thể hiện ở mức độ cao như thế. Sự hưởng ứng quá tốt đẹp, vượt mọi hy vọng cao nhất đã tạo ra tại chỗ một cảnh hỗn loạn, hơn 500 tổ chức từ thiện ngoài ONG (phi chính phủ) đã đổ xô đến cứu. Trong nhiều trường hợp, một tổ chức đến làm công tác cứu trợ thì đã thấy nhiều tổ chức khác đã làm việc mình định làm rồi.

Tai họa sóng thần này, bên cạnh những tai họa và tang tóc kinh khủng của nó, cũng đã có tác dụng nhắc nhở con người về sự mỏng manh của cuộc sống trên trái đất này và nhu cầu phải nương tựa và thương yêu nhau thay vì khống chế và đàn áp lẫn nhau.

Tuy nhiên bên cạnh niềm tự hào, sự liên đới và tình người được thể hiện một cách đẹp đẽ đó, người ta còn phải buồn mà nhìn nhận rằng những con người vẫn chưa bình đẳng. Sờ dĩ đợt sóng thần này đã gây xúc động lớn phần nào là vì nó đã tàn phá những thị trấn du lịch và nhiều nạn nhân là công dân của những nước giàu.

Gần đây một trận động đất lớn, với sức tàn phá ghê gớm đã xảy ra tại Kashmir (Pakistan) với số nạn nhân cũng gần bằng đợt sóng thần năm trước nhưng sự liên đới đã kém hẳn bởi vì Kashmir ít được biết tới và đa số nạn nhân là những người châu Á nghèo khổ, đang bị những thành phần Hồi giáo quá khích khống chế.

HÀ NỘI - SÀI GÒN bị ô nhiễm nặng

Trong những ngày đầu năm 2006, dân chúng Hà Nội tiếp tục khốn khổ với mùi hôi thối nồng nặc bốc lên từ các sông hồ trong thành phố. Nước trên các sông Tô Lịch, Sét, Lừ và Kim Ngưu trở nên đen kịt, rác đủ loại, đồ dơ và bọt bèo nổi trôi lênh bênh trên mặt nước, kể cả xác súc vật và cá. Tình trạng hồ Bảy Mẫu cũng không khá gì hơn, nước trên mặt hồ cũng trở màu đen và bốc mùi nồng nặc. Trong công viên quanh hồ, những người tập thể dục buổi sáng đã phải mang khẩu trang để tập vì không chịu nổi mùi hôi bốc lên từ hồ.

Bây giờ đang là mùa khô, lượng nước mưa đã không đủ để pha loãng các loại nước thải được xả thẳng xuống sông và hồ. Cũng nên biết mỗi ngày tổng lượng nước thải trong khu vực nội thành Hà Nội lên tới 500.000 m³, trong đó 1/5 được thải từ các bệnh viện, cơ sở sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, do đó rất độc hại cho sức khỏe con người. Hiện nay, thành phố Hà Nội chỉ đủ khả năng thanh lọc 6% lượng nước thải công nghiệp và gia dụng, khoảng 30.000 m³/ngày. Nhiều nhà máy xử lý nước rất tối tân đã được xây dựng từ hơn một năm qua nhưng không có nước thải để xử lý vì... quên xây dựng đường ống dẫn nước thải vào nhà máy. Theo dự trù, đến năm 2020 tổng lượng nước thải sinh hoạt sẽ lên đến 700.000 m³/ngày nhưng chỉ khoảng 1/4 được xử lý mà thôi.

Hệ thống thải nước bẩn trong thành phố Hà Nội đã có từ thời Pháp thuộc, lúc đó được dự trù cho một dân số nhỏ, trên 300.000 dân. Với thời gian, dân số và nhà cửa trong nội thành Hà Nội tăng lên dần nhưng hệ thống thoát nước vẫn y như cũ. Đến nay dân số Hà Nội đã lên gần ba triệu người, hệ thống nước thải trong thành phố chỉ mới được lưu ý trong những năm gần đây vì mùi hôi thối từ các sông hồ bốc lên vào mùa khô gây khó chịu cho mọi người.

Tại Sài Gòn, hệ thống xử lý nước thải tuy có nhiều hơn Hà Nội nhưng chỉ phục vụ hữu hiệu trong những trung tâm lớn của thành phố., như các quận 1, 3 và 5. Tại các quận khác, đặc biệt là trong các khu dân cư lao động, do thiếu ý thức vệ sinh, dân chúng và các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghệ vẫn có khuynh hướng đổ bừa nước thải xuống các kênh rạch và sông ngòi gần đó.

Để tránh bị phạt, người ta thường bỏ rác vào các bao ny lông rồi cột chặt lại quăng chìm xuống sông, khi nước thủy triều rút xuống xác những bao rác phơi lênh bênh hai bên bờ và bốc lên mùi sinh thối khó chịu. Vì không đủ nước vệ sinh, có nơi trẻ em và phụ nữ đã phải tắm rửa và giặt giũ ngay trên những đống rác đó.

Vấn đề xử lý nước thải hiện nay tại Việt Nam đang rất trầm trọng, nếu chính quyền cộng sản không đầu tư nhiều hơn nữa để giải quyết vấn nạn này thì những nhà đầu tư nước ngoài sẽ không háng hái tìm đến Việt Nam, vì đối với họ sức khỏe có giá trị cao hơn lợi nhuận.

NÔNG DÂN MIỀN TÂY nạn nhân của kế hoạch

Tết năm nay, nông dân tại các tỉnh Cà Mau, Bạc Liêu, Sóc Trăng trong đồng bằng sông Cửu Long không có tiền ăn Tết, nhiều người đã mang gia đình ra các thành phố lớn làm thuê để sống.

Lý do là từ nhiều năm qua, khi thấy nuôi tôm có lợi tức cao hơn trồng lúa, các cấp chính quyền địa phương đã lập kế hoạch chuyển các đồng ruộng thành hồ nuôi tôm. Khi thấy nghề nuôi tôm không mang lợi tức cao như mong muốn, họ lại khuyến khích nông dân vừa trồng lúa vừa nuôi tôm trên cùng một thửa ruộng, gọi là "diện tích lúa-tôm". Nhưng vì thiếu trình độ văn hóa, họ quên rằng đây là hai ngành nghề hoàn toàn khác nhau : nuôi tôm là nuôi tôm, trồng lúa là trồng lúa. Tôm chỉ sống trong nước mặn hay nước lợ, lúa chỉ mọc trong nước ngọt.

Giới nông dân vốn thật thà, chất phác, chính quyền nơi gi thì họ làm theo đó. Nông dân tại các tỉnh ven biển như Sóc Trăng, Trà Vinh, Bạc Liêu và Cà Mau thì nhau đào ao nuôi tôm ngay thửa ruộng của mình. Sau vài vụ thử nghiệm, mọi người đều thấy nghề nuôi tôm không thích hợp với họ và muốn trở về nghề trồng lúa... nhưng quá muộn. Ruộng của họ đã nhiễm mặn và đất phèn trôi lên giết chết đàn tôm, còn lúa thì cấy bao nhiêu cũng chết, hoặc nếu sống thì cũng ẹt không năng suất. Hầu hết những diện tích lúa-tôm này trở thành những cánh đồng hoang. Nông dân chỉ biết oán trách nhà nước, rất nhiều gia đình nạn nhân là nông dân gốc Khmer.

Diện tích lúa-tôm là một thửa ruộng ở gần cửa biển trong đó người ta đào một hồ lớn rồi mở đê để cho nước mặn chảy vào ao nuôi tôm, khi ao đã đầy thì đắp đê lại không cho nước mặn chảy ra để giữ tôm. Khi tôm vừa đủ lớn, nông dân bắt đầu cấy lúa trên thửa ruộng đó. Vào mùa khô, nước trong diện tích lúa-tôm bốc hơi để lại muối trên đất, nước phèn từ dưới đất tràn lên làm chủ khu ruộng, thế là tôm chết và lúa cũng chết.

Trong khi đó vào mùa khô, do bị các đập trên thượng nguồn sông Mekong giữ lại nước, lượng nước trên các nhánh sông Cửu Long chảy ra biển Đông không đủ mạnh để đẩy lùi lượng nước mặn từ ngoài khơi tràn vào nên các cánh đồng ven biển và hai bờ sông đều bị nhiễm mặn. Hiện nay nước mặn đã tràn tới các thành phố Mỹ Tho, Vĩnh Long và Cần Thơ và có nguy cơ tiến đến Châu Đốc và Hồng Ngự. Lượng gạo xuất khẩu trong năm 2006 sẽ sút giảm mạnh vì kém thu hoạch trong các vụ lúa đông xuân.

VIỆT NAM - WTO hậu quả của sự từ khước

Hội nghị lần thứ 6 của Tổ Chức Thương Mại Thế Giới (WTO), gồm 149 bộ trưởng các nước, được nhóm họp tại Hong Kong từ 13 đến 18-12-2005, không có sự hiện diện chính thức của Việt Nam. Nhiều vấn đề thương mại lớn đã được thông qua trong đó những quốc gia xuất khẩu nông phẩm đã có tiếng nói đang kể, nhất là giá biểu thuế quan nhập và xuất hàng hóa đã được bàn tới rất kỹ, rất thuận lợi cho những quốc gia chậm tiến.

WTO là tổ chức thương mại không có cơ quan lãnh đạo cứng nhắc, không có quốc gia nào có quyền trên quốc gia nào, tất cả đều được giải quyết bằng đồng thuận. Muốn gia nhập WTO, quốc gia ứng viên phải được tất cả các quốc gia hội viên cũ chấp nhận, chỉ cần một quốc gia thành viên từ chối thì sự gia nhập bất thành. Đó là trường hợp của Việt Nam, những cuộc đàm phán song phương với Hoa Kỳ đã không thành công nên không được gia nhập trong hội nghị bộ trưởng lần thứ 6 này tại Hong Kong.

Thật là đáng tiếc và ốing công. Nộp đơn xin gia nhập từ tháng 1-1995, Việt Nam đã có 10 phiên họp chính thức, một phiên họp trừ bị với ban công tác WTO và đã kết thúc đàm phán song phương về việc gia nhập với 21 đối tác, trừ 6 đối tác còn lại là Australia, Honduras, Dominican, Mexico, New Zealand và Mỹ (nếu thành công với Mỹ thì các đối tác kia không còn là trở ngại lớn). Công lao soạn thảo hơn 100 văn bản luật pháp trong tiến trình đàm phán bốn năm qua trở thành vô ích. Không là hội viên của WTO nên không có tiếng nói trên thương trường quốc tế, Việt Nam sẽ rất thiệt thòi trong các tranh tụng tương lai trước các tòa án thương mại quốc tế và sẽ bị chi phối bởi luật lệ của từng quốc gia.

Không biết trong hai năm tới (tháng 12-2007) Việt Nam có muốn được gia nhập vào WTO hay không, vì tình hình biến chuyển không ngừng, luật lệ về thương mại cũng thay đổi không ngừng và thái độ của những quốc gia cũng thay đổi theo vì quyền lợi của quốc gia họ.

Tổng bí thư mới

Trước ngày khai mạc hội nghị trung ương 13, bộ chính trị Đảng Cộng Sản Việt Nam đã họp phiên họp mở rộng, quyết tâm đạt đồng thuận cao trên thành phần nhân sự lãnh đạo cho đại hội 10.

Ông Trần Đình Hoan báo cáo :

- Báo cáo các đồng chí, ta đã nhất trí về đại bộ phận thành viên bộ chính trị khóa tới. Vấn đề còn lại là sắp xếp các chức vụ quan trọng. Ban tổ chức đã đề nghị mười lăm phương án. Phương án thứ nhất là...

Ông Lê Đức Anh cất lời :

- Không cần nhắc lại tất cả mọi phương án cũ. Vấn đề là chọn lựa tổng bí thư khóa 10. Đồng chí cho biết công việc tiến hành ra sao ?

Ông Trần Đình Hoan nói tiếp :

- Trong kỳ họp trước chúng ta đã nhất trí là phải chọn một tổng bí thư hoàn toàn mới gây một cú sốc mạnh cho dư luận cả trong nước lẫn thế giới.

Ông Lê Đức Anh gật đầu :

- Điều đó rất đúng, đảng nào thì Đảng cũng vẫn do tôi và Tổng Cục 2 lãnh đạo, tổng bí thư mới không quan trọng. Chúng ta cũng không quan tâm đến khả năng, đồng chí Nông Đức Mạnh biết rõ điều này.

Ông Trần Đình Hoan liệt kê các nhân vật được đề cử làm tổng bí thư : Phan Đình Diệu, Lê Đăng Doanh, Dương Trung Quốc..., nhưng tất cả đều bị bác bỏ. Ông Hoan nêu tên cựu đại tá sử gia Phạm Quế Dương. Ông Đỗ Mười nói :

- Tôi đồng ý, tên này chấp nhận được, hấn tu đạo Phật, tính tình hiền lành, sẽ không gây bạo loạn, trả thù báo oán.

Mọi người nhất trí. Ông Lê Hồng Anh dùng điện thoại ra lệnh cho công an dẫn Phạm Quế Dương tới. Khi công an bảo vệ chính trị tới nhà thì Phạm Quế Dương đang ngồi thiền, từ chối không đi, họ bèn còng tay dẫn tới buổi họp.

Phạm Quế Dương chấp tay xá mọi người theo cung cách của một thiền sư. Ông Phan Diễn thông báo quyết định của bộ chính trị. Phạm Quế Dương nói :

- Mô Phật, trước trái sau phải. Các cậu đều đã biết xấu hổ, như thế là tốt. Nguyễn Trãi đã nói lấy đại nghĩa để thắng hung tàn, đối với kẻ đã vẫy đuôi phục tội thì tôi cũng phải biết mở lòng bất sát.

Ông Nông Đức Mạnh hỏi ông Dương có chấp nhận chức tổng bí thư không. Phạm Quế Dương lim dim đôi mắt từ tốn trả lời :

- Mô Phật, sắc bất vị không, không bất vị sắc. Có cũng là không mà không cũng là có. Tôi nhận lời mà cũng không nhận lời. Tôi sẽ chỉ làm tổng bí thư để giải quyết những vấn đề lớn : làm sáng tỏ các vụ Sáu Sứ, T2, T4, lý lịch Lê Đức Anh, điều tra trách nhiệm về vụ dâng đất và biển cho Trung Quốc, vụ Đỗ Mười bị tố giác ăn hối lộ của công ty Hàn Quốc, giải quyết 100.000 đơn

MỤC LỤC

1. 2006, giành thêm thắng lợi cho dân chủ và...
Nguyễn Văn Huy
2. Nhất định không chấp nhận số phận này
Thông Luận
3. Tiếp tục chiến lược Lisbonne ?
Nguyễn Văn Huy
5. Khuynh hướng đầu tư mới vào Đông Á
Nguyễn Minh
7. Mười câu hỏi
Bài Tin
10. Tổ chức và sự hình thành của ý kiến
Nguyễn Gia Kiểng
14. Cuộc cách mạng bất bạo động
Nguyễn Gia Thường
16. Nếu có một lời đánh giá chính thức để...
Hà Sĩ Phu
18. "Văn hóa Đảng"
Việt Hoàng
22. Xứ Tây Nam Bộ
Lê Văn Hào
26. Tiếng công chiêng Tây Nguyên
Nguyễn Dominique
27. Thơ : Chị em & Đèn xanh đèn đỏ
Lê Thị Thanh Vân & Ngô Thị Mỹ Trang
Thư độc giả : Tự quyết ?
Kim Hoài Xuân
28. Thời sự quốc tế và Việt Nam
32. Tổng bí thư mới

Đầy

kiểu nại của đồng bào bị cướp đất cướp nhà, kiếm kê tài sản vợ con Trần Đức Lương, Phan Văn Khải, Võ Văn Kiệt, giải tán Tổng Cục 2 và đảng cộng sản, mời Nguyễn Đan Quế, Nguyễn Thanh Giang, Phạm Hồng Sơn, Nguyễn Vũ Bình lập chính phủ đại đoàn kết dân tộc, ban hành hiến pháp dân chủ đa nguyên, rồi sẽ lại rút lui về cuộc sống cư sĩ.

Sau đó Phạm Quế Dương xá mọi người và ra về.

Cả phòng họp im lặng, bỗng đứng ông Đỗ Mười đập bàn thét lên :

- Vậy đó hả ? Lão quá, thằng nào đề nghị mời nó làm tổng bí thư ? Đây là âm mưu của Đoàn Duy Thành. Phải kỷ luật, phải khai trừ !

Bộ chính trị ra lệnh Tổng Cục 2 điều tra và báo cáo.

Vài ngày sau Tổng Cục 2 báo cáo rằng ông Đoàn Duy Thành hoàn toàn vô can, nguyên nhân chỉ là vì ban chuẩn bị nhân sự đại hội 10 sau khi làm việc quá mệt mỏi đã rủ nhau đi nhậu thịt chó và nẩy ra ý kiến này.

Ông Lê Đức Anh chỉ thị ông Lê Hồng Anh ra lệnh công an cấm bán thịt chó trong nội thành Hà Nội trong thời gian chuẩn bị đại hội.

Đầy